CÔNG TY TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của Cơ sở

NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ GỖ CÁC LOẠI, CÔNG SUẤT 80.000 SẢN PHẨM/NĂM

Địa điểm: Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương

Bình Dương, năm 2022

CÔNG TY TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của Cơ sở

NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ GỖ, CÔNG SUẤT 80.000 SẢN PHẨM/NĂM

Địa điểm: Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương

CHỦ DỰ ÁN

CÔNG TY TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING

GIÁM ĐỐC

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CNMT NÔNG LÂM

GIÁM ĐỐC TƯ VẤN
Ths. Nguyễn Thi Hoàng Oanh

Bình Dương, năm 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT iii
DANH MỤC CÁC BẢNG iv
DANH MỤC CÁC HÌNH v
MỞ ĐẦU 1
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 2
1.1. Tên Chủ Cơ sở 2
1.2. Tên Cơ sở 2
1.2.1. Địa điểm thực hiện Cơ sở: 2
1.2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của Cơ sở : 11
1.2.3. Quy mô của Cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) 11
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của Cơ sở 12
1.3.1 Công suất hoạt động của Cơ sở : 12
1.3.2 Công nghệ sản xuất của Cơ sở: 12
1.3.3 Sản phẩm của Cơ sở 17
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước, danh mục máy móc thiết bị của Cơ sở 17
1.4.1 Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên và hóa chất của Cơ sở 17
1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện 22
1.4.3 Nhu cầu sử dụng nước 22
1.4.4. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất tại Cơ sở: 24
1.5. Tổ chức quản lý và thực hiện Cơ sở 26
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 27
2.1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 27
2.2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường 27
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 28
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 28
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa 28
3.1.2 Thu gom, thoát nước thải 29
3.1.3 Xử lý nước thải 30
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 34
3.3 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 43
3.3.1 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt 43
3.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường ... 44
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 45

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....46
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động 47
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:.....50
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:.....50
3.9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học 52
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 53
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 53
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 53
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 56
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép của Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại56
CHƯƠNG V KẾ HOẠCH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 57
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải 57
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải 58
CHƯƠNG VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....59
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở.....59
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....59
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình thiết bị xử lý chất thải 59
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật 60
6.2.1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....60
6.2.2 Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục chất thải.....61
Dự án không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc tự động liên tục, chất thải được quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.....61
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ Cơ sở.....61
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....61
CHƯƠNG VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ 62
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 63

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

ATLĐ	An toàn lao động
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BTCT	Bê tông cốt thép
BVMT	Bảo vệ môi trường
BHLĐ	Bảo hộ lao động
BVTV	Bảo vệ thực vật
Chủ Cơ sở	Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
LLKT	Lưu lượng khí thải
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
HTXLKT	Hệ thống xử lý khí thải
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
THC	Tổng hydrocarbon
TCCP	Tiêu chuẩn cho phép
TP. HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TNMT	Tài nguyên và Môi trường
UBND	Uỷ ban nhân dân
XLNT	Xử lý nước thải
XLKT	Xử lý khí thải
VOCs	Chất hữu cơ bay hơi

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ địa lý khu đất Cơ sở 2
Bảng 1.2. Quy hoạch sử dụng đất của Cơ sở 4
Bảng 1.3. Thống kê diện tích các hạng mục công trình của Cơ sở 4
Bảng 1.4. Công suất sản xuất của Cơ sở 12
Bảng 1.5. Hình minh họa sản phẩm của Cơ sở 17
Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu sản xuất 18
Bảng 1.7. Thông tin nguyên liệu, hóa chất sử dụng 19
Bảng 1.8. Tổng hợp lượng nước cấp và nước thải của Cơ sở 23
Bảng 1.9. Danh mục máy móc, thiết bị của Cơ sở 24
Bảng 1.10. Sơ đồ tổ chức quản lý và Cơ sở 26
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước mưa 28
Bảng 3.2. Các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải 33
Bảng 3.3. Danh mục các thiết bị của trạm xử lý nước thải 33
Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi gỗ 37
Bảng 3.5. Thông số kỹ thuật của hệ thống lọc bụi sơn và hơi dung môi 40
Bảng 3.6. Khối lượng phát sinh CTR công nghiệp 44
Bảng 3.7. Biện pháp thu gom, xử lý CTR công nghiệp thông thường 44
Bảng 3.8. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh 45
Bảng 3.9. Các nội dung thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường 50
Bảng 4.1: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải 53
Bảng 4.2: Thống kê nguồn phát sinh khí thải 54
Bảng 4.3: Thống kê dòng khí thải phát sinh 54
Bảng 4.4: Tọa độ xả khí thải của 21 buồng phun sơn 55
Bảng 4.5: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn theo dòng khí thải 55
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ trong 2 năm liền kề của Cơ sở 57
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc bụi, khí thải định kỳ trong 2 năm liền kề của Cơ sở 58

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1. Vị trí Cơ sở trên Google map 3
Hình 1.2. Các công trình bảo vệ hiện hữu của Cơ sở.....11
Hình 1.3. Quy trình sản xuất đồ gỗ 13
Hình 1.4. Một số hình ảnh về quy trình sản xuất 17
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của nhà máy 28
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của nhà máy 29
Hình 3.3. Kết cấu bể tự hoại 3 ngăn 30
Hình 3.4. Quy trình công nghệ xử lý nước thải, công suất 20 m^3/ngày 31
Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ thu gom, xử lý bụi gỗ.....35
Hình 3.6. Đường ống thu gom và hệ thống xử lý bụi gỗ.....36
Hình 3.7. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi từ buồng phun sơn màng nước 38
Hình 3.8. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi từ buồng phun sơn khô 39
Hình 3.9. Hình ảnh hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi 42

MỞ ĐẦU

Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing (Gọi tắt là Công ty) được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 0315677042 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 14/05/2019, thay đổi lần 4 ngày 11/08/2020.

Công ty thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Hoàng Đại Vương tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương và nhận chuyển nhượng toàn bộ máy móc thiết bị phục vụ sản xuất.

Tại địa chỉ nêu trên, Công ty TNHH Hoàng Đại Vương đã được: UBND tỉnh Bình Dương chấp thuận địa điểm đầu tư tại văn bản số 2838/UBND-KTTH ngày 14/06/2019 và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1528/QĐ-STNMT ngày 05/12/2019 của Dự án "Nhà máy sản xuất đồ gỗ các loại, công suất từ 80.000 sản phẩm/năm".

Hiện Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing đang hoạt động với ngành nghề sản xuất không thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1528/QĐ-STNMT ngày 05/12/2019 và Công tác bảo vệ môi trường được Công ty thực hiện trên Cơ sở của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nêu trên.

Do đó, báo cáo này cập nhật lại để thay đổi pháp danh chủ Cơ sở từ Công ty TNHH Hoàng Đại Vương sang Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing và thực hiện hồ sơ tuân thủ pháp luật về môi trường.

Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Cơ sở xây dựng công nghiệp có vốn đầu tư là 40.000.000.000 đồng nên thuộc Nhóm C theo Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 và thuộc mục số 9 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Do đó, Cơ sở thuộc đối tượng lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường theo Phụ lục X: Báo cáo xin cấp GPMT của Cơ sở đang hoạt động có tiêu chí môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên Chủ Cơ sở

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing
- Địa chỉ liên hệ: Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: 0274 3510653
- Người đại diện theo pháp luật:
  + Ông: XIAO, JUNHUI Chức vụ: Giám đốc.
  + Sinh ngày 13/04/1991 Quốc tịch: Trung Quốc
  + Hộ chiếu số E12407868 cấp ngày 17/02/2013 Nơi cấp: Trung Quốc
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315677042 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 14/05/2019, thay đổi lần 4 ngày 11/08/2020 cho Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing.

1.2. Tên Cơ sở

Nhà máy sản xuất đồ gỗ các loại, công suất từ 80.000 sản phẩm/năm.

1.2.1. Địa điểm thực hiện Cơ sở:

Cơ sở thực hiện tại Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Tổng diện tích khu đất: 49.741,9m^2.

Vị trí tiếp giáp của Cơ sở như sau:

+ Phía Bắc giáp với đất trồng cây, kế tiếp là đường ĐT750
+ Phía Tây giáp trồng cây cao su.
+ Phía Đông: giáp đường giao thông nông thôn 30C, bên kia đường là nhà dân và đất trồng cây cao su.
+ Phía Nam giáp xưởng sản xuất đồ gỗ của Công ty cổ phần Sáng Tạo Bình Dương.

Tọa độ địa lý khu đất Cơ sở (VN2000):

Bảng 1.1. Tọa độ địa lý khu đất Cơ sở

STT	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)
M1	1236134	584277
M2	1236095	584302
M3	1236102	584379

STT	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)
M4	1235909	584767
M5	1235853	584775

(Nguồn: Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing)

Sơ đồ mốc ranh Cơ sở và tứ cận xung quanh thể hiện chi tiết tại hình sau:

Hình 1.1. Vị trí Cơ sở trên Google map

a. Quy hoạch sử dụng đất

Cơ sở có tổng diện tích đất 49.741,9 m^2.

Hiện tại, trên khu đất đã xây dựng hoàn thiện nhà xưởng và các hạng mục phụ trợ để phục vụ sản xuất.

Cụ thể quy hoạch sử dụng đất như sau:

Bảng 1.2. Quy hoạch sử dụng đất của Cơ sở

STT	Loại đất sử dụng	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng	**28.645**	57,59
2	Đất giao thông - sân bãi	**10.852**	21,82
3	Đất cây xanh	**10.244,9**	20,60
	Tổng cộng	**49.741,9**	**100**

(Nguồn: Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing)

Diện tích các hạng mục công trình của Cơ sở:

Bảng 1.3. Thống kê diện tích các hạng mục công trình của Cơ sở

STT	Loại đất	Diện tích (m^2)	Tầng cao (Tầng)	Diện tích sàn tối đa (m^2)	Ghi chú
I	**Đất xây dựng công trình**				
A	***Công trình chính***				
1	Nhà xưởng 1 – phun sơn màng nước	3.000	1	3.000	Hiện hữu
2	Nhà xưởng 2 – đóng gói	3.000	1	3.000	Hiện hữu
3	Nhà xưởng 3 – thành phẩm	3.000	1	3.000	Hiện hữu
4	Xưởng mộc – lắp ráp, phun sơn màng nước, phun sơn khô	5.460	1	5.460	Hiện hữu
5	Xưởng hàng trắng – phun sơn UV, gia công định hình	4.620	1	4.620	Hiện hữu
6	Xưởng lắp ráp	3.900	1	3.900	Hiện hữu
B	***Công trình phụ***				
1	Kho gỗ	2.730	1	2.730	Hiện hữu
2	Kho nguyên vật liệu	1.000	1	1.000	Hiện hữu
3	Kho sơn 1	32	1	32	Hiện hữu
4	Kho sơn 2	97,5	1	97,5	Hiện hữu
5	Nhà văn phòng	567	2	1123	Hiện hữu

STT	Loại đất	Diện tích	Tầng cao	Diện tích sàn tối đa	Ghi chú
		(m^2)	**(Tầng)**	**(m^2)**	
6	Nhà ăn	336	1	336	Hiện hữu
7	Nhà nghỉ chuyên gia	155	1	155	Hiện hữu
8	Nhà xe	300	1	300	Hiện hữu
9	Nhà bảo vệ	32	1	32	Hiện hữu
10	Nhà vệ sinh (02 nhà)	108	1	108	Hiện hữu
11	Bể chứa nước PCCC (V=500 m^3)	--	ngầm	--	Hiện hữu
C	***Công trình bảo vệ môi trường***				
1	Nhà chứa CTR sinh hoạt (02 nhà)	15	1	15	Hiện hữu
2	Nhà chứa CTNH (02 nhà)	80	1	80	Hiện hữu
3	Nhà chứa CTRCN (02 nhà)	68	1	68	Hiện hữu
4	Trạm xử lý nước thải	27,5	1	27,5	Hiện hữu
5	Hệ thống xử lý bụi gỗ	129	-	129	Hiện hữu
6	Hệ thống xử lý bụi sơn bằng màng nước và Hệ thống xử lý bụi sơn bằng lưới lọc sợi thủy tinh	-	-	-	Hiện hữu (bên trong nhà xưởng)
II	**Đất giao thông sân bãi**	**10.852**			
III	**Đất cây xanh**	**10.244,9**			
	TỔNG (I+II+III)	**49.741,9**			

(Nguồn: Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing)

b. Khối lượng và quy mô hạng mục

b1. Hạng mục, công trình chính

☑ ***Nhà xưởng 1, 2, 3***

- Diện tích xây dựng: 3 nhà xưởng có diện tích bằng nhau, 3.000 m^2/nhà xưởng.
- Số tầng: 01 tầng
- Cấu trúc: Móng đơn bằng bê tông cốt thép. Đà kiềng, cổ cột bằng bê tông cốt thép; cột, khung kèo thép chịu lực mái lợp tole. Nền bê tông cốt thép, xoa phẳng mặt.

☑ ***Xưởng mộc***

- Diện tích xây dựng: 5.460 m^2
- Số tầng: 01 tầng
- Cấu trúc: Móng, cột, đà bê tông cốt thép. Khung kèo thép chịu lực, xà gồ thép, mái lợp tole. Nền bê tông cốt thép, xoa phẳng mặt.

☑ ***Xưởng hàng trắng***

- Diện tích xây dựng: 4.620 m^2
- Số tầng: 01 tầng
- Cấu trúc: Móng, cột, đà bê tông cốt thép. Khung kèo thép chịu lực, xà gồ thép, mái lợp tole. Nền bê tông cốt thép, xoa phẳng mặt.

☑ ***Xưởng lắp ráp***

- Diện tích xây dựng: 3.900 m^2
- Số tầng: 01 tầng
- Cấu trúc: Móng, cột, đà bê tông cốt thép. Khung kèo thép chịu lực, xà gồ thép, mái lợp tole. Nền bê tông cốt thép, xoa phẳng mặt.

b2. Hạng mục, công trình phụ

☑ ***Nhà kho thành phẩm và kho nguyên vật liệu***

Cơ sở có 02 nhà kho, bao gồm:

- Kho gỗ: diện tích 2.730 m^2
- Kho nguyên vật liệu: diện tích 1.000 m^2
- Cấu trúc: Móng đơn bằng bê tông cốt thép. Đà kiềng, cổ cột bằng bê tông cốt thép; cột, dầm bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông cốt thép, xoa phẳng mặt.

☑ ***Kho sơn***

- Cơ sở có 2 nhà kho chứa sơn; kho sơn 1: 32 m^2, kho sơn 2: 97,5 m^2.
- Số tầng: 01 tầng

- Cấu trúc xây dựng:
  + Tường, nền nhà, mái nhà, cột và dầm được xây dựng bằng loại vật liệu khó cháy.
  + Tường xây bằng gạch ống dày 150mm.
  + Mái đổ BTCT, sơn lót sika chống thấm, vữa M75, được tạo độ dốc để dễ dàng thu nước mưa.
  + Cửa ra vào là cửa cuốn inox kích thước 2000×3000 mm, có lắp đặt cửa thông gió.
  + Nhà chứa có nền chống thấm, có gờ chống tràn đổ chất thải lỏng, và bộ dụng cụ ứng cứu sự cố gồm găng tay cao su, mặt nạ phòng độc, vải lau thấm hóa chất lỏng tràn đổ, cát, bình PCCC.

☑ ***Nhà văn phòng***

- Diện tích xây dựng: 567 m^2, diện tích sàn xây dựng 1.123 m^2.
- Số tầng: 02 tầng, tầng 1: 567 m^2, tầng 2: 556 m^2
- Cấu trúc: Móng đơn bằng bê tông cốt thép. Đà kiềng, cổ cột bằng bê tông cốt thép; mái lợp tole. Tường xây gạch, sơn nước. Nền bê tông cốt thép, xoa phẳng mặt. Khu vệ sinh: lát gạch ceramic. Cửa sắt, nhôm kính.

☑ ***Nhà ăn***

- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: 336 m^2.
- Cấu trúc: Móng, cột, đà bê tông cốt thép. Tường xây gạch, sơn nước. Nền bê tông cốt thép, xoa phẳng mặt. Cửa sắt, nhôm kính.

☑ ***Nhà nghỉ chuyên gia***

- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: 155 m^2.
- Cấu trúc: Móng, cột, đà bê tông cốt thép. Tường xây gạch, sơn nước. Nền bê tông cốt thép, xoa phẳng mặt. Khu vệ sinh: lát gạch ceramic. Cửa sắt, nhôm kính.

☑ ***Nhà xe***

- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: 300 m^2.
- Cấu trúc: Móng, cột, đà bê tông cốt thép. Nền bê tông cốt thép, xoa phẳng mặt.

☑ ***Nhà vệ sinh***

- Cơ sở có 2 nhà vệ sinh, tổng diện tích xây dựng 108 m^2

- Cấu trúc: Móng, cột, đà bê tông cốt thép. Tường xây gạch, sơn nước. Nền bê tông cốt thép, xoa phẳng mặt. Khu vệ sinh: lát gạch ceramic. Cửa sắt, nhôm kính.

☑ ***Bể PCCC***

Cơ sở có 1 bể PCCC xây ngầm dung tích 500m^3

b3. Công trình bảo vệ môi trường

☑ ***Nhà chứa chất thải rắn + CTNH***

Nhà máy đã được Chi cục Bảo vệ môi trường cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại ngày 26/8/2020 với mã số QLCTNH: 74.004074T.

Các loại chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất và chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy được phân loại, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo quy định.

Hiện trạng kho chứa chất thải đã được xây dựng và đang được nhà máy lưu trữ chất thải, kho chứa được bố trí tách riêng với nhà xưởng và văn phòng.

- ***Đối với chất thải sinh hoạt*:** tập kết tại kho chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 15m^2 (bao gồm 2 nhà) tại đây được đặt các thùng chứa 240 lít. Hợp đồng với Hộ kinh doanh Trần Minh Tân để vận chuyển đem đi xử lý theo đúng quy định.
- ***Đối với chất thải nguy hại*:** chất thải được thu gom về 02 nhà chứa có diện tích 40m^2/nhà. Nhà chứa có mái che, nền xi măng, có gờ chống tràn, có dán nhãn cảnh báo, tên và mã của từng loại CTNH theo đúng quy định. CTNH định kỳ được hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Sen Vàng thu gom và xử lý *(Theo hợp đồng số 256HĐ/SV ngày 08/04/2022).*
- ***Đối với chất thải công nghiệp không nguy hại:*** chất thải được thu gom về kho chứa diện tích 68 m^2 (bao gồm 2 nhà) có mái che. Chất thải định kỳ được hợp đồng với Công ty TNHH đầu tư dịch vụ môi trường Phú Hưng thu gom và xử lý *(Theo hợp đồng số 01-2022/HD-TMPL ngày 18/08/2022).*

☑ ***Hệ thống thoát nước mưa***

Hiện trạng, nhà máy đã xây dựng hệ thống cống thoát nước hoàn chỉnh. Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng biệt với hệ thống thoát nước thải.

Nước mưa từ mái nhà được thu gom bằng hệ thống máng thu và ống nhựa PVC Ø90mm PVC Ø144mm dẫn về hố ga thu gom nước mưa chạy dọc đường nội bộ của nhà máy.

Nước mưa từ mái nhà xưởng, các hạng mục khác và trên mặt bằng khuôn viên nhà máy dẫn về mương thoát nước BTCT Ø600, Ø800mm.

Nước mưa sau khi được thu gom sẽ được thoát ra mương thoát nước phía Đông của nhà máy.

☑ ***Hệ thống thu gom và xử lý nước thải***

Toàn bộ nước thải phát sinh tại nhà máy được thu gom về Trạm XLNT tập trung công suất 20m^3/ngày đêm được bố trí ở phía Nam của Cơ sở bằng đường ống PVC Ø168mm. Nước thải sau HTXL đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (k_q=0,9; k_f=1,2) sau đó theo đường ống PVC Ø168mm dẫn ra mương thoát nước phía Đông cách nhà máy 13m → suối Bàu Long → suối Tham Rớt → sông Bé.

Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 187/GP-STNMT ngày 23/10/2020 *(đính kèm phần phụ lục).*

☑ ***Hệ thống xử lý khí thải***

Hiện tại nhà máy đã lắp đặt các hệ thống xử lý khí thải, bụi như sau:

- Hệ thống xử lý bụi gỗ 1: thu gom, xử lý bụi gỗ từ dây chuyền sơn UV
- Hệ thống xử lý bụi gỗ 2, 3: thu gom, xử lý bụi gỗ từ các công đoạn gia công định hình
- Hệ thống xử lý bụi sơn bằng màng sợi bông thủy tinh: 04 buồng phun sơn, mỗi buồng có 02 ống phát thải.
- Hệ thống xử lý bụi sơn bằng màng nước: 13 buồng phun sơn bằng màng nước, tương ứng mỗi buồng phun sơn có 1 ống phát thải.

B2. <u>Các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật</u>

☑ ***Hệ thống giao thông, sân bãi, cây xanh***

Hệ thống đường giao thông nội bộ trong khu nhà xưởng được xây dựng và bê tông hóa hoàn chỉnh, rộng 3,5-11m, nối liền các nhà xưởng và các công trình phụ trợ thuận tiện cho các hoạt động sản xuất của nhà máy.

Tổng diện tích cây xanh của nhà máy là 10.244,9 m^2, chiếm 20,6% đảm bảo đạt theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

☑ ***Hệ thống cấp điện***

Nguồn cấp điện cho nhà máy được lấy từ lưới điện Quốc gia thông qua tuyến cung cấp của Chi nhánh điện lực huyện Bàu Bàng.

☑ ***Hệ thống cấp nước***

Nguồn cung cấp: sử dụng nước ngầm, được khai thác sử dụng từ 02 giếng khoan trong khuôn viên nhà máy, tổng công suất khai thác 80 m^3/ngày, chiều sâu khai thác nước từ 11 – 25 m.

Giấy phép khai thác nước dưới đất số 137/GP-STNMT ngày 22 tháng 10 năm 2019 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp (đính kèm giấy phép phần phụ lục).

Hình ảnh các công trình hiện hữu của Cơ sở:

Nhà xưởng sản xuất nhìn từ cổng

Hệ thống thu gom, xử lý bụi gỗ

Đường ống thu gom và ống phát thải của hệ thống xử lý bụi sơn bằng màng nước

Trạm XLNT công suất 20 m^3/ngày

Trạm bơm PCCC

Hình 1.2. Các công trình bảo vệ hiện hữu của Cơ sở

1.2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của Cơ sở :

Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương cấp các văn bản sau:

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1528/QĐ-STNMT ngày 05/12/2019.
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 187/GP-STNMT ngày 23/10/2020.
- Giấy phép khai thác nước dưới đất số 137/GP-STNMT ngày 22 tháng 10 năm 2019.
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại ngày 26/8/2020 với mã số QLCTNH: 74.004074T.

1.2.3. Quy mô của Cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

- Tổng vốn đầu tư của Cơ sở là: 40.000.000.000 VNĐ.

Căn cứ tiêu chí phân loại Cơ sở theo quy định của pháp luật về Luật đầu tư công, thì Cơ sở thuộc nhóm C (theo Mục III, phần C, phụ lục I, NĐ 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư), có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ.

- Diện tích sử dụng đất: 49.741,9 m^2
- Công suất sản xuất: 80.000 sản phẩm/năm

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của Cơ sở

1.3.1 Công suất hoạt động của Cơ sở :

Cơ sở hoạt động sản xuất với các hạng mục sản phẩm sau:

Bảng 1.4. Công suất sản xuất của Cơ sở

STT	Sản phẩm	Công suất (Theo ĐTM đã phê duyệt)		Công suất hiện hữu	
		Sản phẩm/năm	Tấn/năm	Sản phẩm/năm	Tấn/năm
1	Giường	20.000	2.600	-	-
2	Tủ	10.000	850	80.000	8.500
3	Bàn	10.000	545	-	-
4	Ghế	40.000	720	-	-
Tổng cộng		**80.000**	**4.715**	**80.000**	**9.600**

(Nguồn: Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing)

1.3.2 Công nghệ sản xuất của Cơ sở:

☑ ***Quy trình công nghệ sản xuất***

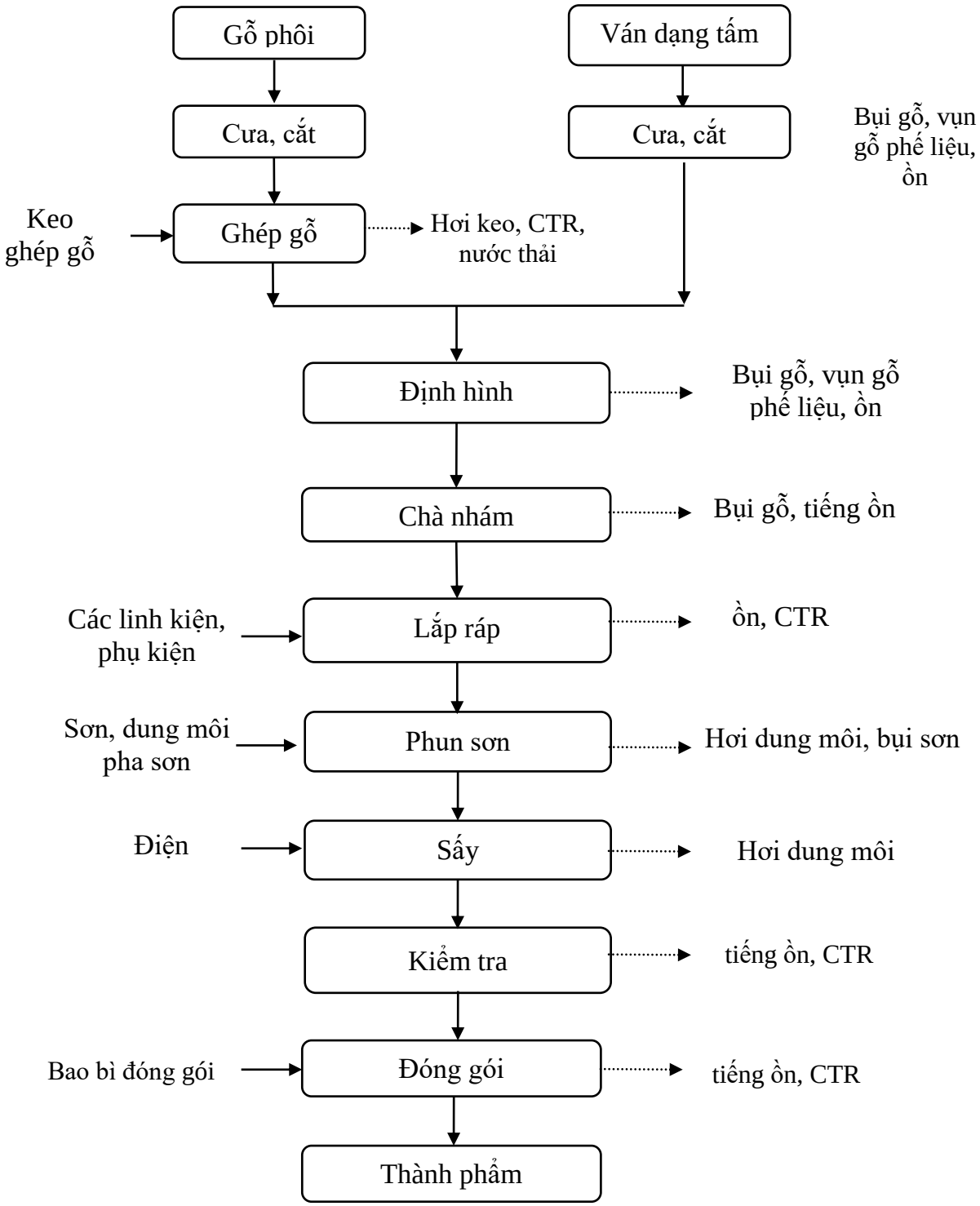

Hình 1.3. Quy trình sản xuất đồ gỗ

☑ ***Thuyết minh quy trình***

Nguyên liệu

Nguyên liệu chính phục vụ cho sản xuất của Cơ sở là gỗ phôi, ván ép thành phẩm mua từ các công ty gỗ trong và ngoài nước.

Gỗ phôi là gỗ đã được xẻ thành tấm và qua xử lý hấp sấy của các công ty ngành gỗ gia công theo tiêu chuẩn riêng của dự án đối với từng loại sản phẩm.

Cưa cắt

Gỗ phôi và ván nguyên liệu sẽ đưa vào công đoạn cưa cắt để tạo hình thô theo kích thước thiết kế của sản phẩm. Công đoạn này sử dụng máy cưa, cắt.

Tại các máy cưa, cắt bụi gỗ phát sinh được thu gom bằng các ống thu bụi dẫn về hệ thống xử lý bụi bằng cylone và túi vải, bụi thu được sẽ được thu gom xử lý cùng chất thải sản xuất, khí sạch thoát ra ngoài theo ống thải.

Ghép gỗ

Mục đích công đoạn: ghép gỗ thành các khối gỗ có kích thước phù hợp với thiết kế sản phẩm. Khối lượng gỗ cần ghép chiếm 30% tổng lượng nguyên liệu gỗ sử dụng

Keo sử dụng cho quá trình ghép gỗ là keo sữa PVA (poly vinyl acetate gốc nước).

Phương pháp thực hiện: các thanh gỗ sẽ được xếp thành dãy dài sát nhau. Công nhân sẽ dùng cọ lăn để lăn keo đều 1 mặt của thanh gỗ và để yên trong thời gian từ 3-5 phút để keo khô. Sau đó, công nhân sẽ sắp xếp các thanh gỗ vào máy ép để keo kết dính các thanh gỗ lại với nhau. Cơ sở sử dụng máy ghép thủy lực.

Định hình, chà nhám

Bao gồm các công đoạn như cưa, cắt, khoan lỗ, bào, tiện, phay, làm mộng để định hình cơ bản hình dáng các chi tiết của sản phẩm.

Các vật liệu ra vào máy gia công bằng phương pháp thủ công.

Các chi tiết sau khi được tạo hình sẽ được kiểm tra và đối chiếu với bản vẽ thiết kế. Nếu đạt theo yêu cầu thiết kế thì sẽ được đưa qua công đoạn tiếp theo, nếu không đạt sẽ tiến hành chỉnh sửa. Nếu lỗi lớn và không thể chỉnh sửa thì chi tiết đó sẽ được chuyển qua máy cưa cắt để loại bỏ phần bị lỗi, phần còn lại sẽ đưa vào tái sử dụng cho các công đoạn khác với kích thước phù hợp.

Để bề mặt gỗ được nhẵn, láng bóng và dễ bắt sơn, các chi tiết gỗ sẽ được đưa qua công đoạn chà nhám bằng các máy chà nhám và giấy nhám.

Tại các máy cưa, cắt, khoan, làm mộng, chà nhám đều là những máy kín. Bụi gỗ phát sinh được thu gom bằng các ống thu bụi dẫn về hệ thống xử lý bụi, bụi thu được sẽ được thu gom xử lý cùng chất thải sản xuất, khí sạch thoát ra ngoài theo ống thải.

Lắp ráp

Công đoạn này chỉ lắp ráp khung tủ và hộc tủ nhờ các phụ kiện như đinh ốc,.. trước khi chuyển đến công đoạn phun sơn.

Phun sơn và sấy

Cơ sở sử dụng 02 công nghệ sơn là: sơn UV bằng dây chuyền tự động và phun sơn truyền thống.

✓ ***Công nghệ sơn UV bằng dây chuyền tự động***

Sơn UV được thực hiện đối với các bề mặt phẳng, không lồi lõm.

- Đây là công nghệ sơn mới và hiện đại, sơn sử dụng là loại sơn UV, sơn dạng sệt và không sử dụng dung môi pha sơn nên giảm đáng kể được các chất ô nhiễm phát sinh (đặc biệt là hơi dung môi) cho công đoạn sơn này.

- Phương pháp thực hiện: Quá trình sơn UV được thực hiện nhờ các trục lăn, các sản phẩm có bề mặt phẳng sẽ được đưa tự động vào máy sơn UV nhờ rulo, trục lăn sẽ phủ một lớp sơn mỏng và vừa đủ để phủ kín bề mặt sản phẩm. Các chi tiết sau đó được đưa qua bộ phận sấy để làm khô sơn bằng trục lăn, công nghệ sấy là dùng các đèn UV chiếu lên bề mặt vừa sơn để làm khô sơn. Dưới tác dụng của tia UV, sản phẩm sẽ được làm khô nhanh chóng trong khoảng thời gian từ 2-3s. Sơn được chứa trong bồn chứa và được máy bơm định lượng lên trục lăn để tiến hành sơn tự động.

- Ưu điểm: Với công nghệ sơn này sẽ không làm phát sinh bụi sơn thừa, giảm đáng kể lượng sơn bị thất thoát, tiết kiệm lượng sơn sử dụng so với công nghệ phun sơn truyền thống (dùng súng sơn để phun sơn lên bề mặt sản phẩm).

- Sơn UV sử dụng là dạng sơn với 99,43% chất rắn nên sơn nhập về không tiến hành pha chế mà đưa vào sử dụng trực tiếp cho sản xuất

✓ ***Công nghệ phun sơn bằng súng sơn***

Đối với công nghệ phun sơn bằng súng sơn, Cơ sở sử dụng 2 công nghệ xử lý bụi sơn bao gồm: xử lý bụi sơn bằng màng nước và xử lý bụi sơn bằng lưới lọc sợi thủy tinh.

- Tỷ lệ sản phẩm phun sơn: xử lý bụi sơn bằng màng nước chiếm 70/% tổng lượng vật liệu cần sơn và xử lý bụi sơn bằng lưới lọc sợi thủy tinh chiếm 30/%.

- Pha sơn: Sơn mà Cơ sở sử dụng là dạng sơn thành phẩm với các màu sắc riêng. Công tác phối trộn sơn tại nhà máy chủ yếu là pha thêm dung môi để đạt độ nhớt nhất định, phù hợp với hoạt động của súng phun sơn.

- Phương pháp thực hiện:

+ Phun sơn xử lý bụi sơn bằng màng nước:

Các chi tiết lớn như khung tủ được đặt trên giá đỡ và có hệ thống truyền động (hệ thống đường ray) chạy dọc dưới nền nhà xưởng. Thiết bị dẫn truyền sẽ được điều chỉnh vận tốc đủ nhỏ (0,1-0,2 m/s), đưa vật liệu chạy ngang qua buồng phun sơn và công nhân sẽ sử dụng súng phun sơn để phun xịt lên các bề mặt của vật cần sơn. Các chi tiết sau khi được phun sơn sẽ được đưa qua công đoạn kiểm tra. Nếu màu sơn không đạt sẽ được đưa trở lại công đoạn trước để chà nhám, loại bỏ lớp sơn cũ và tiến hành sơn phủ lại.

Sản phẩm sau khi sơn theo hệ thống truyền động đưa vào buồng sấy bằng điện để làm khô lớp sơn. Nhiệt độ trung bình của buồng sấy khoảng 45-50^{0}C. Thời gian sấy kéo dài trong khoảng 10-15 phút.

Quá trình sơn và sấy được lặp đi lặp lại nhằm tạo độ bền và độ màu đạt yêu cầu.

+ Phun sơn xử lý bụi sơn bằng màng lọc sợi thủy tinh: các chi tiết nhỏ như hộc tủ được công nhân đặt trên giá đỡ ngay phía trước buồng phun sơn, giá đỡ có chiều cao ngang tầm tay của công nhân và lắp đặt cố định. Công nhân sẽ sử dụng súng phun sơn để phun xịt lên các bề mặt của vật cần sơn. Sản phẩm sau khi sơn để khô tự nhiên.

Kiểm tra và đóng gói

Sản phẩm sau khi sơn sẽ được kiểm tra chất lượng trước khi đóng gói, lưu kho và xuất bán cho khách hàng.

Hình ảnh thực tế các công đoạn sản xuất tại nhà máy:

Gia công định hình sản phẩm

Máy ghép gỗ thủy lực

Dây chuyền sơn UV

Phun sơn màng nước

Sấy sau khi phun sơn

Hình 1.4. Một số hình ảnh về quy trình sản xuất

1.3.3 Sản phẩm của Cơ sở

Sản phẩm của Cơ sở:

Bảng 1.5. Hình minh họa sản phẩm của Cơ sở

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước, danh mục máy móc thiết bị của Cơ sở

1.4.1 Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên và hóa chất của Cơ sở

Tổng hợp nhu cầu sử dụng nguyên liệu, vật liệu của Cơ sở trong quá trình hoạt động sản xuất như sau:

Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu sản xuất

Stt	Nguyên liệu	Khối lượng (tấn/năm)		Xuất xứ
		Theo ĐTM được duyệt	Hiện hữu	
Nguyên liệu chính cho hoạt động sản xuất				
1	Gỗ phôi đã qua ngâm tẩm	1.969	3.712	Việt Nam
2	Ván MDF	3.218	6.592	Việt Nam
3	Keo ghép gỗ	12	12	Việt Nam
4	Sơn UV	0	83	Việt Nam
5	Sơn NC	40,2	268	Việt Nam
6	Sơn PU	40,2	148	Việt Nam
7	Dung môi để pha sơn (pha sơn PU, sơn NC)	20,21	220	Việt Nam
8	Kính	13,62	64	Việt Nam
9	Ngũ kim (ốc, vít, bản lề)		22	Việt Nam
10	Nguyên liệu đóng gói	1,42	48	Việt Nam
11	Dầu nhớt	0,6	1,40	Việt Nam
Hệ thống xử lý khí thải				
12	Màng lọc bụi sơn bằng sợi thủy tinh	6,5	0,5	Việt Nam
13	Than hoạt tính	6,8	3,4	Việt Nam
Hệ thống xử lý nước thải				
14	Mật rỉ đường	0,21	0,24	Việt Nam
15	Javen	0,014	0,03	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing)

☑ ***Đặc tính nguyên liệu, hóa chất sử dụng***

Đặt tính nguyên liệu, hóa chất sử dụng được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.7. Thông tin nguyên liệu, hóa chất sử dụng

Stt	Tên nguyên liệu, hóa chất	Tên thành phần	CAS	Công đoạn sử dụng	Đặc tính hóa lý (theo MSDS)	Tính nguy hại của hóa chất (theo MSDS)
1.	Keo ghép gỗ	- Vinyl Acetate monomer: 46-48% - Deionized Nước: 46% -Poly Vinyl Alcohol 7%.	- 9003-20-7 -7732-18-5 -9002-89-5	Ghép gỗ	Dạng nhũ tương gốc nước, màu trắng sữa	- Rất ổn định trong điều kiện bình thường. - Có thể gây ô nhiễm đối với đất và nước. - Gây kích ứng nhẹ với da.
2.	Sơn UV	Tính chất: 99,43% chất rắn, chất chứa VOC = 0,57%, thành phần là gốc hợp chất hữu cơ gồm: - Tripropylene Glycol Diacrylate: 10-15% - Trimethylolpropane tris-acrylate: 5-15% - Photoinitiator: 3-5%	-42978-66-5 -15625-89-85 -947-19-3	Phun sơn	- Chất lỏng, nhiều màu - Nhiệt độ tự bốc cháy: 105 ^{0}C - Không hòa tan với nước, hòa tan với hầu hết dung môi hữu cơ như cồn, ether	- Mắt: Tiếp xúc trực tiếp có thể dẫn đến bị kích thích nghiêm trọng. - Da: Đối với da có thể tạo ra kích thích, ngứa, mẩn đỏ, quá độ có thể làm da bị tổn thương. - Hít phải: Có thể gây kích thích với mũi và họng, hít phải quá độ có thể làm cho cơ thể không tốt, như đau đầu, say, buồn nôn,... - Nuốt phải: Có thể làm tổn thương miệng, cổ họng, hoặc dạ dày.
3.	Sơn NC	- Xylene: 25-30% - Butyl Acetate: 35-40% - Isopropyl Alcohol: 4-8%	-1330-20-7 -123-86-4 - 67-63-0	Phun sơn	- Chất lỏng, nhiều màu - Nhiệt độ tự bốc cháy: 425 ^{0}C - Không hòa tan trong nước	- Cấp tính: gây tê liệt nhẹ hệ thần kinh, gây kích ứng mắt, da, đường hô hấp nếu tiếp xúc với nồng độ cao có thể gây đau đầu, buồn nôn, ói, chống mặt, mệt mỏi, cử động rối loạn, mất ý thức. - Mạn tính: tiếp xúc lâu sẽ dẫn đến hệ

Stt	Tên nguyên liệu, hóa chất	Tên thành phần	CAS	Công đoạn sử dụng	Đặc tính hóa lý (theo MSDS)	Tính nguy hại của hóa chất (theo MSDS)
					- Mùi: thơm	thần kinh, huyết quản, thận bị trúng độc.
4.	Sơn PU	Chất kết dính: Xylene, Naptha, Hexane, Methylethylketone, Toluene, Proprietary Polymer,	106-42-3; 64742-89-8; 110-54-3; 78-93-3; 108-88-3		- Chất lỏng, dễ cháy - Hòa tan trong nước	- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm đau nhức hoặc kích ứng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ. - Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày
		Chất đóng rắn: -Nhựa (Polyisocyanates): 40-50% -Xylene: 20-25% -Toluen: 5-10% -Sec-Butyl Acetate: 10-20%	-1330-20-7 -108-88-3 -105-46-14		- Chất lỏng, dễ cháy - Điểm chớp cháy: 27^0C - Giới hạn khả năng cháy: 1-7,4% - Điểm sôi: 138^0C	-Đường mắt: tiếp xúc trực tiếp có triệu chứng mắt đỏ, sưng, gây tổn thương cho mắt. -Đường thở: hít 1 lượng lớn gây thở gấp, buồn nôn, nhứt đầu -Đường da: tiếp xúc thường xuyên gây da khô, nứt nẻ, đỏ ửng. -Đường tiêu hóa: khi nuốt phải gây chóng mặt, nhứt đầu, trúng độc
		Màu bao gồm: resin, xylene, Digested cellulose, Talcum powder, Ethylene glycol monobutyl ether, PMA, titanium.	63148-69-6; 9004-70-0; 14807-96-6;111-76-2;51429-74-4;13463-		- Chất lỏng, nhiều màu - Điểm chớp cháy: 28^0C - Có tính oxy hóa mạnh, tính axit mạnh, tính kiềm mạnh	-Tiếp xúc với mắt: Tiếp xúc trực tiếp có thể dẫn đến bị kích ứng nghiêm trọng. -Hô hấp: Chất khí có thể gây kích ứng mũi và cổ họng, hít phải quá nhiều có thể gây khó chịu về thể chất, như nhức đầu, chóng mặt, nôn.

Stt	Tên nguyên liệu, hóa chất	Tên thành phần	CAS	Công đoạn sử dụng	Đặc tính hóa lý (theo MSDS)	Tính nguy hại của hóa chất (theo MSDS)
			67-7.			- Tiêu hóa: Có thể làm tổn thương miệng, họng và dạ dầy
5.	Dung môi để pha sơn	- Butyl acetate: 70% - Xylene: 15% - Solvent: 10% - Anti-White: 10%	-123-86-4 -1330-20-7 -108-65-6 -111-76-2	Phun sơn	- Mùi: nồng, chất lỏng, dễ cháy -Dưới điều kiện nhiệt độ cao, không tự phát sinh ra phản ứng hóa học. - Tiếp xúc với nhiệt độ cao có thể sản sinh ra CO và 1 lượng nhỏ phân tử	-Tiếp xúc với da: Tiếp xúc có thể gây khó chịu cho da, gây kích ứng cho da, ngứa, đỏ và sưng. -Tiếp xúc với mắt: Tiếp xúc trực tiếp có thể dẫn đến bị kích ứng nghiêm trọng. -Hô hấp: Chất khí có thể gây kích ứng mũi và cổ họng, hít phải quá nhiều có thể gây khó chịu về thể chất, như nhức đầu, chóng mặt, nôn. - Tiêu hóa: Có thể làm tổn thương miệng, họng và dạ dầy

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cung cấp:

Lưới điện của Công ty Điện lực Bình Dương – Điện lực Bàu Bàng.

- Nhu cầu sử dụng:

Lượng điện năng tiêu thụ cho các mục đích sau:

+ Sử dụng để vận hành máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất.
+ Sinh hoạt công nhân viên (thắp sáng, máy lạnh, quạt máy…).

Thắp sáng các công trình chức năng, cây xanh cảnh quan, giao thông sân bãi,...

Tổng nhu cầu sử dụng điện hiện tại của Cơ sở khoảng 64.838 kWh/tháng.

1.4.3 Nhu cầu sử dụng nước

☑ ***Nguồn cung cấp:***

Sử dụng nguồn nước ngầm, được khai thác sử dụng từ 02 giếng khoan trong khuôn viên Cơ sở, tổng công suất khai thác 80 m^3/ngày, chiều sâu khai thác nước từ 11 – 25m.

Giấy phép khai thác nước dưới đất tại số 137/GP-STNMT ngày 22 tháng 10 năm 2019 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp (đính kèm giấy phép phần phụ lục).

☑ ***Nhu cầu sử dụng nước cho Cơ sở :***

<u>Nhu cầu nước cho sinh hoạt công nhân</u>

Nhu cầu lao động: Số lượng công nhân là 260 người.

Theo QCVN 01/2021/BXD tiêu chuẩn nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt là 45 lít/người/ngày. Lượng nước sinh hoạt cần cung cấp:

Q = 260 người x 45 lít/người/1.000 = 11,7 m^3/ngày.

<u>Nhu cầu nước sinh hoạt của chuyên gia lưu trú tại nhà máy</u>

- Số lượng chuyên gia: 10 người.
- Theo QCVN 01/2021/BXD tiêu chuẩn nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt là 180lít/người/ngày. Lượng nước sinh hoạt cần cung cấp: 1,8 m^3/ngày.

<u>Nhu cầu nước nấu ăn</u>

Nhà máy không nấu ăn cho công nhân mà sử dụng suất ăn công nghiệp. Chỉ nấu ăn cho chuyên gia, nấu 3 bữa/ngày.

Định mức dùng nước: 15 lít/suất ăn (theo TCVN 4513:1988).

Lượng nước sử dụng cho nấu ăn: 0,45 m^3/ngày.

<u>Nước cấp cho hệ thống xử lý bụi sơn bằng màng nước</u>

Cơ sở có 13 buồng phun sơn bằng màng nước, các bể chứa nước của buồng phun sơn có kích thước như sau:

- 01 buồng có kích thước: DxRxC = 9x1,3x0,7; thể tích hữu ích 5,85m^3
- 05 buồng có kích thước: DxRxC = 9x1,3x0,7; thể tích hữu ích 5,85m^3
- 05 buồng có kích thước: DxRxC = 6x1,3x0,7; thể tích hữu ích 3,9m^3
- 02 buồng có kích thước: DxRxC = 4x1,3x0,7; thể tích hữu ích 2,6m^3

Chiều cao dự phòng của mỗi bể là 0,2m. Lượng nước trong bể được tuần hoàn tái sử dụng liên tục. Hàng ngày nhà máy sẽ cung cấp lượng nước hao hụt khoảng 5% thể tích bể. Tổng lượng nước hao hụt bổ sung hàng ngày 2,99 m^3.

Nước tưới cây

Theo QCVN 01/2021/BXD tiêu chuẩn dùng nước cho tưới cây xanh là 3 lít/m^2.

Diện tích cây xanh là 10.244,9 m^2, tương đương 30,73 m^3/ngày.

☑ ***Thống kê lượng nước cấp và lượng nước thải phát sinh từ Cơ sở:***

Bảng 1.8. Tổng hợp lượng nước cấp và nước thải của Cơ sở

STT	Nhu cầu dùng nước	Định mức	Lưu lượng nước cấp (m^3/ngày)	Lưu lượng nước thải (m^3/ngày)
1.	Sinh hoạt công nhân	45 lit/người.ngày	11,7	11,7
2.	Sinh hoạt của chuyên gia lưu trú tại Cơ sở	180 lit/người.ngày	1,8	1,8
3.	Nấu ăn cho chuyên gia	15 lit/suất ăn	0,45	0,45
4.	Nước cho hệ thống xử lý bụi sơn bằng màng nước	5% bể chứa	2,99	0
5.	Nước tưới cây	10.244,9 m^2	30,73	0
	Tổng cộng		**47,67**	**13,95**

☑ ***Nước cho chữa cháy***

Dự tính khi có sự cố cháy, lượng nước cần chữa cháy có lưu lượng q = 10 lít/s, theo TCVN 2633:1995, số đám cháy xảy ra đồng thời là 3 đám cháy thì lưu lượng cần để chữa cháy liên tục trong vòng 30 phút: Q_{cc} = 10 lit/s * 30 phút * 60s * 3 đám cháy =54 m^3.

1.4.4. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất tại Cơ sở:

Danh mục máy móc, thiết bị đã lắp đặt tại nhà máy được thống kê trong bảng sau:

Bảng 1.9. Danh mục máy móc, thiết bị của Cơ sở

STT	Tên máy móc, thiết bị	Công suất (KW)	Số lượng		Xuất xứ	Tình trạng hiện tại
			Theo ĐTM được duyệt	Hiện tại		
1	Máy gia nhiệt PRT	25	2	2	Trung Quốc	85%
2	Băng tải PRT	1	3	3	Trung Quốc	85%
3	Máy cưa băng dạng bàn trượt	2,2-4	2	6	Trung Quốc	85%
4	Máy cưa gỗ	3-12	13	15	Trung Quốc	80% - 90%
5	Máy chà nhám	2,2	7	11	Trung Quốc	80% - 90%
6	Máy phay các loại	3-5,5	6	13	Trung Quốc	80% - 90%
7	Máy khoan	2,2-9,2	6	19	Trung Quốc	80% - 90%
8	Máy khoan bàn	1,5	3	4	Trung Quốc	80%
9	Máy bào	3	1	7	Trung Quốc	80% - 90%
10	Máy cắt góc	4	1	1	Trung Quốc	80%
11	Máy mài đai ngang	1,5-4	5	7	Trung Quốc	80%
12	Máy mài lưỡi hợp kim tự động	1,85	1	1	Trung Quốc	80%
13	Máy tạo khuôn gỗ	2,2	1	1	Trung Quốc	80%
14	Máy đánh bóng	4-20	5	7	Trung Quốc	80%
15	Máy ghép khung gỗ	5	1	1	Trung Quốc	80%
16	Máy cán	3,2	0	2	Trung Quốc	90%
17	Máy cán ép phẳng	15	2	4	Trung Quốc	80% - 90%

STT	Tên máy móc, thiết bị	Công suất (KW)	Số lượng		Xuất xứ	Tình trạng hiện tại
			Theo ĐTM được duyệt	Hiện tại		
	kiểu trục lăn					
18	Máy ép ván ép lạnh bằng thủy lực	5,5	2	2	Trung Quốc	80%
19	Dây chuyền sơn UV tự động	135	0	4	Trung Quốc	80%
20	Buồng phun sơn khô	-	11	4	Việt Nam	80%
21	Buồng phun sơn màng nước	-	0	13	Việt Nam	90%
22	Súng phun sơn	-	40	58	Trung Quốc	85%
23	Băng chuyền palet	-	0	3	Việt Nam	90%
24	Buồng sấy sau phun sơn màng nước	-	1	3	Trung Quốc	90%
25	Xe nâng	3 tấn	2	3	Trung Quốc	90%
26	Xe nâng hàng bằng tay	-	20	26	Trung Quốc	80% - 90%
27	Máy hút bụi công nghiệp	45	1	2	Trung Quốc	90%
28	Hệ thống thu gom + xử lý bụi gỗ	-	3	3	Trung Quốc	80%
29	Hệ thống xử lý bụi sơn bằng màng nước	-	0	13	Việt Nam	90%
30	Hệ thống xử lý nước thải	20 m^3/ng.đêm	1	1	Việt Nam	80%

(Nguồn: Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing, năm 2022)

1.5. Tổ chức quản lý và thực hiện Cơ sở

Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing là đơn vị chủ quản, trực tiếp quản lý, điều hành và giám sát thực hiện Cơ sở.

- Tổng số cán bộ, công nhân làm việc tại nhà máy: 270 người (trong đó 10 chuyên gia).
- Thời gian làm việc: 26 ngày/tháng, 1ca/ngày, 8h/ca.

Sơ đồ tổ chức quản lý và thực hiện dự án:

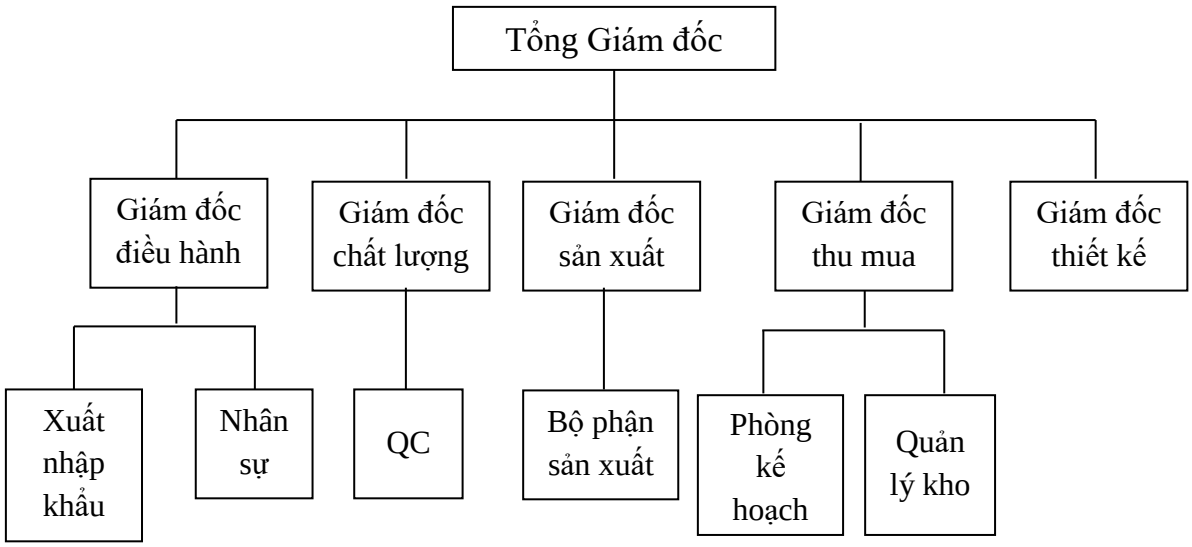

Bảng 1.10. Sơ đồ tổ chức quản lý và Cơ sở

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Không thay đổi so với báo cáo Đánh giá tác động môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 1528/QĐ-STNMT ngày 05/12/2019.

2.2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Không thay đổi so với báo cáo Đánh giá tác động môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 1528/QĐ-STNMT ngày 05/12/2019.

CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hiện trạng nhà máy đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng biệt với hệ thống thoát nước thải.

Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của nhà máy sau:

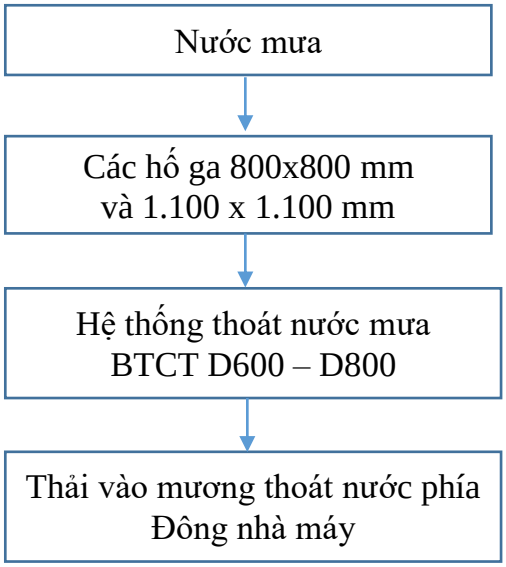

Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của nhà máy

Nước mưa từ trên mái được thu gom bằng hệ thống máng thu và ống nhựa PVC Ø114mm dẫn về hố ga thu gom nước mưa chạy dọc đường nội bộ của nhà máy.

Nước mưa chảy tràn trên mặt bằng khuôn viên nhà máy và nước mưa từ trên mái được thu gom vào các hố ga có kích thước 800 x 800 và 1.100 x 1.100 mm, khoảng cách giữa 2 hố ga tối đa là 15m, tại các hố ga có song chắn rác; rồi dẫn theo ống bê tông cốt thép D600 – D800 thoát ra mương thoát nước phía Đông nhà máy.

Thông số kỹ thuật của mạng lưới thu gom nước mưa của nhà máy được trình bày dưới bảng sau:

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước mưa

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống tròn BTCT D600mm	m	883
2	Cống tròn BTCT D800mm	m	202,4
3	Hố ga thoát nước mưa	Cái	27

3.1.2 Thu gom, thoát nước thải

☑ ***Phương án thu gom và thoát nước thải:***

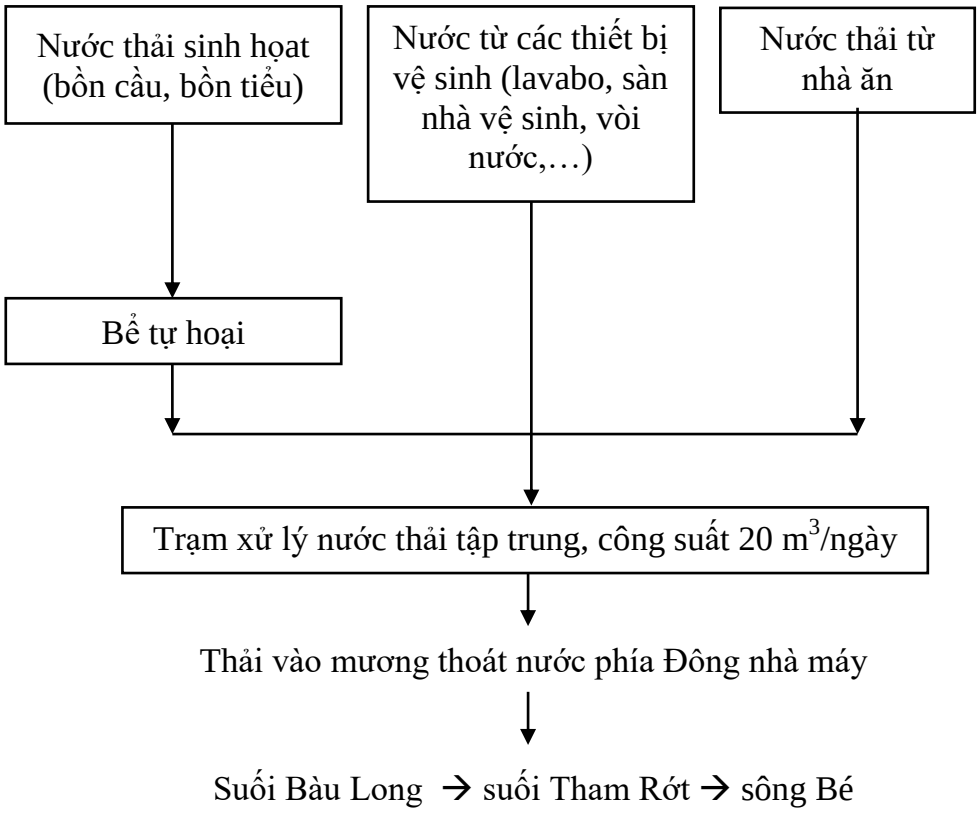

Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của nhà máy

- Đối với nước thải phân và nước tiểu được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải bằng ống PVC Ø168mm.
- Đối với nước thải sinh hoạt từ các nguồn khác như: nước thải từ chậu rửa, nước thu sàn, nhà ăn sẽ được dẫn trực tiếp về trạm xử lý nước thải bằng ống PVC Ø168mm.
- Nước thải sản xuất:
  + Nước từ các buồng phun sơn màng nước tuần hoàn tái sử dụng, hàng ngày châm thêm lượng nước hao hụt và định kỳ thu gom cặn xử lý như CTNH.

Nhà máy đã lắp đặt và đang vận hành trạm XLNT công suất 20 m^3/ngày, nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

- ***Hướng thoát nước thải sau hệ thống xử lý vào nguồn tiếp nhận***

Nước thải sau HTXL đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A theo đường ống PVC Ø168mm dẫn ra mương thoát nước phía Đông cách nhà máy 13m → suối Bàu Long → suối Tham Rớt → sông Bé.

Nhà máy đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 187/GP-STNMT ngày 23/10/2020 *(đính kèm phần phụ lục).*

3.1.3. Xử lý nước thải

a. Bể tự hoại 3 ngăn

Nhà máy xây dựng bể tự hoại để xử lý sơ bộ nước thải từ các nhà vệ sinh. Nước thải sau bể tự hoại sẽ nhập chung với các dòng nước thải sinh hoạt khác (từ bồn rửa tay, vệ sinh sàn WC) rồi dẫn ra về trạm XLNT tập trung của nhà máy.

- Chi tiết bể tự hoại

Bể tự hoại 3 ngăn được xây bằng gạch, đậy bằng tấm đan. Nguyên tắc hoạt động của bể là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng, cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật, các chất hữu cơ bị phân giải, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý của bể này theo chất lơ lửng đạt 65% - 70% và BOD_5 là 60% - 65%.

Ngăn đầu tiên của bể tự hoại có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Cặn lắng ở dưới đáy bể bị phân hủy yếm khí khi đầy bể, khoảng 6 – 8 tháng sử dụng, cặn này được hút ra theo hợp đồng với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý.

Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, cặn tiếp tục lắng xuống đáy, nước được vi sinh yếm khí phân hủy làm sạch các chất hữu cơ trong nước. Sau đó, nước chảy sang ngăn thứ ba rồi thoát ra hố ga thu gom nước thải của công ty rồi dẫn về trạm XLNT tập trung.

Bể tự hoại có kết cấu bê tông cốt thép, cấu tạo được miêu tả trong hình sau.

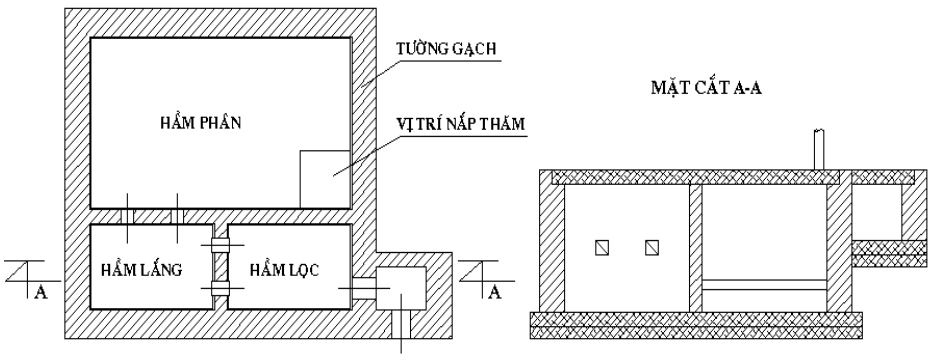

Hình 3.3. Kết cấu bể tự hoại 3 ngăn

- Hiện tại, Công ty đã xây dựng 4 bể tự hoại có tổng thể tích 52 m^3 gồm:
  + 01 bể tự hoại nhà nghỉ chuyên gia: 8 m^3.
  + 01 bể tự hoại khu văn phòng: 12 m^3.
  + 02 bể tự hoại tại 2 khu nhà vệ sinh của công nhân: 16 m^3/bể.

b. Trạm xử lý nước thải

Nhà máy đã lắp đặt và đang vận hành trạm XLNT công suất 20 m^3/ngày, nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải

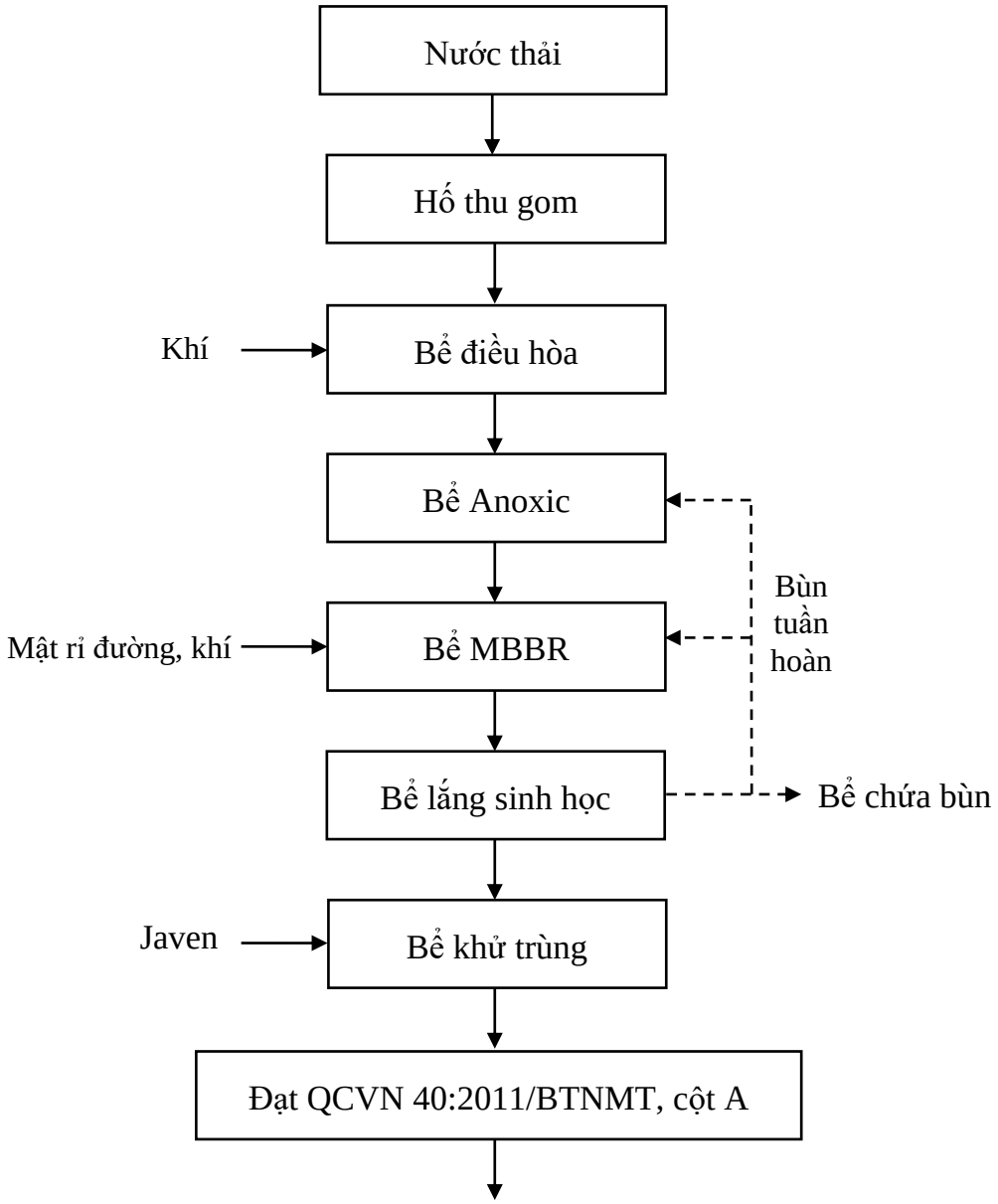

Hình 3.4. Quy trình công nghệ xử lý nước thải, công suất 20 m^3/ngày

- *Thuyết minh quy trình*

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại và nước thải từ các bồn rửa được thu gom dẫn về trạm xử lý nước thải

Bể điều hoà có nhiệm vụ tiếp nhận nước thải, ổn định lưu lượng và nồng độ của nước thải để quá trình xử lý sinh học được hiệu quả hơn. Trong bể điều hoà có bố trí hệ

thống ống phân phối khí đục lỗ ở đáy bể. Bể điều hòa với thời gian lưu nước hợp lý cộng với tác động xáo trộn mạnh của không khí được cấp từ máy thổi khí giúp nồng độ chất bẩn trong nước thải sẽ được ổn định trong toàn bể.

Từ bể điều hòa nước thải được bơm qua bể sinh học thiếu khí.

Bể thiếu khí: thực hiện quá trình khử các hợp chất N và P và chất hữu cơ trong nước thải. Ổn định chất dinh dưỡng và các nguyên tố vi lượng trước khi vào bể sinh học hiếu khí. Xử lý ni trát chuyển NH_4^+ thành NO_3^- và khử NO_3^- thành N_2 đồng thời làm giảm hàm lượng các chất hữu cơ trong nước thải bằng vi sinh thiếu khí. Quy trình diễn ra như sau:

Quá trình nitrat hóa: Các loại vi khuẩn chính tham gia vào quá trình này là Nitrosomonas và Nitrobacter. Khi môi trường thiếu ô xi các loại vi khuẩn khử nitrat sẽ tách ôxi của nitrat (NO_3^-) thành nitrit (NO_2^-) và nitrit thành N_2.

+ Khử nitrat:

$$NO_3^- + 1{,}08CH_3 + H^+ \rightarrow 0{,}065C_5H_7O_2N + 0{,}47N_2 + 0{,}76CO_2 + 2{,}44H_2O$$

+ Khử nitrit:

$$NO_2^- + 0{,}67CH_3OH + H^+ \rightarrow 0{,}04C_5H_7O_2N + 0{,}48N_2 + 0{,}47CO_2 + 1{,}7H_2O$$

Để nitrat hóa và phốt pho hóa thuận lợi tại bể xử lý thiếu khí (Anoxic) có lắp đặt máy khuấy trộn chìm nhằm đảm bảo nước thải luôn được khuấy trộn.

Sau khi qua bể thiếu khí, nước thải sẽ tự chảy qua bể hiếu khí. Phương pháp hiếu khí có sử dụng bùn hoạt tính với sự tham gia của các vi khuẩn hiếu khí lơ lửng. Các chất hữu cơ có hại cho môi trường sẽ được các vi khuẩn hiếu khí chuyển hoá thành các chất vô cơ vô hại, tại bể 1 lượng oxy thích hợp được đưa vào bằng máy thổi khí thông qua các đầu phân phối khí được đặt chìm dưới đáy bể. Trong quá trình oxy hoá các chất hữu cơ, một lượng sinh khối được tạo ra cùng với nước thải chảy sang bể lắng bùn hoạt tính. Quá trình oxy hóa chất hữu cơ trong ngăn sục khí có thể tóm tắt theo phương trình phản ứng như sau: Tế bào vi sinh + Chất hữu cơ + $O_2 \rightarrow$ Tế bào mới + CO_2 + H_2O. Nước sau khi ra khỏi bể sẽ tự chảy theo sự chênh lệch cao độ sang bể lắng bùn hoạt tính để tiếp tục quá trình xử lý.

Bể lắng bùn hoạt tính là bể lắng đứng nước thải chứa bùn hoạt tính được dẫn vào ống lắng trung tâm. Trong ống lắng nước thải và bùn sẽ đi xuống phía dưới bể và di chuyển lên phía trên qua vùng lắng. Với vận tốc lắng được thiết kế thích hợp và có tỉ trọng lớn bùn sẽ tách ra khỏi nước thải và tập trung vào đáy bể. Nước thải sau khi tách bùn sẽ đi tiếp lên phía trên tập trung vào các máng thu nước răng cưa xung quanh bể và tự chảy sang bể khử khùng. Bùn thải sẽ được bơm bùn dẫn về tuần hoàn cho bể thiếu khí, bể hiếu khí; 1 phần dư thì bơm bùn sẽ bơm về bể chứa bùn.

Bể khử trùng: là công đoạn sau cùng của hệ thống xử lý. Tại đây, hoá chất khử trùng là Javen sẽ được bơm vào liên tục bằng bơm định lượng. Sau thời gian tiếp xúc cần thiết, hầu hết các vi khuẩn gây bệnh trong nước sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn, đảm bảo an toàn cho nước thải về mặt vi sinh trước khi xả ra môi trường.

Chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q= 0,9; K_f= 1,2)

- Các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 3.2. Các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải

STT	Hạng mục	Kích thước Dài x rộng x cao (m)	Thể tích hữu ích (m^3)	Thời gian lưu nước (h)	Số lượng	Vật liệu
1	Hố gom	-	0,6	-	2	BTCT
2	Bể điều hòa	2,5 x 2,33 x 2,7	15,8	16,8	1bể	Thép CT3, sơn epoxy
3	Bể thiếu khí (Anoxic)	1,3 x 1,1 x 2,7	3,9	4,12	1 bể	
4	Bể sinh học hiếu khí	2,25 x 1,3 x 2,7	7,9	8,42	1 bể	
5	Bể lắng bùn sinh học	1,21 x 1,19 x 2,7	3,9	4,16	1 bể	
6	Bể khử trùng	1,21 x 0,57 x 1,0	0,69	0,58	1 bể	
7	Bể chứa bùn	2,33 x 0,85 x 2,7	1,5	1,61	1 bể	

(Nguồn: Thuyết minh thiết kế trạm XLNT của Cơ sở)

- Danh mục các thiết bị của trạm xử lý nước thải:

Bảng 3.3. Danh mục các thiết bị của trạm xử lý nước thải

Stt	Hạng mục	Tên thiết bị	Mô tả thiết bị
1	Hố gom	Bơm nước thải	Công suất: 3,75kw; 380V. Lưu lượng: 3 m^3/giờ Cột áp: 7m
2	Bể điều hòa	Bơm nước thải	Công suất: 1,5kw; 380V. Lưu lượng: 1 m^3/giờ Cột áp: 5m
		Đĩa phân phối khí	Công suất 3,75kw; 380V Lưu lượng: 2,5 m^3/phút Chất liệu: FC

Stt	Hạng mục	Tên thiết bị	Mô tả thiết bị
3	Bể thiếu khí (Anoxic)	Bơm khuấy chìm	Công suất: 1,5 kw; 380V. Lưu lượng: 7 m^3/giờ Cột áp: 4m
4	Bể hiếu khí	Máy thổi khí	Công suất: 5 kw; 380V. Lưu lượng: 0,4 m^3/phút Cột áp: 2,5m
5	Bể lắng	Máy bơm bùn	Công suất: 1,5kw; 380V Lưu lượng: 0,2 m^3/phút Chất liệu: FC
6	Bơm định lượng hóa chất		Kiểu bơm màng Công suất: 15kw; 380V

(Nguồn: Thuyết minh thiết kế trạm XLNT của Cơ sở)

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Biện pháp giảm thiểu khí thải do các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy

Sự ảnh hưởng này chỉ mang tính chất cục bộ, ảnh hưởng nhiều nhất đối với công nhân trực tiếp bốc xếp. Do đó, Công ty trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho những công nhân lao động trực tiếp như khẩu trang, kính bảo hộ, găng tay,…

Công ty áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do khí thải từ các phương tiện giao thông vận tải ra vào nhà xưởng như sau:

- Bê tông hóa các đường nội bộ ra vào Nhà máy
- Sử dụng nhiên liệu đúng thiết kế với động cơ
- Định kỳ bảo dưỡng và kiểm tra xe
- Không chở quá tải trọng quy định
- Không cho xe nổ máy trong khi chờ nhập, xuất nguyên liệu, sản phẩm.

b. Giảm thiểu bụi gỗ từ các công đoạn sản xuất

Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu bụi gỗ như sau:

Bụi gỗ phát sinh từ hầu hết các công đoạn sản xuất. Để xử lý lượng bụi này, công ty đã lắp đặt các đường ống bằng nhựa (dạng ống ruột gà), chụp hút để thu gom bụi ngay tại các máy gia công (máy cưa, máy bào, máy chà nhám,…), đấu nối về đường ống chính bằng thép và dẫn về hệ thống xử lý bụi tại nhà máy.

Nhà máy đã lắp 3 hệ thống thu gom xử lý bụi gỗ như sau:

- Hệ thống xử lý bụi gỗ 1: thu gom, xử lý bụi gỗ từ dây chuyền sơn UV
- Hệ thống xử lý bụi gỗ 2, 3: thu gom, xử lý bụi gỗ từ các công đoạn gia công.

Quy trình công nghệ của các hệ thống xử lý như sau:

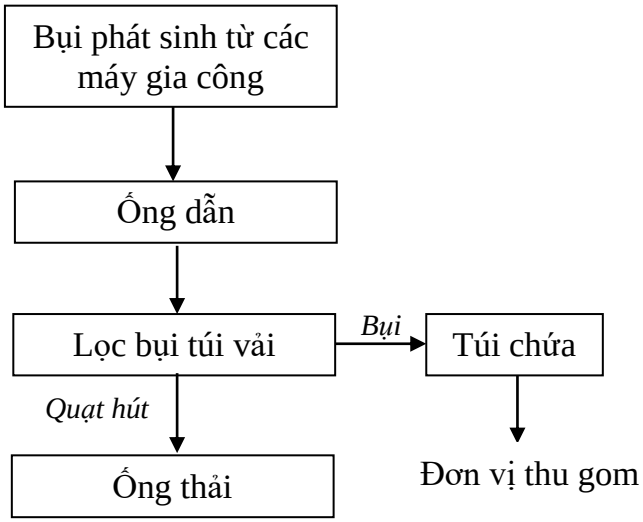

Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ thu gom, xử lý bụi gỗ

- Thuyết minh quy trình:

Tại các máy gia công sẽ được lắp đặt từ 1-2 đường ống ruột gà để hút và đưa bụi vào đường ống dẫn chung. Đường ống ruột gà có đường kính từ 100-150mm.

Từ đường ống ruột gà, bụi sẽ được dẫn vào ống góp được làm bằng thép không gỉ, đường kính ống góp từ 200-500mm. Từ ống góp, bụi sẽ được dẫn về ống chính (đường ống thu gom và đưa về thiết bị xử lý), đường ống chính được làm bằng thép không gỉ, có đường kính từ 500-900mm.

Từ đây bụi được hút về thiết bị lọc bụi túi vải dòng khí được đưa vào phần thân dưới của thân hình trụ rồi theo các ống túi vải đi từ trong ra ngoài để đi vào ống góp khí sạch. Khi bụi đã bám nhiều trên mặt trong làm cho sức cản của chúng tăng cao ảnh hưởng đến năng suất lọc, nhà máy tiến hành hoàn nguyên bằng cách phụt không khí nén kiểu xung lực để không khí đi từ ngoài vào trong ống tay áo. Tác động xung lực của khí nén sẽ làm túi vải bung ra đột ngột và làm lớp bụi bị bong ra, rơi xuống phễu chứa. Khi tiến hành tái sinh vải, một phần bụi lắng được bong ra, nhưng bên trong vải vẫn còn lại một lượng lớn bụi nằm giữa các sợi và xơ và vẫn giữ được hiệu suất lọc cao, vì vậy khi tái sinh vải không nên làm sạch quá mức đối với vải. Bên trong thiết bị có túi vải được bố trí đều trên mặt sàn phân phối khí.

Phương án thu gom bụi: Bụi sau khi thu gom, được chứa tại túi chứa bụi nằm phía dưới thiết bị lọc túi vải. Khi tới đợt gom bụi, túi chứa bụi nằm dưới thiết bị lọc túi vải sẽ được tháo ra và thay túi mới. Xe tải sẽ được phủ bạt để che kín toàn bộ thùng chứa để bụi không phát tán vào không khí trong quá trình thu gom và trên quãng đường vận chuyển.

- Hình ảnh hệ thống thu gom, xử lý bụi gỗ đã lắp đặt tại nhà máy:

Đường ống thu gom bụi gỗ từ các máy gia công và chuyền sơn UV

Hệ thống xử lý bụi gỗ

Hình 3.6. Đường ống thu gom và hệ thống xử lý bụi gỗ

- ***Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi gỗ***:

Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi gỗ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Quạt hút	Công suất 45kw	2 cái
		Công suất 55kw	1 cái
2	Buồng lọc túi vải	DxRxC: 6.500 x 2.558 x 11.850mm	3 cái
3	Túi vải cho 1 buồng lọc	Đường kính D150, chiều cao 4,5m, 102 túi vải	3 cái
4	Ống phát thải	Đường kính 800mm	3 cái

(Nguồn: Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hệ thống xử lý bụi gỗ)

c. Xử lý bụi sơn và hơi dung môi từ khu vực phun sơn gỗ

Nhà máy sử dụng 2 công nghệ phun sơn: công nghệ sơn UV và phun sơn truyền thống bằng súng sơn.

- Công nghệ sơn UV là công nghệ sơn mới, thân thiện với môi trường thông qua việc không sử dụng dung môi để pha sơn, thành phần của sơn là 100% các chất rắn, không chứa dung môi, làm khô từ đèn tia UV, sơn tự động bằng trục lăn nên sẽ không phát sinh bụi sơn. Tại các máy sơn và máy sấy UV sẽ có thiết bị hút nhiệt thừa từ quá trình sấy và cho thoát ra ngoài qua ống xả đi kèm với máy. Bụi từ công đoạn chà nhám của dây chuyền này cũng được lắp đặt chụp hút và đường ống thu gom, đưa về hệ thống xử lý bụi gỗ của nhà máy để xử lý.

Vì vậy, bụi sơn và hơi dung môi phát sinh chủ yếu từ hoạt động của công đoạn phun sơn truyền thống bằng súng sơn. Biện pháp nhà máy đang áp dụng như sau:

- Lắp đặt buồng phun sơn để thực hiện phun sơn tập trung, thuận tiện trong công tác thu gom và xử lý.
- Điều chỉnh các súng phun sơn, tạo vận tốc khoảng 0,2 m/s để sơn được phun ra và bám phần lớn trên sản phẩm, hạn chế bụi sơn thừa phát tán ra môi trường không khí đồng thời tiết kiệm tối đa lượng sơn sử dụng.
- Trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân khi thao tác phun sơn.
- Lắp đặt thiết bị thu gom, xử lý bụi sơn và hơi dung môi. Quy trình như sau:

☑ ***Xử lý bụi sơn và hơi dung môi từ buồng phun sơn màng nước***

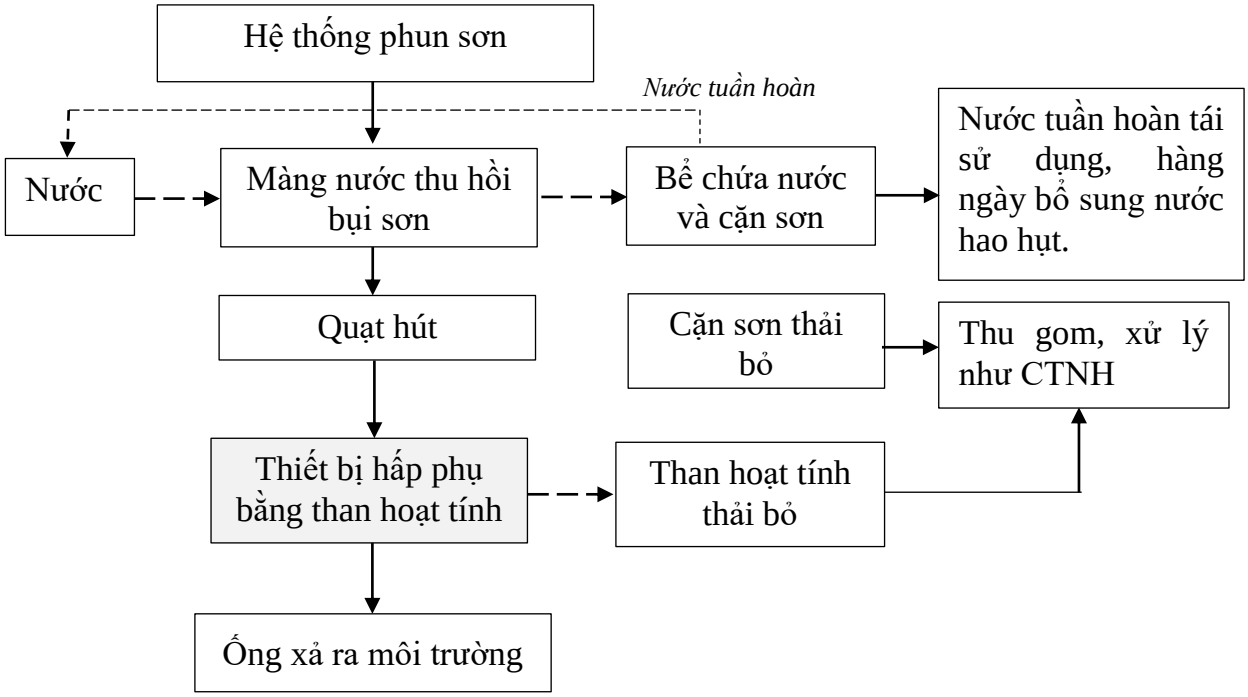

Hình 3.7. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi từ buồng phun sơn màng nước

Ghi chú:

Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính dự kiến sẽ lắp đặt

- Thuyết minh quy trình

Các sản phẩm cần sơn được đưa đến buồng sơn bằng chuyền pallet để tiến hành thao tác. Tại mỗi buồng sơn có bố trí hệ thống xử lý bụi sơn bằng màng nước và quạt hút khí, đảm bảo khí thải phát sinh được thu gom, xử lý. Nước từ hệ thống tưới vào máng phân phối nằm bên trên vách chảy tràn (màng nước) qua các ống nối với bơm nước. Khi tràn qua mép máng nước tạo thành màn liên tục để giữ bụi sơn, hơi dung môi sẽ qua màng nước và được đẩy lên thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính, khí sạch sau xử lý thoát ra ngoài bằng ống thoát khí phía trên. Định kỳ thay thế than hoạt tính, than hoạt tính bão hòa thải được thu gom, xử lý như chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- *Nguyên lý hoạt động của hệ thống lọc bụi sơn bằng màng nước*: Công ty sử dụng biện pháp sơn bằng súng, sơn sau khi ra khỏi vòi xịt sẽ bám lên các thanh gỗ, phần bụi sơn dư thừa phát tán vào không khí sẽ được quạt hút đưa hướng về phía màng nước của hệ thống xử lý. Khi sơn đến màng nước, bụi sơn sẽ bị bám vào màng nước, theo chiều trọng lực trôi xuống đáy bể chứa đặt ở phía dưới. Phía sau vách màng nước là tổ hợp các vách ngăn và hệ thống vòi phun làm nhiệm vụ phân ly nước khỏi không khí và rửa sạch bụi sơn. Nước tuần hoàn được bơm lại vào máng, hàng ngày nước được bổ sung thêm để bù lượng hao hụt.

Đối với cặn sơn từ bể chứa nước của buồng phun sơn màng nước định kỳ 1 tuần thu gom 1 lần và xử lý như chất thải nguy hại theo đúng quy định.

✓ ***Xử lý hơi dung môi***

Dòng khí sau khi qua hệ thống màng nước chủ yếu còn lại hơi dung môi sẽ được đẩy lên thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính.

- *Nguyên lý hoạt động của thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính:*

Phần hơi dung môi sau khi qua màng lọc bụi sơn bằng màng nước sẽ được hút và đưa qua các ống xả trên đỉnh buồng phun sơn. Mỗi buồng phun sơn có 1 ống xả, công ty sẽ lắp đặt thiết bị lọc than hoạt tính cục bộ tại mỗi ống xả. Dự án có 13 buồng phun sơn ➔ có 13 ống xả ➔ lắp đặt 13 thiết bị.

Than hoạt tính là một chất gồm chủ yếu là nguyên tố carbon có cấu trúc thể hiện dạng tổ ong rất đặc trưng. Nhờ cấu trúc này, trong 1g than hoạt tính, diện tích bề mặt của tất cả các lỗ rỗng có thể đạt tới 800 - 1.300m^2/g nên than hoạt tính có tính hấp phụ rất mạnh. Khi dòng khí có lẫn hơi khí độc đi qua than hoạt tính, các hơi khí độc sẽ bị giữ lại trong các lỗ rỗng của than hoạt tính, khí sạch sau xử lý được hút qua quạt ly tâm và thải ra ngoài môi trường qua ống xả. Lượng than hoạt tính bão hòa sẽ được đóng bao, đưa về nhà kho chứa CTNH và hợp đồng với đơn vị chức năng để xử lý.

☑ ***Xử lý bụi sơn và hơi dung môi từ buồng phun sơn khô***

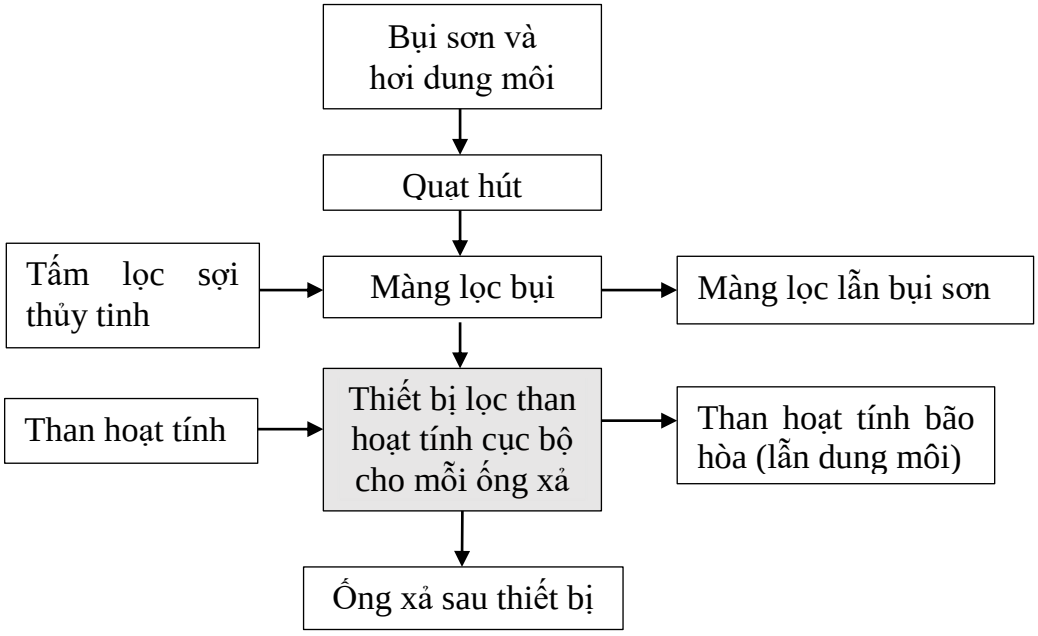

Hình 3.8. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi từ buồng phun sơn khô

Ghi chú:

Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính dự kiến sẽ lắp đặt

- Thuyết minh quy trình

Để xử lý bụi sơn thừa từ quá trình phun sơn, công ty đã lắp đặt các quạt hút để hút bụi sơn thừa phát tán trong quá trình sơn về phía buồng sơn. Trên thành buồng sơn có lắp đặt màng lọc bụi bằng sợi thủy tinh trải dài hết chiều dài và chiều cao buồng, bụi sơn sẽ bám dính lên tấm lọc này và hơi dung môi sẽ qua màng lọc và được hút đẩy lên 02 ống xả trên đỉnh của buồng phun sơn. Màng lọc sẽ được thay mới định kỳ và được xử lý như chất thải nguy hại.

Nguyên lý hoạt động của thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính xử lý hơi dung môi tương tự như trình bày phía trên.

- ***Thông số kỹ thuật của hệ thống lọc bụi sơn và hơi dung môi***

Bảng 3.5. Thông số kỹ thuật của hệ thống lọc bụi sơn và hơi dung môi

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
I	*Hệ thống phun sơn màng nước*		
1	Buồng phun sơn màng nước	DxRxC = 9 x 3,9 x 3m Vật liệu inox 304	1
		DxRxC = 9 x 2,3 x 3m Vật liệu inox 304	5
		DxRxC = 6 x 2,3 x 3m Vật liệu inox 304	5
		DxRxC = 4 x 2,3 x 3m Vật liệu inox 304	2
2	Bể chứa nước phía dưới buồng phun sơn màng nước	DxRxC = 9 x 1,3 x 0,7m	6
		DxRxC = 6 x 1,3 x 0,7m	5
		DxRxC = 4 x 1,3 x 0,7m	2
3	Quạt hút buồng phun sơn	Công suất 1,5kw	13
4	Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính	- Hình thức lắp đặt: lắp đặt cục bộ cho mỗi ống xả của buồng sơn - Hình khối chữ nhật, D x R x C = 500 x 500 x 750 (mm), dày 3mm. - Thể tích: 0,18 m^3 - Thể tích chứa than: 0,14 m^3 - Chất liệu: thép CT3	13
5	Quạt ly tâm hút đẩy khí	Công suất: 22kw	13

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
6	Ống phát thải	Đường kính ống D = 400mm. Cao hơn mái nhà xưởng 0,5m. Vật liệu: thép sơn epoxy	13
II	*Hệ thống xử lý bụi sơn bằng màng sợi thủy tinh*		
1	Buồng phun sơn	DxRxC = 4 x 2,3 x 3 m	4
2	Quạt hút	Công suất: 1,5kw	8
3	Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính	- Hình thức lắp đặt: lắp đặt cục bộ cho mỗi ống xả của buồng sơn - Hình khối chữ nhật, D x R x C = 500 x 500 x 750 (mm), dày 3mm. - Thể tích: 0,18 m^3 - Thể tích chứa than: 0,14 m^3 - Chất liệu: thép CT3	8
4	Ống phát thải	Đường kính ống D = 600mm. Cao hơn mái nhà xưởng 0,5m. Vật liệu: thép sơn epoxy	8

✓ ***Khối lượng than hoạt tính sử dụng, tần suất thay và khối lượng than thải bỏ***

Khối lượng than hoạt tính sử dụng và tần suất thay than

- Chiều cao tiếp xúc (chiều cao chứa than): h_{tx}=0,55m
- Tiết diện các lớp than: 0,25m^2. Thể tích chứa than trong thiết bị W = 0,14 m^3.
- Than hoạt tính sử dụng có khối lượng riêng 300kg/m^3

➔ Như vậy lượng than hoạt tính cần là M = 41 kg/ thiết bị xử lý.

Thời gian thay than 3 tháng 1 lần (4 lần/năm).

Tổng khối lượng than hoạt tính cần sử dụng trong năm = 41 kg/ thiết bị xử lý x 21 thiết bị x 4 lần/năm = 3.465 kg/năm.

Khối lượng than thải bỏ

Khối lượng than hoạt tính thải = Than hoạt tính nguyên liệu + khối lượng chất ô nhiễm hấp phụ được (tính bằng 20% khối lượng than)

= 3.465 kg + 20% * 3.465 kg = 4.158 kg/năm.

Như vậy, tổng lượng than hoạt tính thải bỏ khoảng 4.158 kg/năm.

- Hình ảnh hệ thống xử lý bụi sơn đã lắp đặt tại nhà máy và thiết bị hơi dung môi sẽ lắp đặt:

Xử lý bụi sơn bằng màng sợi thủy tinh

Màng nước xử lý bụi sơn

Ống phát thải của hệ thống xử lý bụi sơn bằng màng nước

Hình 3.9. Hình ảnh hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi

d. Giảm thiểu hơi keo từ công đoạn ghép gỗ

Quá trình ghép, dán gỗ nhà máy sử dụng keo Poly Vinyl Acetate (CH_2COOCH_3), keo Poly Vinyl Acetate là keo gốc nước không chứa Formaldehyde, phenol, amin nên khi

sử dụng không phát sinh hơi dung môi độc hại. Do đó, Công ty đã áp dụng các biện pháp như sau:

- Xây dựng nhà xưởng cao, thoáng dễ phát tán các khí gây mùi.
- Lắp đặt quạt hút công nghiệp cho các nhà xưởng nhằm khuếch tán các khí độc để đảm bảo sức khỏe cho công nhân.
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân như: khẩu trang, bao tay.

e. Giảm thiểu tác động môi trường không khí từ các nguồn khác

- Chất thải được lưu trữ trong các thùng chứa có nắp đậy kín.
- CTR được vận chuyển đi xử lý thường xuyên, không để tình trạng tồn đọng gây phân hủy phát sinh mùi.
- Khu vực lưu chứa bố trí khu vực ít người qua lại để hạn chế ảnh hưởng của mùi và đảm bảo mỹ quan.
- Bố trí nhân viên dọn vệ sinh hằng ngày nhằm hạn chế ô nhiễm mùi hôi của chất thải.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì hệ thống phân phối khí và sục khí ở các bể điều hòa, bể hiếu khí để duy trì điều kiện hiếu khí, giảm thiểu việc phát sinh các khí gây mùi H_2S, Mercaptan, CH_4...do phân hủy kỵ khí sinh ra.
- Thiết lập chế độ bơm nước thải tại các bể chứa, bể tiếp nhận, để đảm bảo thời gian lưu nước của các bể, nước thải thu gom về được bơm đi xử lý ngay, tránh tình trạng phân hủy kỵ khí ở các bể do lưu nước thải lâu ngày.

3.3 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Khối lượng phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại nhà máy khoảng 270 kg/ngày (số lượng nhân viên 270 người).

Trong đó, thành phần chính chủ yếu là chất hữu cơ như thức ăn thừa, rau củ có nguồn gốc từ nhà ăn là các chất dễ bị phân hủy gây mùi hôi thối nếu không có biện pháp quản lý thích hợp.

- Thu gom, lưu trữ

Để thu gom lượng rác này, nhà máy đã bố trí các thùng rác nhựa 240 lít đặt tại văn phòng, nhà ăn và phân bố rải rác tại các nhà xưởng để thu gom rác sinh hoạt phát sinh trong ngày. Trong các khu nhà vệ sinh cũng được trang bị các thùng 20lít để thu gom rác thải sinh hoạt.

Tất cả CTR sinh hoạt phát sinh sẽ được thu gom và tập trung vào thùng chứa có nắp đậy dung tích 240lit, các thùng này được lưu trữ tại nhà chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 15m^2.

- Vận chuyển, xử lý

Hiện tại nhà máy ký hợp đồng với Hộ kinh doanh Trần Minh Tân để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Tần suất thu gom: 2 ngày/lần.

3.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thành phần và khối lượng phát sinh

CTR công nghiệp thông thường phát sinh tại nhà máy được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 3.6. Khối lượng phát sinh CTR công nghiệp

STT	Lọai chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Giấy vụn, bao bì đựng văn phòng phẩm	0,36
2	Gỗ vụn phế phẩm không dính thành phần nguy hại	649
3	Bụi gỗ, mùn cưa, dăm bào	72
4	Bao bì đóng gói thải	1,44
5	Ngũ kim hỏng thải bỏ	0,44
Tổng		**723,52**

- Thu gom, lưu chứa

Biện pháp thu gom, xử lý CTR công nghiệp thông thường tại nhà máy được thực hiện như sau:

Bảng 3.7. Biện pháp thu gom, xử lý CTR công nghiệp thông thường

STT	Lọai chất thải	Biện pháp xử lý
1	Giấy vụn, bao bì đựng văn phòng phẩm	Thu gom và lưu trữ trong nhà kho chứa, hợp đồng với đơn vị chức năng để bán.
2	Bao bì đóng gói thải như thùng carton, dây đai, bì nylon	
3	Ngũ kim hỏng thải bỏ	
4	Gỗ vụn, dăm bào	Gỗ vụn từ các công đoạn sản xuất sẽ được công nhân sử dụng xe đẩy để đưa về khu chứa phế liệu gỗ

STT	Loại chất thải	Biện pháp xử lý
		➔ hợp đồng bán lại cho các đơn vị có chức năng.
5	Bụi gỗ, mùn cưa	Được hút và thu gom bởi quạt hút và đường ống dẫn, được tách ra khỏi dòng khí thải thông qua túi vải. Toàn bộ lượng chất thải này sẽ được chứa trong buồng chứa bụi ➔ xả trực tiếp lên xe thu gom kín (khi đơn vị thu mua đến lấy).

Nhà chứa CTR công nghiệp thông thường có diện tích 68 m^2.

- ***Vận chuyển, xử lý:*** Chất thải định kỳ được hợp đồng với Công ty TNHH đầu tư dịch vụ môi trường Phú Hưng *(Theo hợp đồng số 01-2022/HD-TMPL ngày 18/08/2022)* định kỳ thu gom và xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Khối lượng CTNH phát sinh:

Bảng 3.8. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Thùng kim loại đựng keo, sơn, dung môi	18 01 02	10.785
2	Cặn sơn thải	08 01 01	3.493
3	Keo thải	08 03 01	60
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	30
5	Thùng đựng dầu nhớt bằng nhựa	18 01 01	110
6	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, dính sơn, keo, dung môi	18 02 01	1.560
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	220
8	Bao bì mềm thải đựng hóa chất HTXL nước thải	18 01 01	60
9	Màng lọc bụi sơn thải (lẫn bụi sơn)	18 02 01	93,6
10	Than hoạt tính bão hòa sau khi hấp phụ hơi dung môi	18 02 01	4.158
Tổng			**20.570**

- Thu gom, lưu chứa

Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại ngày 26/8/2020 với mã số QLCTNH: 74.004074T.

Khi có chất thải nguy hại phát sinh, nhân viên công ty có trách nhiệm đưa chất thải tới khu vực lưu trữ riêng cho chất thải nguy hại.

Các thùng chứa CTNH được thu gom về 02 nhà kho chứa diện tích 40 m^2/nhà. Nhà chứa CTNH đảm bảo đạt các yêu cầu: nhà chứa đặt ở khu vực cao ráo, có nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn chất thải ra ngoài để phòng trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ chất thải đang lưu chứa trong nhà chứa, có mái che, có cửa khóa và biển báo ghi rõ Khu vực lưu chứa CTNH và các biển báo nguy hiểm phù hợp với các loại CTNH đang lưu trữ.

- Vận chuyển, xử lý

Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý lượng chất thải này. Hiện tại nhà máy đang ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Sen Vàng thu gom và xử lý *(Theo hợp đồng số 256HĐ/SV ngày 08/04/2022).*

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

a. Đối với tiếng ồn do phương tiện giao thông:

+ Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm 5km/h, không bóp còi.
+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.
+ Ngoài các xe chuyên chở nguyên vật liệu, sản phẩm và thu gom chất thải, các loại phương tiện đều phải gửi ngoài bãi xe.q

b. Đối với tiếng ồn, rung động trong sản xuất:

+ Nhà xưởng được thiết kế cao thông thoáng, tạo môi trường làm việc rộng rãi.
+ Lắp đặt thiết bị hiện đại, độ ồn thấp.
+ Các máy móc được lắp đặt chắc chắn trên bệ máy bằng BTCT.
+ Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị. Thông thường chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4 – 6 tháng/lần.
+ Nhắc nhở nhân viên bốc dỡ và nhân viên vận hành xe nâng lái xe êm, bốc dỡ nhẹ nhàng, hạn chế tiếng ồn.

Công ty áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung đảm bảo tiếng ồn và độ rung từ các hoạt động của Cơ sở đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 24:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động

a. Phòng chống cháy nổ

Nhà máy thực hiện đúng theo Luật Phòng cháy Chữa cháy và các quy định về Phòng cháy Chữa cháy đã được cơ quan có chức năng phê duyệt cho nhà máy, bao gồm:

+ Bố trí trung tâm báo cháy tự động ở các nhà xưởng chính. Bố trí hệ thống chống cháy nổ, các dụng cụ chữa cháy như bình CO2, cát, xẻng,… xung quanh các khu vực dễ xảy ra cháy.
+ Các phương tiện PCCC được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng hoạt động.
+ Các loại dung môi và nhiên liệu dễ cháy được lưu trữ trong các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.
+ Các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao sẽ được quản lý thông qua các hồ sơ lý lịch đã được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước.
+ Dán các biển "CẦM LỬA", "CẤM HÚT THUỐC" tại khu vực chứa nguyên vật liệu, sản phẩm tạm thời được bố trí tại khu vực riêng, tránh xa nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.
+ Tại các nơi dễ cháy nổ, lắp đặt biển cảnh báo, hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động, đồng thời bố trí đầy đủ biển cảnh báo cháy nổ, biển báo cấm lửa, cấm người không phận sự ra vào.
+ Thành lập đội phòng chống, ứng cứu sự cố cháy nổ tại chỗ. Thường xuyên tổ chức huấn luyện cho toàn bộ cán bộ, công nhân về PCCC và phương án xử lý sự cố.

Hệ thống PCCC (báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy, chống sét) của Công ty đã được thiết kế theo đúng quy định. Đường nội bộ đảm bảo đủ độ rộng để xe cứu hỏa có thể vào được và dẫn vòi rồng tới các vị trí nhỏ nhất để có thể khống chế được ngọn lửa ở bất kỳ vị trí trong các khu vực nhà xưởng, kho chứa. Nhà máy được xác nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy tại văn bản: số 103/PC07-CTPC ngày 21/01/2020; 549/PC07-CTPC ngày 09/09/2020 do cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương cấp.

Hiện tại nhà máy đã xây dựng 1 bể PCCC có tổng dung tích 500m^3 và trang bị các thiết bị PCCC phù hợp tương ứng với các hạng mục công trình.

b. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất thực hiện tại nhà máy như sau:

- Kiểm tra định kỳ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị sản xuất.
- Ngắt các thiết bị điện khi không còn sử dụng. Các thiết bị dùng điện được khống chế chung bằng thiết bị đóng ngắt, đặt bên ngoài nhà trên mặt tường bằng vật liệu không cháy hoặc trụ riêng biệt. Thiết bị điện trong kho hóa chất là loại chống nổ.
- Nhà kho phải được quét dọn sạch sẽ hàng ngày.
- Kiểm tra định kì các thùng hóa chất đảm bảo không bị rò rỉ, tràn đổ hóa chất.
- Các thùng hóa chất đảm bảo phải có nhãn dán theo quy định tại Phụ lục 8 về ghi nhãn hóa chất và Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương.
- Trang bị các thiết bị PCCC: bình chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, hộp nước chữa cháy vách tường, bình cầu chữa cháy tự động.
- Tại kho chứa có bảng nội quy về an toàn hóa chất, có biển báo phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất và Bảng dữ liệu an toàn hóa chất (MSDS) cho mỗi loại hóa chất được đặt ngay tại khu vực lưu trữ sẵn sàng cho việc sử dụng.
- Trang bị đồ bảo hộ cá nhân đầy đủ cho người lao động làm việc tại kho chứa: khẩu trang, găng tay ủng cao su, ủng, kính, mặt nạ phòng độc v.v...
- Nhà Kho chứa chứa hóa chất đảm bảo đắp ứng đúng theo quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính Phủ và các quy định hiện hành về an toàn phòng chống cháy nổ.

Biện pháp ứng phó đối với sự cố tràn đổ hóa chất

- Lập hồ sơ ứng phó sự cố hóa chất theo quy định tại Thông tư số 32/2017/TT-BCT của Bộ Công thương và trình nộp cơ quan quản lý.
- Cam kết thực hiện quy định về việc xuất/nhập/tồn trữ hóa chất theo quy định hiện hành: Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, Thông tư số 32/2017/TT-BCT.
- Lấy nguyên vật liệu phải theo quy trình: công nhân lấy phải được phê duyệt bởi cán bộ kỹ thuật, không lấy nguyên vật liệu một mình, có bảng ghi tên người phụ trách lấy, tên nguyên liệu và số lượng cần lấy.
- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động phù hợp cho người lao động.
- Các hóa chất sử dụng phải được dán đầy đủ nhãn mác, các cảnh báo nguy hiểm đi kèm; có phiếu an toàn hóa chất (MSDS).
- Lưu trữ và sử dụng hóa chất, nguyên, nhiên, vật liệu theo các thông tin trong bảng MSDS mà các nhà cung cấp đã đưa.
- Trong trường hợp rơi vãi hóa chất, cần thu gom ngay để tránh bụi phát tán vào môi trường không khí do tác động của gió.

- Tập huấn sơ cấp cứu trong trường hợp công nhân bị mẫn cảm với các hóa chất.
- Hệ thống thông báo: hệ thống báo nguy – hệ thống báo cháy tự động, hệ thống thông tin nội bộ - do người phụ trách thông tin đảm nhận.
- Có các biện pháp về ứng phó sự cố, kế hoạch tập huấn an toàn hóa chất và tập huấn định kỳ cho toàn thể cán bộ, công nhân nhà máy (3-6 tháng/lần).
- Chủ cơ sở sẽ bố trí các cán bộ có chuyên môn để phụ trách riêng từng mảng: môi trường, an toàn lao động, sự cố cháy nổ và an toàn hóa chất.

c. Phòng ngừa, ứng phó sự cố của các công trình xử lý chất thải

☑ ***Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải***

Để phòng ngừa các sự cố có thể xảy ra cho HTXL khí thải, Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế, nhân viên vận hành sẽ được tập huấn cách thức vận hành và bảo dưỡng HTXL.
- Thường xuyên kiểm tra HTXL trong quá trình hoạt động để phát hiện các hỏng hóc kịp thời.
- Trang bị dự phòng các chi tiết dễ hư hỏng như: đinh, ốc vít, các loại đai thép bọc ống, quạt hút… để thay thế kịp thời các chi tiết hư hỏng.
- Khi HTXL gặp sự cố (hư hỏng thiết bị), nhanh chóng kiểm tra và khắc phục sự cố rồi đưa vào vận hành sau khi khắc phục xong.
- Luôn có cán bộ kỹ thuật để theo dõi hệ thống xử lý khí thải trong suốt quá trình sản xuất để có biện pháp xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra.
- Trường hợp sự cố không tự khắc phục được chủ dự án sẽ hợp đồng với các đơn vị chuyên môn, hợp tác với cơ quan chức năng hỗ trợ khắc phục, xử lý.

☑ ***Đối với bể tự hoại***

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.
- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.
- Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng hút hầm cầu.

☑ ***Đối với trạm XLNT***

- Để tránh sự cố quá tải, hệ thống thiết kế đã tính toán hệ số an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra các bể để kịp thời phát hiện sự cố rò rỉ, những vết nứt trên thành bể để kịp thời sửa chữa.
- Chuẩn bị các bơm, thiết bị dự phòng khác nhằm thay thế ngay khi các thiết bị này hư hỏng, không làm gián đoạn quá trình xử lý. Bể điều hòa thiết kế thời gian lưu dài để đảm bảo thời gian thay thế thiết bị khi xảy ra sự cố.
- Lưu lượng thiết kế cao hơn lưu lượng xả thải tối đa theo tính toán để đảm bảo hệ thống vẫn đáp ứng được khi lưu lượng tăng cao.

Sự cố quá tải hoặc ngừng hệ thống và cách khắc phục:

- Lắp đặt dự phòng các thiết bị động lực dễ bị hư hỏng do nguồn điện và chế độ vận hành (các loại bơm chìm, bơm định lượng, máy thổi khí).
- Bố trí nhân viên giám sát hệ thống nhằm đảm bảo trạm xử lý luôn trong trạng thái hoạt động ổn định.
- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp. Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.
- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý định kỳ nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.
- Khi có sự cố xảy ra: Báo ngay cho cơ quan có chức năng, và phối hợp với đơn vị thiết kế hệ thống XLNT để có biện pháp khắc phục sự cố kịp thời. Trong khi chờ đợi có thể đề ra chế độ quản lý tạm thời, cho tới khi có biện pháp mới nhằm giảm tải trọng đối với công trình.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

Không có

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Bảng 3.9. Các nội dung thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường

STT	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện
1	Hạng mục công	Không có	Xây dựng thêm nhà kho thành phẩm 2.730m^2

STT	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện
	trình xây dựng		
		01 nhà chứa CTNH, diện tích 15 m^2	Tổng diện tích 80m^2, bao gồm 02 nhà chứa CTNH (40m^2/nhà)
		01 nhà chứa CTR công nghiệp thông thường, diện tích 60 m^2	01 nhà chứa diện tích 68 m^2
2	Công nghệ sản xuất	- Sử dụng công nghệ phun sơn bằng súng sơn.	- Sử dụng công nghệ phun sơn bằng súng sơn. - Sơn UV
3	Công nghệ xử lý bụi gỗ	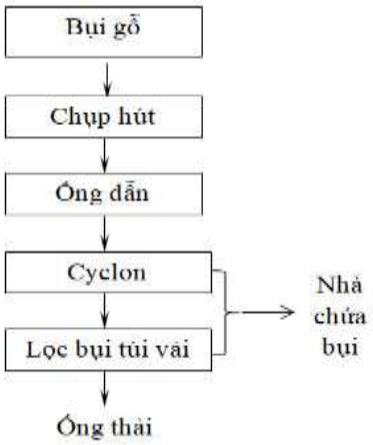	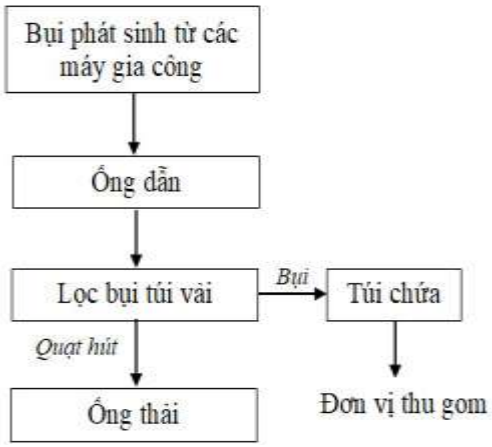
4	Xử lý bụi sơn và hơi dung môi	- Lắp đặt màng lọc bụi sơn bằng sợi thủy tinh: có 11 buồng phun sơn, 09 ống thải.	- Xử lý bụi sơn bằng màng lọc sợi thủy tinh: có 4 buồng phun sơn, 08 ống thải. - Xử lý bụi sơn bằng màng nước: có 13 buồng phun sơn, 13 ống thải.
5		- 11 thiết bị xử lý hơi dung môi bằng than hoạt tính, được lắp đặt trên từng ống	- 21 thiết bị xử lý hơi dung môi bằng than hoạt tính, được lắp đặt trên từng ống thải.

STT	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện
		thải.	
	Thiết bị xử lý hơi keo từ quá trình từ ghép gỗ	Lắp đặt thiết bị xử lý hơi keo	Thực tế nhà máy sử dụng keo ghép gỗ dạng gốc nước, nên khi sử dụng không phát sinh hơi dung môi độc hại. Vì vậy, Nhà máy không lắp đặt thiết bị xử lý hơi keo.
6	Bể tự hoại	Tổng thể tích: 15m^3, bao gồm 03 bể với thể tích 5m^3/bể.	Tổng thể tích 52 bể, gồm: - 01 bể tự hoại nhà nghỉ chuyên gia: 8 m^3. - 01 bể tự hoại khu văn phòng: 12m^3. - 02 bể tự hoại tại 2 khu nhà vệ sinh của công nhân: 16 m^3/bể.

3.9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Không có

CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:
  + Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt tại khu nhà vệ sinh phía Tây nhà máy.
  + Nguồn số 2: nước thải sinh hoạt tại khu nhà vệ sinh phía Nam nhà máy
  + Nguồn số 3: nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh khu văn phòng
  + Nguồn số 4: nước thải từ sinh hoạt tại nhà vệ sinh khu nhà ở chuyên gia.
- ***Lưu lượng xả nước thải tối đa:*** 20 m^3/ngày đêm (theo công suất trạm XLNT).
- ***Dòng nước thải:*** Cơ sở phát sinh 1 dòng nước thải sau xử lý từ hệ thống XLNT tập trung của nhà máy.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Bảng 4.1: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, k_q=0,9; k_f=1,2
1	pH	-	6-9
2	BOD_5	mg/l	32,4
3	COD	mg/l	81
4	TSS	mg/l	54
5	Amoni	mg/l	5,4
6	Tổng Nitơ	mg/l	21,6
7	Tổng Photpho	mg/l	4,32
8	Coliform	MPN/100ml	3.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải:
  + Vị trí xả nước thải: mương nước phía Đông nhà máy.
  + Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1256306; Y = 0677211 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^0 75'$ múi chiếu 3^0).
  + Phương thức xả nước thải: tự chảy.
  + Nguồn tiếp nhận nước thải: mướng nước phía Đông nhà máy -> suối Bầu Long -> suối Tham Rớt -> sông Bé.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh và lưu lượng xả khí thải tối đa:

Bảng 4.2: Thống kê nguồn phát sinh khí thải

Nguồn phát sinh	**Mô tả**	**Lưu lượng xả khí thải tối đa**
Nguồn số 1	Bụi gỗ từ dây chuyền sơn UV dẫn về HTXL bụi gỗ 1	50.947 m^3/h
Nguồn số 2	Bụi gỗ từ các công đoạn gia công dẫn về HTXL bụi gỗ 2	45.000 m^3/h
Nguồn số 3	Bụi gỗ từ các công đoạn gia công dẫn về HTXL bụi gỗ 3	45.000 m^3/h
Nguồn số 4 - 17	Khí thải từ 13 buồng phun sơn bằng màng nước	40.990 m^3/h (mỗi ống thải)
Nguồn số 18-25	Khí thải từ 04 buồng phun sơn bằng màng lọc sợi thủy tinh (mỗi buồng 2 ống thải)	3.000 m^3/h (mỗi ống thải)

- Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

Bảng 4.3: Thống kê dòng khí thải phát sinh

Nguồn phát sinh	**Mô tả**	**Tọa độ**	**Lưu lượng xả thải lớn nhất**
Dòng thải số 1	Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý bụi 1 (nguồn số 1)	X=1253838.87 Y=591490.43	50.947 m^3/h
Dòng thải số 2	Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý bụi 2 (nguồn số 2)	X=1253839.51 Y=591482.35	45.000 m^3/h
Dòng thải số 3	Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý bụi 3 (nguồn số 3)	X=1253839.50 Y=591479.94	45.000 m^3/h
Dòng thải số 4-17	Tương ứng với các ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ buồng phun sơn màng nước (nguồn số 4-17)	Chi tiết tọa độ được trình bày tại bảng 4.4	40.990 m^3/h (mỗi ống thải)
Dòng thải số 18-25	Tương ứng với các ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ buồng phun sơn bằng sợi thủy tinh (nguồn số 18-25)	Chi tiết tọa độ được trình bày tại bảng 4.4	3.000 m^3/h (mỗi ống thải)

Tọa độ vị trí xả khí thải của hệ thống xử lý khí thải từ buồng phun sơn:

Bảng 4.4: Tọa độ xả khí thải của 21 buồng phun sơn

Vị trí	Tọa độ	Vị trí	Tọa độ
Buồng phun sơn bằng màng nước			
Ống thải buồng sơn số 1	X= 1253909.40 Y= 591439.02	Ống thải buồng sơn số 8	X= 1253977.87 Y= 591420.63
Ống thải buồng sơn số 2	X= 1253906.30 Y= 591438.16	Ống thải buồng sơn số 9	X= 1253993.36 Y= 591437.80
Ống thải buồng sơn số 3	X= 1253903.65 Y= 591437.84	Ống thải buồng sơn số 10	X= 1253991.71 Y= 591441.95
Ống thải buồng sơn số 4	X= 1253983.40 Y= 591398.75	Ống thải buồng sơn số 11	X= 1253990.29 Y= 591446.11
Ống thải buồng sơn số 5	X= 1253981.32 Y= 591405.63	Ống thải buồng sơn số 12	X= 1253989.08 Y= 591449.27
Ống thải buồng sơn số 6	X= 1253980.89 Y= 591411.20	Ống thải buồng sơn số 13	X= 1253988.09 Y= 591452.22
Ống thải buồng sơn số 7	X= 1253980.58 Y= 591416.33		
Buồng phun sơn bằng sợi thủy tinh			
Ống thải buồng sơn số 1	X=1253886.17 Y=591360.39	Ống thải buồng sơn số 3	X=1253907.08 Y=591362.95
Ống thải buồng sơn số 1	X=1253886.28 Y=591360.60	Ống thải buồng sơn số 3	X=1253907.30 Y=591363.05
Ống thải buồng sơn số 2	X=1253897.12 Y=591361.34	Ống thải buồng sơn số 4	X=1253917.26 Y=591363.57
Ống thải buồng sơn số 2	X=1253897.34 Y=591361.45	Ống thải buồng sơn số 4	X=1253917.63 Y=591374.70

Ghi chú: Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^0 75'$ múi chiếu 3^0

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, áp dụng cột B trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

Bảng 4.5: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn theo dòng khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
I	**Dòng khí thải số 01, 02, 03**		
1	Lưu lượng	m^3/h	-
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	200

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
II	**Dòng khí thải số 04 - 25**		
1	Lưu lượng	m^3/h	-
2	Bụi	mg/Nm^3	200
3	Butyl acetate	mg/Nm^3	950
4	Toluen	mg/Nm^3	750
5	Xylene	mg/Nm^3	870

- Phương thức xả khí thải:

Tất cả khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục 24/24 giờ.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

☑ ***Nguồn phát sinh:***

- Nguồn số 1: Khu vực các máy gia công tại xưởng hàng trắng
- Nguồn số 2: khu vực phun sơn tại xưởng mộc
- Nguồn số 3: khu vực phun sơn tại xưởng 1

☑ ***Giá trị giới hạn***

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

+ Tiếng ồn:

Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép của Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

Không có

CHƯƠNG V
KẾ HOẠCH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Kết quả quan trắc nước thải định kỳ trong 2 năm liền kề của Cơ sở được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ trong 2 năm liền kề của Cơ sở

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, kq=0,9; kf=1,2
I	**Quan trắc năm 2021**		**24/3/2021**	**5/6/2021**	**06/10/2021**	**04/12/2021**	
1	pH	-	6,25	6,76	6,31	6,42	**6 - 9**
2	TSS	mg/L	31	31	28	38	**54**
3	COD	mg/L	46	46	52	65	**81**
4	BOD_5	mg/L	20	20	23	28	**32,4**
5	Tổng Nitơ	mg/L	12,8	12,8	11,5	10,4	**21,6**
6	Tổng Phospho	mg/L	0,92	0,92	0,83	0,97	**4,32**
7	Amoni	mg/L	2,25	2,25	1,95	1,83	**5,4**
8	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	$2,6x10^3$	$2,6x10^3$	$2,7x10^3$	$2,7x10^3$	**3.000**
II	**Quan trắc năm 2022**		**28/3/2022**	**15/6/2022**	-	-	
1	pH	-	6,45	6,48	-	-	**6 - 9**
2	TSS	mg/L	42	24	-	-	**54**
3	COD	mg/L	54	31	-	-	**81**
4	BOD_5	mg/L	25	13	-	-	**32,4**
5	Tổng Nitơ	mg/L	10,6	16,8	-	-	**21,6**
6	Tổng Phospho	mg/L	0,86	1,84	-	-	**4,32**
7	Amoni	mg/L	2,42	3,68	-	-	**5,4**
8	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	$1,7x10^3$	$2,6x10^3$	-	-	**3.000**

(Nguồn: Kết quả giám sát môi trường định kỳ của Cơ sở do Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường lấy mẫu và phân tích)

Ghi chú: Vị trí lấy mẫu nước thải tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải

Nhận xét: Theo kết quả phân tích mẫu nước thải sau hệ thống xử lý cho thấy các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép. Như vậy, hệ thống xử lý nước thải của công ty đang hoạt động hiệu quả.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Kết quả quan trắc bụi, khí thải định kỳ trong 2 năm liền kề của Cơ sở được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc bụi, khí thải định kỳ trong 2 năm liền kề của Cơ sở

Thời gian quan trắc	**Chỉ tiêu (mg/m^3)**			
	Điểm đo	**Bụi**	**Butyl axetat**	**Xylen**
Quan trắc năm 2021				
Ngày 24/03/2021	Khí thải sau HTXL bụi	43	-	-
	Khí thải sau hệ thống XLKT từ buồng phun sơn	-	59,2	46,8
Ngày 05/6/2021	Khí thải sau HTXL bụi	39	-	-
	Khí thải sau hệ thống XLKT từ buồng phun sơn	-	64,8	39,1
Ngày 06/10/2021	Khí thải sau HTXL bụi	49	-	-
	Khí thải sau hệ thống XLKT từ buồng phun sơn	-	63,7	55,4
Ngày 04/12/2021	Khí thải sau HTXL bụi	33	-	-
	Khí thải sau hệ thống XLKT từ buồng phun sơn	-	59,5	32,7
Quan trắc năm 2022				
Ngày 28/3/2022	Khí thải sau HTXL bụi	55	-	-
	Khí thải sau hệ thống XLKT từ buồng phun sơn	-	55,3	43,7
Ngày 15/06/2022	Khí thải sau HTXL bụi	56	-	-
	Khí thải sau hệ thống XLKT từ buồng phun sơn	-	63,6	42,7
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B		**200**	**-**	**-**
QCVN 20:2009/BTNMT Cột B		**-**	**950**	**870**

(Nguồn: Kết quả giám sát môi trường định kỳ của Cơ sở do Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động lấy mẫu, phân tích)

Nhận xét: Theo kết quả phân tích mẫu khí thải sau hệ thống xử lý cho thấy các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép. Như vậy, các hệ thống xử lý khí thải của công ty đang hoạt động hiệu quả.

CHƯƠNG VI
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Chương trình giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm: Quá trình vận hành thử nghiệm kéo dài khoảng 03 tháng.

+ Thời gian bắt đầu: 01/2023.

+ Thời gian kết thúc: 03/2023

Trường hợp các hệ thống xử lý chưa ổn định, thời gian vận hành thử nghiệm có thể kéo dài hơn nhưng không quá 6 tháng từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm

Nếu sau 6 tháng kết quả vận hành thử nghiệm vẫn chưa ổn định, công ty sẽ có báo cáo lên Sở Tài nguyên và Môi trường để trình bày những vấn đề còn tồn tại, thời gian cần để khắc phục và xin phép kéo dài thời gian vận hành thử nghiệm.

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình thiết bị xử lý chất thải

- Thời gian vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bảng 6.1. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Stt	Vị trí	Số lượng mẫu	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
A.Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải (75 ngày từ khi bắt đầu vận hành thử)					
I	***Giám sát nước thải trạm XLNT công suất 20 m^3/ngày***				
1	Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m^3/ngày	1 mẫu	pH, TSS, COD, BOD_5, Amoni, tổng Nito, tổng	25 ngày/lần	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, kq=0,9; kf=1,2

			Photpho, Coliform		
II	***Giám sát khí thải***				
1	Ống thải sau HTXL dòng thải số 01, 02, 03	3 mẫu	Lưu lượng, bụi	25 ngày/lần	QCVN 20:2009/BTNMT Và QCVN 19:2009/BTNMT cột B
2	Ống thải sau HTXL dòng thải số số 04 - 25	21 mẫu	Lưu lượng, bụi, butyl axetate, xylen, toluen		
B.Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải (3 ngày liên tiếp sau 75 ngày từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm)					
I	***Giám sát nước thải trạm XLNT công suất 20 m^3/ngày***				
1	Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m^3/ngày	1 mẫu	pH, TSS, độ màu, COD, BOD_5, Amoni, tổng Nito, tổng Photpho, Coliform	1 ngày/lần (3 ngày liên tiếp)	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, kq=0,9; kf=1,2
II	***Giám sát khí thải***				
1	Ống thải sau HTXL dòng thải số 01, 02, 03	3 mẫu	Lưu lượng, bụi	1 ngày/lần (3 ngày liên tiếp)	QCVN 20:2009/BTNMT Và QCVN 19:2009/BTNMT cột B
2	Ống thải sau HTXL dòng thải số số 04 - 25	21 mẫu	Lưu lượng, bụi, butyl axetate, xylen, toluen		

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

☑ ***Quan trắc nước thải***

- Vị trí lấy mẫu: Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m^3/ngày
- Số lượng: 01 mẫu
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: pH, TSS, độ màu, COD, BOD_5, Amoni, tổng Nito, tổng Photpho, Coliform.

☑ ***Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp***

Bảng 6.2. Chương trình quan trắc khí thải định kỳ

Vị trí giám sát	Số lượng mẫu	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
Ống thải sau HTXL dòng thải số 01, 02, 03	3 mẫu	Lưu lượng, bụi	06 tháng/lần	QCVN 20:2009/BTNMT; QCVN 19:2009/BTNMT cột B
Ống thải sau HTXL dòng thải số số 04 - 25	21 mẫu	Lưu lượng, bụi, butyl axetate, xylen, toluen	06 tháng/lần	

6.2.2 Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục chất thải

Dự án không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc tự động liên tục, chất thải được quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ Cơ sở

- Giám sát chất thải rắn

Thành phần, khối lượng, chất thải rắn sinh hoạt, CTCN không nguy hại, CTNH sẽ được thống kê hằng ngày. Công ty cam kết lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý môi trường.

- Giám sát sức khỏe người lao động

Đo kiểm môi trường và lập hồ sơ báo cáo 1 lần/năm

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp 1 lần/năm

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

- Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm dự kiến: 200.000.000 đồng

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

- Kết luận kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường số 57/KLKT ngày 27/07/2022 của Công an huyện Bàu Bàng.

Biện pháp khắc phục:

+ Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải và Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý đã đạt quy chuẩn quy định.
+ Triển khai lập báo cáo giấy phép môi trường cập nhật lại các thay đổi của nhà máy so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Cơ sở đã bị Thanh tra – Sở Tài nguyên và Môi trường xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại Quyết định số 194/QĐ-XPVPHC ngày 14/10/2020 với hành vi: Thực hiện không đúng nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Biện pháp khắc phục: Công ty đã đóng phạt theo Quyết định xử phạt nêu trên, đồng thời Công ty đã lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương cấp Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 47/QĐ-BQL ngày 25/02/2021.

CHƯƠNG VIII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing cam kết thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động, cam kết xử lý chất thải đạt các tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành về môi trường như đã nêu trong bản báo cáo.

Cụ thể:

- Chủ Cơ sở cam kết việc xây dựng và vận hành các công trình xử lý ô nhiễm của Cơ sở , tuân theo các quy định và tiêu chuẩn về môi trường Việt Nam hiện hành và vận hành các công trình xử lý ô nhiễm thường xuyên trong giai đoạn hoạt động.
- CTR phát sinh tại nhà xưởng được thu gom và xử lý đúng theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.
- Chủ Cơ sở cam kết không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và các công ước quốc tế.
- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm như đã đề ra trong báo cáo trong suốt quá trình hoạt động, cho tới khi kết thúc Cơ sở .
- Chủ Cơ sở cam kết trong quá trình hoạt động của Cơ sở , nếu vi phạm công ước quốc tế, các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam và để xảy ra các sự cố môi trường thì Chủ Cơ sở Cơ sở hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Trong quá trình hoạt động của mình, chủ Cơ sở luôn đảm bảo không để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến môi trường và con người tại khu vực. Chủ Cơ sở cũng cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.
- Chủ Cơ sở cam kết sẽ đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai Cơ sở .
- Chủ Cơ sở cam kết sẽ phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường sau khi Cơ sở kết thúc vận hành.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 0315677042

Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 05 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 11 tháng 08 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, Ấp 3, Xã Trừ Văn Thố, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: *0938.967.468* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

tương đương 858.200 USD (Tám trăm năm mươi tám nghìn hai trăm đô la Mỹ)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: XIAO, JUNHUI Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *13/04/1991* Dân tộc: Quốc tịch: *Trung Quốc*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy chứng thực cá nhân: *EI2407868*

Ngày cấp: *17/02/2013* Nơi cấp: *Trung Quốc*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Room 302 #1 Building, Shuxiangli, Shuiyunxuan, East District, Zhongshan City, Guangdong, Trung Quốc*

Chỗ ở hiện tại: *Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, Ấp 3, Xã Trừ Văn Thố, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: XIAO, JUNHUI Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *13/04/1991* Dân tộc: Quốc tịch: *Trung Quốc*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy chứng thực cá nhân: *EI2407868*

Ngày cấp: *17/02/2013* Nơi cấp: *Trung Quốc*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Room 302 #1 Building, Shuxiangli, Shuiyunxuan, East District, Zhongshan City, Guangdong, Trung Quốc*

Chỗ ở hiện tại: *Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, Ấp 3, Xã Trừ Văn Thố, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Nguyễn Thanh An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ MÁY SẢN XUẤT

Số: 01/2019-HDV-BB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2019

BÊN CHO THUÊ NHÀ MÁY (Bên A)

Tên : **CÔNG TY TNHH HOÀNG ĐẠI VƯƠNG**

Địa Chỉ : Đường D2, Cụm CN Hố Nai 3, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Người Đại Diện: **Nguyễn Đức Hậu** Chức vụ : Giám Đốc

Mã số thuế : 3600697236

Số Tài Khoản : *1033137-001 (VNĐ)* Ngân hàng Indovina – Hội Sở

Email : david@uniexport.vn

Điện thoại : 0916948394

Hiện là PHÁP NHÂN sỡ hữu nhà máy sản xuất và đất tại Bàu Bàng, Bình Dương , Việt Nam.

BÊN THUÊ NHÀ MÁY (Bên B))

Tên : **CÔNG TY TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING**

Địa Chỉ : Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, Ấp 3, Xã Trừ Văn Thố, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Người Đại Diện : Lâm Minh Đạt Chức Vụ : Giám Đốc

Mã số thuế : 0315677042

Số Tài Khoản :

Email :

Bên A đồng ý cho Bên B thuê nhà máy với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1 : MỤC ĐÍCH

- Bên A đồng ý cho Bên B thuê Nhà máy và đất tại địa chỉ: Thửa đất số 127 tờ bản đồ số 12, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.
- Mục đích thuê: Làm nhà máy sản xuất đồ nội thất xuất khẩu.

ĐIỀU 2 : THỜI HẠN CHO THUÊ

Thời hạn cho thuê nhà máy sản xuất là 09 (chín) năm, bắt đầu từ ngày 01 tháng 08 năm 2020 đến hết ngày 01 tháng 09 năm 2029.

ĐIỀU 3 : GIÁ THUÊ, DIỆN TÍCH THUÊ NHÀ MÁY ,PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN VÀ ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG THÊM

3.1. Giá thuê nhà máy :

- Giá thuê là: *2,3 USD/m2/ tháng cho 36 tháng đầu tiên.*
- Giá thuê cho tháng thứ 37 - 72 (2,3USD x 1,05%) = 2,415USD /m2/ tháng
- Giá thuê cho tháng thứ 73 - 96 (2,415USD x 1,05%) = 2,535USD /m2/ tháng

- Giá thuê cho tháng thứ 97 - 108 (2,535USD x 1.05%) = 2.662USD /m2/ tháng

- Giá thuê nhà sẽ được duy trì theo thỏa thuận đã ký trong hợp đồng và sẽ không được thay đổi nếu không có sự đồng ý của hai bên.

3.2 Thời Gian : Thời Gian bàn giao từ 02/05/2020 và thống nhất hoàn tất bắt đầu tính tiền thuê nhà xưởng từ từ 01/08/2020. (Thời gian bắt đầu tính tiền thuê nhà xưởng sau 03 tháng kể từ ngày bàn giao nhà xưởng)

3.3. Diện tích tính phí thuê : được tính bằng tổng diện tích nhà xưởng, đường nội bộ, được làm tròn là 9.000 m2

3.5 Giá thuê không bao gồm 10% VAT, phí hoạt động , KHÔNG bao gồm các chi phí sử dụng: điện, nước, điện thoại, tiền vệ sinh, internet, ... cũng như tất cả các dịch vụ khác cung cấp cho nhà máy trong suốt quá trình thuê... Thuế và các chi phí này do Bên B (bên thuê nhà máy) thanh toán theo quy định hiện hành của nhà nước.

3.6 Phương thức thanh toán và tiền đặt cọc:

- *Bên B sẽ đặt cọc tiền nhà tương đương với số tiền là : **124.200USD** trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng này.*
- *Phương thức thanh toán: tiền thuê được thanh toán 03 tháng một lần vào 05 ngày đầu tiên của tháng đầu tiên.*
- *Mọi khoản tiền thuê, phí dịch vụ và các khoản chi phí khác phải thanh toán cho bên A theo hợp đồng này sẽ được thanh toán vào tài khoản được chỉ định của bên A như sau:*

Tên tài khoản/ Name: CÔNG TY TNHH HOÀNG ĐẠI VƯƠNG

Số tài khoản/ Account no: 197365501 (VNĐ) - 197372311 (USD)

Tại/ At: VPBank SME TP.HCM

- Số tiền đặt cọc này sẽ được hoàn trả lại cho Bên B sau khi thanh lý hợp đồng và sau khi Bên B hoàn tất thanh toán các hóa đơn điện, nước, ...tới tháng cuối cùng trước khi trả nhà máy và dọn đi.

Số tiền này sẽ không được hoàn lại cho Bên B trong trường hợp Bên B chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thuê nhà máy mà không được bên B chấp thuận bằng văn bản. Nếu có hư hỏng về thiết bị cơ bản trong nhà máy gây ra bởi Bên B hoặc Bên B chưa thanh toán các chi phí tại Điều 3.2 thì số tiền này sẽ bị khấu trừ.

3.9. Tiền thuê xưởng sẽ được thanh toán bằng VND và được thanh toán bằng chuyển khoản cho pháp nhân cho thuê không huỷ ngang qua ngân hàng theo tỷ giá bán ra của ngân hàng Vietcombank tại thời điểm giao dịch.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Ba bên cùng xác định trách nhiệm như sau:

4.1 Trách nhiệm của bên cho thuê nhà (Bên A)

4.1.1 Giao nhà xưởng, trang thiết bị và tiện nghi trong nhà máy cho thuê cho Bên B vào ngày ...../...../..... theo hợp đồng có giá trị, kèm theo biên bản bàn giao.

- Cung cấp giấy tờ sở hữu diện tích đất và nhà xưởng Hợp Pháp
- Chi tiết biên bản bàn giao sẽ do 2 bên xác nhận
- Bàn giao mặt bằng kho, hiện hữu trong tình trạng sử dụng được
- Bàn giao nghiệm thu PCCC cơ bản theo quy định của Nhà nước Việt Nam (vách tường, hệ thống phun tự động, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét).
- Bàn giao thêm 01 trạm điện 1000KVA (bao gồm kéo 03 bình điện: xưởng 1: 700KVA; xưởng 2: 150KVA; xưởng 3: 150KVA).

- Trong vòng 03 tháng kể từ ngày bàn giao bên A sẽ xây thêm nhà vệ sinh và nhà để rác điện tích 90m^2.
- Nếu Bên A bàn giao không đúng thời gian trong hợp đồng thì Bên A sẽ chịu phạt tiền 0,02%/ngày trên số tiền mà bên B đã đặt cọc của hợp đồng này.
- Bên A đảm bảo có đường đi vào nhà máy cho bên B.

4.1.2 Đảm bảo quyền sử dụng trọn vẹn riêng rẽ cho Bên B, và nhà kho không bị tranh chấp trong suốt thời gian thuê.

4.1.3 Đảm bảo thời gian cho Bên B thuê là 09 năm. Nếu Bên A chủ động chấm dứt hợp đồng sớm hơn thời hạn , không có lý do chính đáng và không được bên B chấp thuận thì Bên A sẽ phải hoàn trả lại số tiền đặt cọc là 124.200USD đồng thời đền bù số tiền tương đương với số tiền đã đặt cọc 124.200USD.

Ngoại Trừ trường hợp bất khả kháng do thiên tại , thay đổi khung pháp lý về sở hữu về qui hoạch trung và dài hạn của chính quyền địa phương và luật pháp hiện hành, ngoài kiểm soát của bên A thì hai bên ngồi lại thỏa thuận bằng văn bản. Kết quả cuối cùng sẽ do 4 bên bao gồm cả chính quyền đại phương xác nhận.

4.1.6 Nếu bên B thanh toán tiền thuê trễ quá 10 ngày làm việc (trừ thứ 7, chủ nhật & ngày lễ) sau ngày cuối cùng phải thanh toán theo điều 3.6 mà không phải lỗi của bên A thì bên A, bên B sẽ chịu phạt tiền 0,02%/ngày trên số tiền mà bên B đã thanh toán chậm cho bên A. Nếu bên B thanh toán tiền thuê trễ quá 90 ngày làm việc (trừ thứ 7, chủ nhật & ngày lễ) sau ngày cuối cùng phải thanh toán theo điều 3.6 mà không phải lỗi của bên A thì bên A có quyền chấm dứt hợp đồng và không hoàn trả tiền đặt cọc, trừ khi có thỏa thuận khác.

4.1.7 Nếu bên B không thực hiện đúng những điều khoản trong hợp đồng này và trong vòng 15 ngày làm việc, sau khi nhận được thông báo của bên A mà bên B không giải quyết thì bên A có quyền ngưng hợp đồng thuê nhà máy và không trả lại tiền đặt cọc.

4.1.8 Hết thời gian thuê bên B sẽ được ưu tiên tiếp tục thuê lại với giá tính theo giá thị trường tại thời điểm ký hợp đồng tiếp tục thuê lại.

4.2 Trách nhiệm của bên thuê nhà (Bên B)

4.2.1 Trả tiền thuê nhà cho Bên A theo điều 3.6 đúng thời hạn và đầy đủ trong vòng 05 ngày làm việc đầu tiên của kỳ thanh toán.

4.2.2 Chỉ sử dụng nhà xưởng thuê đúng mục đích. Không sử dụng nhà với mục đích khác và không vi phạm luật pháp hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

Bên B phải đảm toàn bộ qui định của chính quyền quản lý và pháp luật việt nam về qui chuẩn sản xuất, ô nhiễm môi trường, an ninh trật tự, lưu trú ,quy định về phòng cháy chữa cháy.

Mọi vi phạm của bên B bên A không có trách nhiệm liên đới. Bên B hay tất cả những người cư trú của bên B phải tuân thủ theo pháp luật Việt Nam, không tàng trữ những vật phẩm gây hại như chất ma túy, chất gây nghiện, vũ khí vật liệu cháy nổ, động vật nguy hiểm, … mà pháp luật Việt Nam nghiêm cấm.

4.2.3 Khi cần sửa chữa cải tạo theo yêu cầu sử dụng, Bên B phải được sự đồng ý của Bên A và tuân theo các quy định xây dựng cơ bản của chính quyền sở tại .

4.2.4 Đảm bảo thời gian thuê nhà là 09 năm, nếu Bên B vi phạm thời hạn thuê nhà như đã thỏa thuận thì sẽ mất tiền đặt cọc.

4.2.5 Có trách nhiệm về sự hư hỏng, mất mát các thiết bị , tài sản cố định của bên A lúc bàn giao .

4.2.6 Thanh toán đầy đủ và đúng hạn thuế và các chi phí theo quy định hiện hành của nhà nước.

4.2.7 Chấp hành đúng các quy định được nêu trong các thỏa thuận trong hợp đồng ký giữa Bên A với Bên B theo hợp đồng .

4.2.8Khi hợp đồng kết thúc hay hết hạn và nhà xưởng được trả lại, Bên B phải bàn giao lại toàn bộ nhà máy hiện hữu cho bên A với đầy đủ trang thiết bị cơ bản trong tình trạng khi nhận nhà ngoại trừ những hao mòn hỏng hóc thông thường hoặc tình trạng hư hỏng do các yếu tố khách quan trong suốt quá trình sử dụng.

4.2.9Chịu trách nhiệm bồi thường về sự mất mát các trang thiết bị, nội thất trong nhà xưởng và nếu gây ra hỏa hoạn do yếu tố chủ quan.

4.2.10 Bên B được phép chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ hợp đồng thuê này cho một bên thứ 3 cùng ngành nghề để phục vụ công việc sản xuất kinh doanh của mình được thuận lợi. Và chịu hoàn toàn 100% về tính pháp lý cũng như yếu tố an ninh, môi trường trong điều Khoản 4.2.2 đã qui định, và phải có văn bản thông báo cho bên A.

ĐIỀU 5: HAI BÊN CAM KẾT

6.1 Thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này.

6.2 Trường hợp có tranh chấp hoặc có một bên vi phạm hợp đồng thì hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc thống nhất trên tinh thần hòa giải và hai bên cùng có lợi. Nếu không có giải pháp thỏa đáng nào thì hai bên có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

6.3 Chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

6.3.1 Hết hạn hợp đồng.

6.3.2 Trong trường hợp bất khả kháng: bão lụt, cháy nổ, động đất, thiên tai, nhà cho thuê bị tiêu hủy hoặc phá dỡ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Hợp đồng thuê này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết được lập 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01(một) bản.
- Các bên đã đọc và hiểu rõ trước khi ký tên.

BÊN CHO THUÊ NHÀ MÁY (Bên A)	BÊN THUÊ NHÀ MÁY (Bên B)
CÔNG TY TNHH HOÀNG ĐẠI VƯƠNG	CÔNG TY TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING
GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Đức Hậu	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH HOÀNG ĐẠI VƯƠNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên
Mã số doanh nghiệp: 3600697236
Đăng ký lần đầu ngày 08/8/2005
Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 27/9/2017
Do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
Địa chỉ trụ sở chính: Đường D2, Cụm công nghiệp Hố Nai 3, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

CS 213704

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: **127** , tờ bản đồ số: **12**

b) Địa chỉ: xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

c) Diện tích: 49.741,9 m^2 (bằng chữ: Bốn mươi chín ngàn bảy trăm bốn mươi mốt phẩy chín mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 19/8/2069

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Hạng mục công trình	DT xây dựng (m^2)	DT sàn (m^2) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Xưởng mộc	5.460	5.460	Sở hữu riêng	3	-/-
Xưởng sơn	4.620	4.620	Sở hữu riêng	3	-/-
Kho gỗ	3.900	3.900	Sở hữu riêng	3	-/-
Kho thành phẩm	2.730	2.730	Sở hữu riêng	3	-/-
Nhà ăn	336	336	Sở hữu riêng	4	-/-
Nhà nghỉ	155	155	Sở hữu riêng	4	-/-
Phòng sơn	72	72	Sở hữu riêng	4	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất của Ngân hàng TMCP An Bình.

Bình Dương, ngày ..01.. tháng 11.. năm 2019

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

TUQ. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Phạm Xuân Ngọc

Số vào sổ cấp GCN: CT46371

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

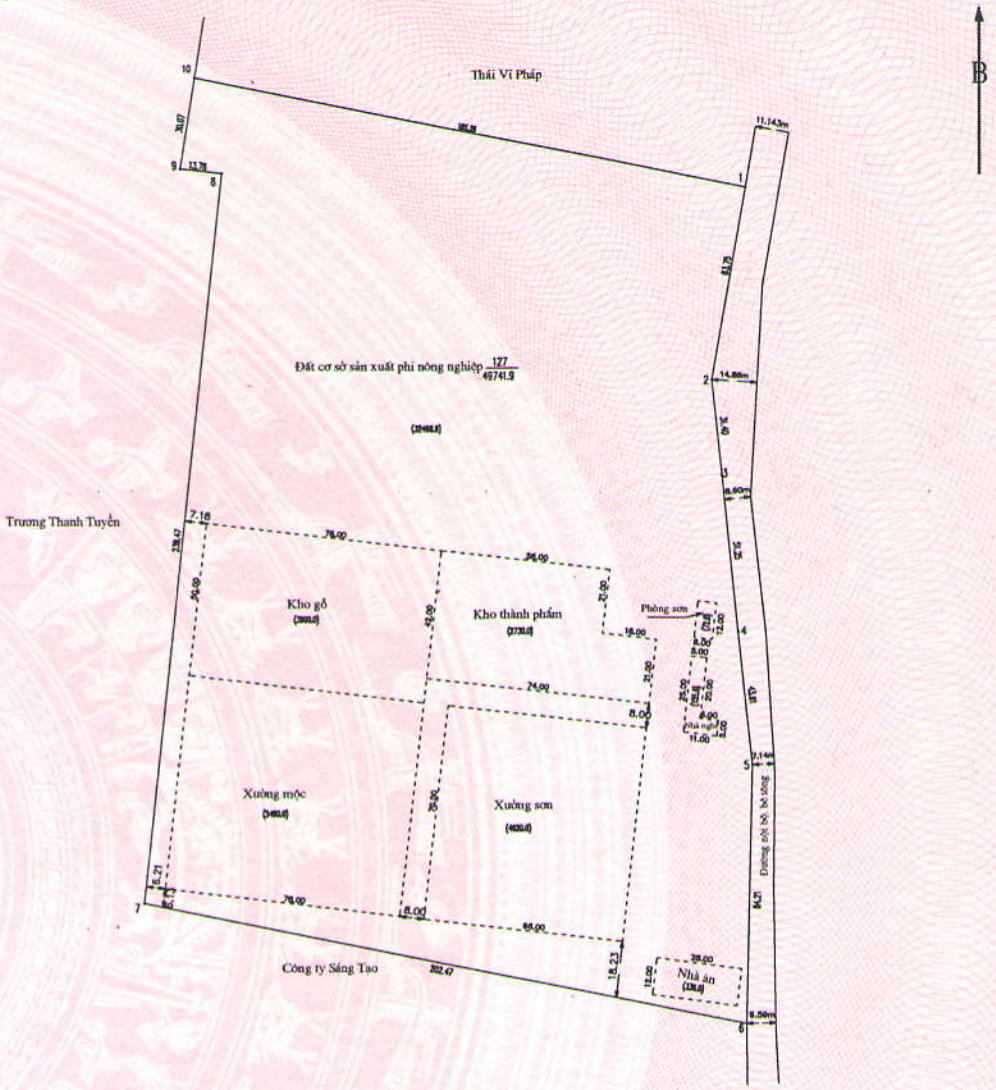

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Chứng nhận bổ sung tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH Hoàng Đại Vương; theo hồ sơ số 1963.

Tên công trình: Nhà xưởng gia công cơ khí.

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích sàn (m^2)	Hình thức sở hữu	Cấp CT	Thời hạn sở hữu
Nhà văn phòng	567	1123	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 1	3000	3000	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 2	3000	3000	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 3	3000	3000	Sở hữu riêng	III	-/-

18 -01- 2021

PHÓ GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Chiến Thắng

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Kèm theo Giấy chứng nhận này có Trang bổ sung số: 01

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

7425816190123 79

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 127 **Tờ bản đồ số: 12**

Số phát hành GCN: CS 213704 **Số vào sổ cấp GCN: CT46371**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Bình Dương (Đ/c: 557 Đại lộ Bình Dương, phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) theo hồ sơ số 1322/quyển số 02/2019.	PHÓ GIÁM ĐỐC 26-12-2019 Nguyễn Thị Tuyết

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý.

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 127 **Tờ bản đồ số: 12**

Số phát hành GCN: CS 213704 **Số vào sổ cấp GCN: CT46371**

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý.

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
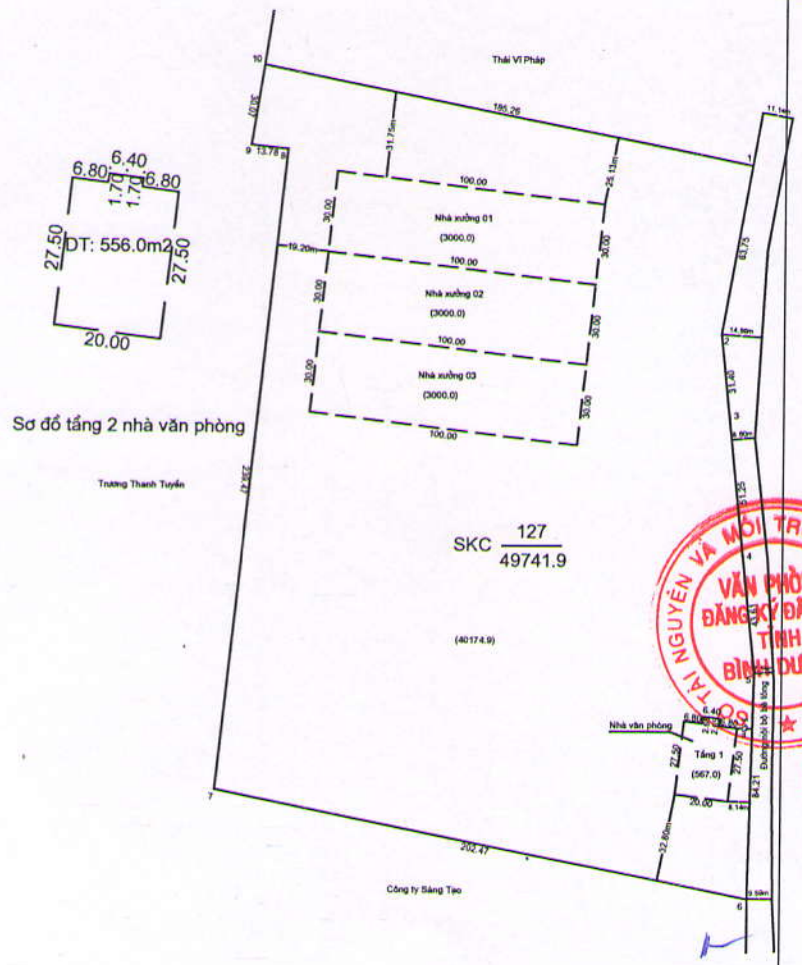	18 -01- 2021 PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Chiến Thắng

Trang bổ sung số: ...

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)	

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 4529 /QĐ-STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 05 tháng 12 năm 2019

BẢN SAO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nhà máy sản xuất đồ gỗ các loại, diện tích nhà xưởng 26.610m², công suất 80.0000 sản phẩm/năm tại thửa số 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, Bàu Bàng, Bình Dương của Công ty TNHH Hoàng Đại Vương

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và hoàn thành phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án nằm ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nhà máy sản xuất đồ gỗ các loại, diện tích nhà xưởng 26.610m², công suất 80.0000 sản phẩm/năm tại thửa số 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Hoàng Đại Vương tại Tờ trình số4997/TTr-CCBVMT ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nhà máy sản xuất đồ gỗ các loại, diện tích nhà xưởng 26.610m², công suất 80.0000 sản phẩm/năm tại thửa số 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Công ty TNHH Hoàng Đại Vương;

Xét đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nhà máy sản xuất đồ gỗ các loại, diện tích nhà xưởng 26.610m^2 tại thửa số 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Hoàng Đại Vương với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Chi cục Bảo vệ môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ dự án;
- Bộ TNMT (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Xây Dựng;
- UBND huyện Bàu Bàng;
- UBND xã Trừ Văn Thố;
- Lưu: VT, CCBVMT, H.Giang7.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hồng Nguyên

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 09 1675 Quyển.....SCT/BS
Ngày: 09 -12- 2019
Công chứng viên

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TƯ PHÁP

Võ Quốc Hùng

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 137 /GP-STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 22 tháng 10 năm 2019

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát, khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành danh mục vùng cấm, vùng hạn chế, vùng đăng ký khai thác nước dưới đất và bản đồ phân vùng khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Khí tượng thủy văn tại tờ trình số 295./TTr-TNNKSKTTV ngày 22 tháng 10 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing; ngành nghề: sản xuất đồ gỗ gia dụng; địa chỉ: ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương khai thác nước dưới đất với các nội dung như sau:

1. Mục đích sử dụng: sinh hoạt, sản xuất, tưới cây xanh;

2. Vị trí công trình khai thác nước: ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;

3. Tầng chứa nước: Pliocen giữa;

4. Tổng số giếng khoan: 02 giếng;

5. Tổng lượng nước khai thác: 80 m^3/ngày đêm;

6. Số ngày khai thác trong năm: 365 ngày;

7. Thời hạn khai thác: 5 năm, kể từ ngày ký;

8. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác nước dưới đất là 20m tính từ miệng giếng;

9. Bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật của giếng khoan cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (VN2000)		Đường kính giếng (mm)	Lưu lượng (m^3/ ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ ngày đêm)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)
	X	Y				Từ	Đến		
G1	12.53.740	06.73.271	60	20	4	30	38	11,70	25,00
G2	12.53.792	06.73.325	168	60	6	30	38	12,49	25,00

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Thực hiện việc quan trắc, giám sát tài nguyên nước theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017, cụ thể như sau:

a. Thông số giám sát gồm:

- Lưu lượng khai thác;

- Mực nước trong giếng khai thác;

- Chất lượng nước.

b. Hình thức giám sát: thực hiện giám sát định kỳ.

c. Chế độ giám sát:

- Đối với lưu lượng và mực nước: không quá 12 giờ 01 lần và phải cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát trước 20 giờ hàng ngày;

- Đối với chất lượng nước: hai (02) lần/năm. Một lần vào mùa mưa (tháng 9); một lần vào mùa khô (tháng 2), đồng thời phải thực hiện cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát không quá 05 ngày kể từ ngày có kết quả phân tích. Các Thông

số quan trắc theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm QCVN 09-MT: 2015/BTNMT.

3. Thực hiện đúng quy định về phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác nước dưới đất như quy định tại Khoản 8 Điều 1 của Giấy phép này. Trong phạm vi trên không được thực hiện các hoạt động phát sinh nguồn gây ô nhiễm;

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật tài nguyên nước;

6. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường;

8. Sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm.

9. Nộp thuế tài nguyên và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước dưới đất với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- UBND huyện Bàu Bàng;
- Cty TNHH Amedan Furniture Manufacturing;
- Cục thuế tỉnh;
- Lưu: VT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Ngọc Thúy

BẢN SAO

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 187 /GP-STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 23 tháng 10 năm 2020

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 10 tháng 09 năm 2020 của Chi nhánh 2 - Bình Dương - Công ty TNHH Hoàng Đại Vương và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Khí tượng thủy văn tại tờ trình số 345/TTr-TNNKSKTTV ngày 21 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Chi nhánh 2 - Bình Dương - Công ty TNHH Hoàng Đại Vương; ngành nghề: sản xuất đồ gỗ gia dụng; địa chỉ: ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: suối Bầu Long – suối Tham Rớt – sông Bé;

2. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X=12.56.306; Y=06.77.211

- Địa chỉ: xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;

3. Phương thức xả nước thải: tự chảy;

4. Chế độ xả nước thải: 08 giờ/ngày;

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 20m^3/ngày đêm;

6. Chất lượng nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, k_q= 0,9; K_f=1,2 đối với các thông số pH, BOD, COD, SS, tổng N, tổng P, amoni, Coliform;

7. Thời hạn của giấy phép: 5 năm, kể từ ngày ký.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Chi nhánh 2 - Bình Dương - Công ty TNHH Hoàng Đại Vương:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

a) Quan trắc nước thải:

Quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý với vị trí, thông số, tần suất quan trắc như sau:

- Vị trí quan trắc: nước thải sau hệ thống xử lý;

- Các thông số quan trắc chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này;

- Tần suất quan trắc chất lượng nước thải: ba (03) tháng/lần;

- Tần suất quan trắc lưu lượng nước thải: mỗi ngày một (01) lần vào cùng một thời điểm.

b) Quan trắc nguồn nước tiếp nhận:

- Vị trí quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận: một (01) điểm trên suối Bầu Long cách điểm xả 30m về phía hạ nguồn.

- Thông số quan trắc: pH, COD, BOD, TSS, nitrit, nitrat, phosphat, amoni, coliform theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2.

- Tần suất quan trắc: ba (03) tháng/lần.

3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào vượt quá mức quy định của Giấy phép và ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải, các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 của Giấy phép này.

7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước;

Điều 3. Chi nhánh 2 - Bình Dương - Công ty TNHH Hoàng Đại Vương được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Chi nhánh 2 - Bình Dương - Công ty TNHH Hoàng Đại Vương còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- UBND huyện Bàu Bàng;
- Chi nhánh 2 - BD - Cty TNHH Hoàng Đại Vương;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Ngọc Thúy

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
Số chứng thực 0 6 0 1 9 Quyển 1 1 SCT/BS
Ngày: 04 -11- 2020

Công chứng viên

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TƯ PHÁP

VÕ QUỐC HÙNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 26 tháng 8 năm 2020

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 74.004[illegible]T

(Cấp lần 1)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên: Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing.

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: thửa đất 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0938967468

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0315677042

Ngày cấp (đăng ký thay đổi lần thứ 3): ngày 24 tháng 6 năm 2020.

Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo danh sách chất thải nguy hại tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Trường hợp tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH thì phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Phụ lục 2 (A) ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và đăng ký trong Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động.

Nơi nhận:
- Cty TNHH Amedan Furniture Manufacturing;
- Lưu: VT, QLCT, Ái4.

CHI CỤC TRƯỞNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG * CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG * TỈNH BÌNH DƯƠNG

Trần Thanh Quang

CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 74.004 .T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 1 ngày 26 tháng 8 năm 2020)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

Tên: Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing.

Địa chỉ: thửa đất 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0938967468

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng *(kg/năm)*	Mã CTNH
1	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	8.000	08 01 01
2	Bùn thải lẫn sơn hoặc véc ni có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Bùn	10.000	08 01 02
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	70	08 02 04
4	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (gồm: keo thải)	Lỏng	2.000	08 03 01
5	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán và vụn thải có các thành phần nguy hại	Rắn	5.800	09 01 01
6	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	Bùn	1.000	12 06 06
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	120	16 01 06
8	Dầu thuỷ lực tổng hợp thải	Lỏng	800	17 01 06
9	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	900	17 02 04
10	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	Lỏng	200	17 08 03
11	Bao bì mềm thải	Rắn	2.000	18 01 01
12	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	12.000	18 01 02
13	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	600	18 01 03

14	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18.000	18 02 01
15	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	20	19 06 01
16	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ	Rắn	6.900	19 12 03
	Tổng số lượng		68.410 kg	

CTY TNHH ĐTDV MT
PHÚ HƯNG
Số/*No.*: 01-2022/HD-TMPL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Bình Dương, ngày 18 tháng 08 năm 2022
Binh Duong, August 18, 2022

HỢP ĐỒNG KINH TẾ/*ECONOMIC CONTRACT*

(Về việc thu mua phế liệu /On purchase of scraps)

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự đã được Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 *Pursuant to the Civil Code approved by the 13th National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam thru the 10th session on 24 November 2015*

- Căn cứ vào Bộ Luật Thương mại đã được Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa II kỳ họp thứ VII thông qua và ban hành ngày 14/06/2005./ *Pursuant to the Commercial Law approved and issued on 14 June 2005 by the 2nd National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam thru the 7th session*

- Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 23/06/2014./ *Pursuant to the Law on Environmental Protection dated 23 June 2014.*
- Căn cứ vào Nghị định 19/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Thủ tướng Chính Phủ./ *Pursuant to Decree No.19/ND-CP dated 14 February 2015 of the Prime Minister.*
- Căn cứ Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/ 2015./ *Pursuant to Decree No.38/2015/ND-CP dated 24 April 2015.*
- Căn cứ Thông tư 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ngày 30/06/2015./ *Pursuant to Circular No.36/2015/TT-BTNMT of Ministry of Natural Resources and Environment dated 30 June 2015.*

Căn cứ vào nhu cầu của công ty TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING /
Based on the needs of AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING *CO., LTD*

Đại diện hai bên gồm có/ Representatives of both parties are:

BÊN A/PARTY A:CÔNG TY TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING /
AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING CO., LTD

* Địa chỉ: Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, Ấp 3, Xã Trừ Văn Thố, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương
Address: Plot No. 127, Map sheet No. 12, Hamlet 3, Tru Van Tho wards, Bau Bang District, Binh Duong Province

* Điện thoại/*Tel* : 0974033074 Fax:

* Mã số thuế/*Tax code* : 0315677042

* Đại diện : Ông. **GUO XIAOOU** Chức vụ: **Phó Tổng *Giám đốc***

Representative: Mr. **GUO XIAOOU** *Position:* ***Deputy General Manager***

BÊN B/*PARTY B*: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG PHÚ HƯNG

* Địa chỉ: K2.8.12b Tầng 8, Tòa nhà Becamex, Khu dân cư Việt Sing, Khu phố 4, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

* Điện thoại/*Tel* : 0964368378 Fax:

* Mã số thuế/*Tax code*: 3702469158

* Tài khoản:

* Đại diện: Ông. **NGUYỄN THẾ KỶ** Chức vụ: **Giám đốc**

Legal Representative: Mr. ***NGUYEN THE KY*** *Position:* ***Director***

Hôm nay ngày 18 tháng 08 năm 2022, sau khi thỏa thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau/Today, August 18, 2022, after negotiation, the two parties agree to sign the contract with the following terms and conditions:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

ARTICLE 1: CONTENT OF THE CONTRACT

Bên A đồng ý chọn Bên B thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và thu mua các loại phế liệu được thải ra trong quá trình sản xuất tại nhà máy của Bên A, địa chỉ: Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, Ấp 3, Xã Trừ Văn Thố, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương. theo đúng chức năng hành nghề của Bên B đã được cấp phép. Danh mục các loại phế liệu được ghi rõ tại điều khoản 3.2 của hợp đồng.

Party A agrees to select Party B to perform the service of collection and transport and purchase of scraps to be released during the production process at Party A's factory, address: Plot No. 127, Map sheet No. 12, Hamlet 3, Tru Van Tho wards, Bau Bang District, Binh Duong Province in accordance with Party B's licensed functions. The list of scraps is specified in Clause 3.2 of the contract.

1.1 . Toàn bộ các loại phế liệu của bên A sẽ được chở về kho của bên B để xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

All types of scraps of Party A shall be transported to Party B's warehouse handled in accordance with the law.

1.2 . Phương thức xác định khối lượng/*Method of volume determination*:

- Khối lượng phế liệu được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B

  The volume of scraps is determined by weighing at Party A's warehouse under confirmation of Party B.

- Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của Bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của Bên B

  In case of unable to determine the volume at Party A's warehouse, it will be based on the weight note of Party B's electronic weighing scale.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

ARTICLE 2: RESPONSIBILITIES OF TWO PARTIES

2.1. **Trách nhiệm của Bên A/*Responsibilities of Party A*:**

- Toàn bộ các loại phế liệu phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của Bên A phải được tập kết, phân loại và lưu giữ an toàn trong kho chứa theo quy định của Pháp luật Việt Nam về Quản lý môi trường, trong khi chờ tiến hành bàn giao cho Bên B thu gom và thu mua.

  All types of scraps generated from the production process of Party A must be gathered, classified and safely stored in the warehouse in accordance with the Law of Vietnam on Environmental Management, while await for being handed over to Party B for collection and purchase.

- Khi có phát sinh về số lượng phế liệu, Bên A thông báo bằng Fax hoặc điện thoại cho Bên B về số lượng phế liệu cần thu gom, thu mua và xử lý trước 24 giờ.

  In case that there is a change in the quantity of scraps, Party A should inform via Fax or telephone to Party B about the quantity of scraps to be collected, purchased and processed 24 hours in advance.

- Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B như đóng gói các loại phế liệu, cử nhân viên giám sát trong quá trình thu gom và thu mua hay cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy.

  Party A creates favorable conditions for Party B such as packing all types of scraps, assigning its staff to supervise during the process of collection and purchase or provides necessary documents for entering and leaving the factory gate.

- Khi giao các loại phế liệu, bên A phải phối hợp với Bên B làm biên bản giao nhận các loại phế liệu để xác nhận khối lượng phế liệu.

  Upon the delivery of scraps, Party A should coordinate with Party B for preparation of delivery note for all types of scraps to confirm the volume of scraps.

- Trong thời gian hiệu lực hợp đồng, Bên A không được giao hoặc bán cho đơn vị khác vận chuyển, thu gom và thu mua.

  During the validity term of the contract, Party A is not allowed to transfer or sell to another party for transport, collection and purchase.

- Bên A xác định rõ nguồn gốc của các loại phế liệu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc lô hàng đó.

  Party A clearly identifies the origin of scraps and takes the whole responsibility before the law for the origin of that shipment.
- Nếu bên A bán và giao các loại phế liệu, rác thải thông thường có lẫn chất thải nguy hại cho xe của bên B không thuộc danh mục xe chuyên dụng thì khi xảy ra bất kỳ sự cố nào về vi phạm pháp luật thì bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

  If Party A sells and hands-over scraps and common wastes containing hazardous wastes to Party B's vehicle which is not included in the list of specialized vehicles, Party A shall be fully responsible before the law for any incidents related to violation of the law.

2.2. **Trách nhiệm của Bên B/ *Responsibilities of Party B*:**

- Khi Bên A đã thông báo cho Bên B vào thu gom và thu mua các loại phế liệu, thì ngày hôm sau bên B sắp xếp xe vào vận chuyển (trừ ngày lễ, chủ nhật).

  In case Party A has notified Party B to collect and purchase scraps, Party B shall arrange the vehicle for transportation on the next day (except for Holidays and Sundays).
- Bên B có trách nhiệm thực hiện vận chuyển theo yêu cầu của Bên A để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm các loại phế liệu được tái chế, tái sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Chính Phủ Việt Nam về bảo vệ môi trường.

  Party B is responsible for transporting at the request of Party A to avoid the overload of warehouses, ensuring that all types of scraps to be recycled and reused in accordance with current regulations of the Government of Vietnam on environmental protection.
- Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết và thực hiện tốt nội quy của công ty khi xe và công nhân của Bên B ra/vào nhà máy.

  Party B is responsible for following procedures to present necessary documents and fully follows the company's regulations when vehicles and workers of Party B enter/leave the factory.
- Phải chuyển các loại phế liệu ra khỏi nhà máy khi đủ chuyến và chỉ chở loại hàng trong danh mục phế liệu của Hợp đồng này.

  Scraps should be removed from the factory when the volume of scraps is big enough for one shipment and only items included in the list of scraps under this Contract shall be loaded onto the vehicle.
- Bên B phải mang đầy đủ các phương tiện thiết bị chuyên dụng cần thiết khi đến thu mua phế liệu.

Party B should prepare all necessary specialized equipment and facilities for scraps purchase.

- Bên B phải thông báo với bên A khi Hợp đồng hết hạn hoặc có thay đổi, gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng.
  Party B should notify Party A in case of contract expiry, change, extension or termination.

- Bên B khi lấy phế liệu tại nhà máy của bên A thì tự chủ động xem phế liệu có đúng phế liệu không lẫn chất thải nguy hại hay không. Nếu bên B phát hiện phế liệu có lẫn chất thải nguy hại thì phải thông báo cho bên A ngay tại thời điểm lấy phế liệu tại nhà máy. Nếu bên B không thông báo cho bên A thì mặc nhiên phế liệu không trộn lẫn các chất thải nguy hại khác. Mọi vấn đề phát sinh bên A không chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 3: SỐ LƯỢNG VÀ ĐƠN GIÁ

ARTICLE 3: QUANTITY AND UNIT PRICE

3.1. Số lượng các loại phế liệu được tính theo số lượng thực tế mà Bên A giao cho Bên B thông qua Biên Bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.
The quantity of scraps is calculated according to the actual quantity handed over to Party B by Party A through a delivery note with confirmation from both parties.

3.2. Danh sách các loại phế liệu thu mua được thể hiện trong bảng sau:
The list of scraps to be purchased is shown in the following table:

Stt/*No.*	**Tên Các Loại Phế Liệu/*Name of scraps***	**Đvt** ***Unit***	**Đơn Giá Thu Mua và thu gom(VNĐ)** ***Unit price for purchase and collection***	**Ghi Chú** ***Notes***
01	Thùng phuy sắt 200L(sạch)/ *Iron drum 200L (clean)*	Kg	80.000	Thu Mua sau xử lý/ *Purchasing after processing*
02	Thùng sắt 20L (sạch)/ *Iron barrel 20L (clean)*	Kg	4.000	Thu Mua sau xử lý/ *Purchasing after processing*
03	Mùn cưa, phôi bào,dăm bào/ *Sawdust, ingot, shavings*	Xe 2,5 tấn	2.700.000	Thu Mua/*Purchase*
04	Củi vụn, MDF/ *Wood chips, MDF*	Xe 2,5	1.700.000	Thu Mua/*Purchase*

		tấn		
05	Bìa carton/ *Carton*	Kg	3.000	Thu Mua/*Purchase*
06	Rác công nghiệp thông thường không nguy hại (giấy vụn, bọc nilon, palet hư, da vụn, dây đai, nhựa phế, mút xốp, bông gòn…)/ *Ordinary non-hazardous industrial waste (waste paper, plastic wrap, damaged pallets, debris, belts, plastic waste, foam, ...)*	Kg	Miễn phí/Free of charge	Xử Lý/*Process*

Ghi chú/*Notes*:

- Đơn giá thu mua trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển.
  The above purchase unit price includes collection and transportation costs.
- Đơn giá thu mua trên chưa bao gồm thuế VAT
  The above purchase unit price includes VAT tax
- Đơn giá thu mua trên có thể thay đổi theo thị trường
  The above purchase price may change according to the market

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

ARTICLE 4: PAYMENT METHOD

4.1. Sau mỗi lần thu gom và thu mua, căn cứ trên biên bản giao nhận thực tế có xác nhận của đại diện hai bên.

After each collection and purchase, the actual delivery note with confirmation from the representatives of both parties shall be the basis for payment.

4.2. **Phương thức thanh toán**: Bên B sẽ đặt cọc cho Bên A với số tiền **100.000.000**/vnđ ***(Một tram triệu đồng).***Sau mỗi tháng Bên A và Bên B cùng lập bảng đối chiếu công nợ, xuất hóa đơn,chứng từ (nếu có). Hình thức thanh toán là trừ dần vào tiền cọc của Bên B với số tiền trừ không quá số tiền đặt cọc của bên B.Bên A chủ động thông báo cho Bên B đóng thêm tiền cọc vào mỗi khi đã trừ tiền hàng gần hết số tiền cọc trên.Bên B sẽ thanh toán cho bên A bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản (chi phí chuyển khoản do bên thanh toán chi trả).

Payment method: *Party B will deposit Party A with the amount of VND 100,000,000 / VND (One million million) .After each month, Party A and Party B will prepare a reconciliation table of debts, issue invoices and documents (if). The method of payment is to deduct gradually the deposit of Party B with the deducted amount not exceeding the deposit amount of Party B. Party A shall proactively notify Party B to pay an additional deposit upon deducting almost all of the goods. The above deposit will be paid by Party B in the form of cash or bank transfer (transfer cost paid by the payer).*

Trong trường hợp Nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT hai bên được quyền điều chỉnh theo quy định.

In case the State changes the VAT rate, both parties are entitled to adjust according to legal regulations.

ĐIỀU 5: CÁC TRƯỜNG HỢP TẠM NGƯNG – CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

ARTICLE 5: CASES OF CONTRACT SUSPENSION - TERMINATION

5.1. Bên A được quyền tạm ngưng việc giao các loại phế liệu cho Bên B thu mua bằng văn bản trước 30 ngày nếu Bên B vi phạm hợp đồng.

Party A is entitled to suspend the hand-over of all types of scraps to be purchased to Party B in writing 30 days in advance if Party B breaches the contract.

5.2. Bên A được quyền tạm ngưng việc giao các loại phế liệu cho Bên B thu mua khi hợp đồng hết hiệu lực theo điều 7.

Party A is entitled to suspend the hand-over of all types of scraps to be purchased to Party B when the contract expires according to Article 7.

5.3. Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu mua các loại phế liệu bằng văn bản trước nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau:

Party B is entitled to notify in writing on the suspension of purchase of scraps in advance if during contract performance, the following cases may arise:

- Do bên A vi phạm hợp đồng.

  Party A breaches the contract.
- Theo yêu cầu của các cơ quan chức năng.

  Upon the request of functional bodies.
- Do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt,…

  Due to force majeure cases: natural disasters, floods, etc.
- Hợp đồng hết hiệu lực theo điều 7.

  The contract expires according to Article 7.

5.4. Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.

Party B is entitled to unilaterally terminate the contract in case Party A violates one of the contents of this contract or Party A violates the current legal regulations that might affect the operation of Party B.

5.5.sau khi hết hạn hợp đồng mà một trong hai bên không còn vướng mắc gì về tài chính hoặc sự cố gì thì hợp đồng này sẽ tự động gia hạn thêm một năm.

After the expiry of the contract, either party has no financial claims or incidents, this contract shall be automatically extended for one year.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ARTICLE 6: GENERAL PROVISIONS

6.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ký, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại. Nếu muốn hủy hợp đồng thì phải thông báo trước cho đối phương 30 ngày.

The two parties commit to properly and fully comply with signed terms and conditions; neither party may arbitrarily change the content or unilaterally terminate the contract without the written agreement of the two parties. The violating party shall have to compensate for the damage caused by its violation to the violated party. If any party would like to cancel the contract, that party should notify the other party 30 days in advance.

6.2. Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được thì vấn đề sẽ được đưa ra giải quyết theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương hoặc Tòa Án kinh tế có thẩm quyền và phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

All arising disputes shall be resolved based on the spirit of cooperation and negotiation in priority. If the two parties fail to resolve by themselves, the disputes shall be resolved according to current regulations of Vietnamese Laws and the decision of the People's Court of Binh Duong Province or the competent Economic Court and The Court's judgment is the final decision. All costs for the trial are borne by the losing party.

6.3. Các phụ lục, biên bản thỏa thuận kèm theo là bộ phận không thể tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực của Hợp đồng này.

Attached appendices and agreements are an integral part with the same validity with the Contract.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

ARTICLE 7: CONTRACT VALIDITY

7.1. Hợp đồng này có hiệu lực 01 (Một) Năm (trừ khi được gia hạn hoặc chấm dứt bằng văn bản trước thời hạn của hợp đồng) kể từ ngày ký.

This contract is valid for 01 (One) Year (unless extended or terminated in writing before the contract's term) from the signing date.

Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách: Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới trước thời hạn của hợp đồng. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản nào trong hợp đồng thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.

The amendment and supplement of the contract shall take effect provided that: The two parties agree to sign the contract appendix or new contract before the expiry date of the contract. The contract appendix is an integral part of the contract and has the same validity with the main contract. If the contract appendix includes provisions that are inconsistent with any provisions in the contract, it is deemed to understand that provision of the contract has been amended.

7.2. Hợp đồng này bao gồm 09 (chín) trang, được lập thành 02 (hai) bản có đầy đủ chữ ký và con dấu của hai bên. Mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.

This contract consists of 09 (nine) pages, made in 02 (two) copies with full signature and seal of both parties. Each party keeps 01 (one) copies with equivalent legal value.

ĐẠI DIỆN BÊN A ***PARTY A'S REPRESENTATIVE*** **Phó Tổng Giám Đốc** ***Deputy General Manager***	**ĐẠI DIỆN BÊN B** ***PARTY B'S REPRESENTATIVE*** **Giám Đốc** ***Director***
GUO XIAOOU	**NGUYỄN THẾ KỶ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

(Về việc thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt)

- Căn cứ vào luật Thương mại và Luật Dân sự ngày 14 tháng 06 năm 2005 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ luật Bảo vệ Môi Trường 29/11/2005 có hiệu luật kể từ ngày 01/07/2006 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua;

- Căn cứ theo công văn 1726/UBND-KT của UBND huyện Bến Cát ngày 10 tháng 08 năm 2009;

- Căn cứ quyết định 64/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Bình Dương về quy định mức giá tối đa dịch vụ gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Căn cứ vào tình hình rác thải và nhu cầu của các doanh nghiệp, nhà máy, hộ kinh doanh trên địa bàn xã Trừ Văn Thố.

Hôm nay, ngày 01.. Tháng 01.. Năm 2022 tại: .....

Chúng tôi gồm có:

BÊN A: Công ty TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING

- Địa chỉ: TĐS 127, TBĐ Số 12, Ấp 3 Xã Trừ Văn Thố, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: 0979503151 Fax :
- Tài khoản số: ..... Tại: .....
- Mã số thuế: 0315677042
- Do Ông/Bà: **GUO XIAOOU** Chức vụ:Phó tổng Giám đốc làm đại diện
- Ngành sản xuất: Nội Thất Gỗ

BÊN B: Ông Trần Minh Tân

- Địa chỉ: Ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Điện thoại: 0988096419
- MST: 8592926785
- Tài khoản: 050118018068 tại Ngân Hàng Sacombank-PGD Bàu Bàng

Hai bên thống nhất ký cùng hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải với nội dung sau:

Điều 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1 Bên A giao cho bên B xử lý vận chuển rác thải.

- Rác sinh hoạt

- Tình trạng chất thải trong điều kiện: chứa trong thùng hoặc bọc nilông để tập trung một điểm.

- Thời gian thu gom: các ngày trong tuần (thứ hai đến chủ nhật)

Điều 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Đơn giá xử lý chất thải được tính bình quân theo tháng là: 4.000.000.. vnđ/tháng (bằng chữ:..bốn..triệu..đồng.....)(bao gồm thuế VAT)

2.2 Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Thời gian thanh toán 15 ngày từ ngày Bên A nhận được hóa đơn thu tiền phí vệ sinh do Bên B cung cấp

Điều 3: TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

3.1 Trách nhiệm bên A:

- Thực hiện đúng như điều 01.

- Bên A phải bỏ rác vào thùng đúng như quy định.

- Thanh toán đúng như điều 02.

- Trong thời gian hợp đồng Bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác thu gom vận chuyển, xử lý hoặc tiêu hủy chất thải.

3.2 Trách nhiệm Bên B:

- Đảm bảo việc tiếp nhận chất thải đúng như điều 01.

- Vận chuyển rác thải bằng xe thu gom.

- Giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển.

- Xử lý chất thải theo đúng quy định, tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xử lý chất thải của mình.

Điều 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng. Không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị hại.

4.2 Nếu Bên A không bỏ rác vào thùng và không để rác đúng nơi quy định thì bên B từ chối tiếp nhận đơn hàng đó và đồng thời đơn giá thanh toán cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý hàng tháng vẫn không đổi. Hoặc Bên B vẫn tiến hành thu gom nhưng đơn giá xử lý lô hàng không đúng như thỏa thuận của hai bên được tính dựa trên loại chất thải có đơn xử lý cao nhất.

4.3 Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác hai bên cùng có lợi.

Điều 5: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Thời gian để thực hiện hợp đồng bắt đầu ngày 01.. Tháng 01.. Năm 2022.

5.1 Hợp đồng này có giá trị trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký. Khi hợp đồng hết thời hạn nếu có sự thay đổi về giá trị hoặc nội dung hợp đồng thì hai bên cùng nhau thương lượng. Nếu không có sự thay đổi về giá trị hoặc nội dung hợp đồng thì mặc nhiên hợp đồng này có giá trị cho những năm tiếp theo.

5.2 Hợp đồng được lập thành 03 bản, Bên A giữ 01 bản và Bên B giữ 02 bản có giá trị ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

M.S.D.N: 0315677042 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING
H.BÀU BÀNG - T.BÌNH DƯƠNG

Guo Xiao ou

ĐẠI DIỆN BÊN B

TRẦN MINH TÂN
MST: 3592926785
ẤP 3, TDS 116B, TBD 13, XÃ TRỪ VĂN THỐ
HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG
Địa chỉ : Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, KDC Chánh Nghĩa, P. Chánh Nghĩa, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Tel: 0274.246.1222
E-mail: moitruongsenvang@gmail.com
Web: moitruongsenvang.com

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 256 HĐ/SV - 2022 *Bình Dương, ngày 08 tháng 04 năm 2022*

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v : Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số: 91/2015/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật thương mại số: 36/2005/QH11 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;
- Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại ban hành ngày 30 tháng 06 năm 2015;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 3701224331 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần 16, ngày 10 tháng 03 năm 2022.
- Căn cứ theo yêu cầu thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại và công nghiệp.
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 5-6.038.VX (Cấp lần 2) của Công ty TNHH Môi Trường Sen Vàng được Bộ tài nguyên Môi trường cấp ngày 03/02/2021.

ĐẠI DIỆN HAI BÊN GỒM:

BÊN A : **CÔNG TY TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING**
Địa chỉ : Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, Ấp 3, Xã Trừ Văn Thố, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại : 0938.967.468
Mã số thuế : 0315677042
Người đại diện : GUO XIAOOU Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc
Email :

BÊN B : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG**
Địa chỉ : Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, KDC Chánh Nghĩa, P. Chánh Nghĩa, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại : 0274.246.1222
Mã số thuế : 3701224331
Người đại diện : **NGUYỄN VĂN HÒA** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**
Tài khoản số : 0711010293098 tại NH ABBANK – PGD Thuận An - Bình Dương

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1 : NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Bên B nhận thực hiện việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phát sinh từ quá trình hoạt động của Bên A.
- Thời hạn hợp đồng: 01 (một) năm kể từ ngày ký kết hợp đồng.

ĐIỀU 2 : SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ XỬ LÝ

2.1 Khối lượng của từng loại chất thải: là tổng khối lượng bao gồm cả bao bì chứa loại chất thải đó, được tiến hành cân tại kho lưu trữ chất thải của Bên A. Trong trường hợp không xác

định được khối lượng tại kho của Bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của Bên B hoặc phiếu cân tại bàn cân điện tử do Bên A chỉ định.

2.2 Số lượng chất thải giao nhận: Sẽ được xác định bằng biên bản giao nhận (hoặc chứng từ chất thải nguy hại) theo thực tế giao nhận giữa hai Bên. Trường hợp phát sinh chất thải ngoài danh mục báo giá tại mục 2.3 Điều 2 thì bên A thông báo bằng văn bản cho bên B để hai bên thỏa thuận giá cả và phương thức thu gom trước khi tiến hành thu gom.

2.3 Đơn giá:

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Đơn giá xử lý (VNĐ/ĐVT)
1	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 01 01	Kg	5.000
2	Bùn thải lẫn sơn hoặc véc ni có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 01 02	Kg	5.000
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	Kg	5.000
4	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu có hoặc các thành phần nguy hại khác (gồm: keo thải)	08 03 01	Kg	5.000
5	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẫu, gỗ thừa, ván và gỗ dán và vụn thải có các thành phần nguy hại	09 01 01	Kg	5.000
6	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	12 06 06	Kg	5.000
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Kg	5.000
8	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	Kg	5.000
9	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Kg	5.000
10	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	17 08 03	Kg	5.000
11	Bao bì mềm thải	18 01 01	Kg	5.000
12	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Kg	5.000
13	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Kg	5.000
14	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Kg	5.000
15	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Kg	5.000
16	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hai vô cơ và hữu cơ	19 12 03	Kg	5.000
17	Rác công nghiệp	-	Kg	2.200

Ghi chú:

- *Đơn giá trên bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển, lưu trữ và xử lý.*
- *Đơn giá trên chưa bao gồm 10% thuế GTGT.*
- *Đơn giá trên áp dụng với khối lượng chất thải tối thiểu là **2.000** kg/lần thu gom. Nếu ít khối lượng trên thì sẽ tính thêm chi phí vận chuyển là 1.000.000 đ/lần.*
- *Bao bì, thùng phuy chứa chất thải Bên B không hoàn trả sau khi thu gom, xử lý.*

ĐIỀU 3: THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM THU GOM – SĐT LIÊN HỆ THU GOM, PHẢN ÁNH

- Thời gian thu gom: Theo yêu cầu. Bên A thông báo trước cho Bên B bằng văn bản, email,... trước 02 ngày làm việc. Bên B sẽ thông báo lại thời gian chính xác sau khi sắp xếp được xe.

Địa điểm giao nhận: tại CÔNG TY TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING- Địa chỉ: Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, Ấp 3, Xã Trừ Văn Thố, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương.

- Số điện thoại liên hệ thu gom: 0916.085.739
- Số điện thoại liên hệ phản ánh: 0274.246.1222

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Dựa vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, hàng tháng bên B phát hành hóa đơn tài chính cho bên A.
- Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt cho Bên B 100% giá trị hóa đơn trong vòng 15 (mười lăm) ngày sau khi nhận hóa đơn GTGT do bên B phát hành.
- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản. Nếu Bên A không thông báo thì Bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

5.1 Trách nhiệm Bên A:

- Bên A có trách nhiệm phân loại và lưu trữ chất thải nguy hại tại kho của Bên A theo đúng quy định của pháp luật. Các loại chất thải sau khi phân loại phải chứa trong các thùng chứa riêng biệt, không để rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải và lưu trữ tại một khu vực cố định trước khi bàn giao cho bên B.
- Chuyển giao chất thải đúng như thỏa thuận quy định tại Điều 2. Nếu ngày giao nhận chất thải theo quy định tại Điều 3, xe của bên B đến công ty bên A mà bên A không giao chất thải cho bên B thì bên A phải ký biên bản xác nhận không bàn giao chất thải đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và thanh toán chi phí vận chuyển cho bên B là 1.000.000 đ/lần.
- Trong quá trình giao nhận nếu Bên B phát hiện Bên A để lẫn Chất thải nguy hại vào Các loại chất thải khác thì Bên B không nhận lô hàng đó.
- Nếu trong thời gian hợp đồng Bên A không giao chất thải thì sẽ phải chịu chi phí pháp lý hợp đồng là 20.000.000 đ/năm.
- Khi bàn giao chất thải Bên A phải cử người cân xác nhận khối lượng chất thải chuyển giao.
- Bố trí nhân sự, phương tiện hỗ trợ Bên B trong quá trình giao nhận chất thải tại kho của Bên A, tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải (phù hợp với công việc của hợp đồng) khi bên B yêu cầu.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng Bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác hoặc tự tiêu hủy chất thải. Nếu vi phạm Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.
- Thanh toán tiền xử lý chất thải đúng như Điều 4. Nếu Bên A thanh toán trễ hạn so với thời gian thanh toán đã ký kết thì Bên A sẽ phải chịu lãi suất trả chậm (theo lãi suất Ngân hàng ABBANK – PGD Thuận An - Bình Dương) tính từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán quy định tại mục Điều 4 hợp đồng này.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5.2 Trách nhiệm Bên B:

- Chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển chất thải của Bên A và lưu giữ, xử lý chúng tại nhà máy của Bên B (tại Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương) theo quy định hiện hành về quản lý chất thải của Nhà nước Việt Nam.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho của Bên A. Tất cả các xe vận chuyển rác thải của Bên B phải là xe chuyên dụng để tránh rơi vãi chất thải độc hại ra môi trường trong quá trình vận chuyển.
- Thu gom chất thải đúng ngày đã thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng. Nếu không, Bên B phải chịu trách nhiệm về việc lưu trữ quá hạn chất thải nguy hại của bên A, và xem như là đã vi phạm hợp đồng (trừ khi hai bên có thỏa thuận khác).
- Có trách nhiệm giữ vệ sinh, đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được Bên A giao theo đúng quy định.
- Cán bộ, nhân viên của Bên B khi ra vào làm việc tại khu vực của Bên A phải chấp hành nội quy nơi làm việc, thực hiện theo đúng hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của Bên A để đảm bảo trật tự an toàn cho nơi làm việc của Bên A; Nhân viên của Bên B phải tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện Bên A về việc đi lại, vị trí thu gom chất thải.
- Không nhận chất thải ngoài danh mục đã báo giá cũng như chất thải có tính chất khác biệt so với mẫu báo giá.

- Bên B chịu trách nhiệm xuất trình với các cơ quan có thẩm quyền các giấy tờ có liên quan đến hoạt động xử lý chất thải và các giấy tờ chứng nhận cho phép hoạt động của các xe chở chất thải chuyên dụng của Bên B.
- Bên B có trách nhiệm lập chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A thu gom theo đúng quy định và một năm 2 lần.
- Trong quá trình thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, Bên B phải tuyệt đối tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6: CÁC TRƯỜNG HỢP TẠM NGƯNG – CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng tự động chấm dứt khi hợp đồng và/hoặc phụ lục hợp đồng hết hiệu lực, hoặc một trong hai bên vi phạm pháp luật về môi trường.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải bằng văn bản cho Bên A nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh một số trường hợp sau:
  + Do Bên A vi phạm hợp đồng.
  + Do Bên A thanh toán trễ hạn quá 30 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn.
  + Theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
  + Do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt…
- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên B vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc do bên B vi phạm các quy định hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên A, sau 15 ngày kể từ ngày Bên A gửi văn bản chính thức đến Bên B.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc do bên A vi phạm các quy định hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B, sau 15 ngày kể từ ngày Bên B gửi văn bản chính thức đến Bên A.
- Một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước cho bên còn lại 30 (ba mươi) ngày, đồng thời trong thời gian này hai bên phải hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng đối với bên còn lại.

ĐIỀU 7 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có thỏa thuận bằng văn bản của hai bên (trừ mục 1 của Điều 6). Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- Mọi tranh chấp phát sinh giữa các Bên liên quan đến hợp đồng đều được ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng.
- Sau khi hết hạn hợp đồng, nếu hai Bên không tiếp tục ký gia hạn, thì hợp đồng này được xem như bản thanh lý.
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt với đầy đủ các chữ ký và con dấu của hai Bên. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
	NGUYỄN VĂN HÒA

Mẫu số 12/KLKT, ban hành kèm theo
Thông tư số 80/2019/TT-BCA ngày
27/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an

CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
CÔNG AN HUYỆN BÀU BÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 57/KLKT

Bàu Bàng, ngày 27 tháng 7 năm 2022

KẾT LUẬN KIỂM TRA
Việc chấp hành pháp luật về môi trường

Thực hiện quy định của pháp luật và yêu cầu đảm bảo an ninh, trật tự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm, ngày 06 tháng 01 năm 2021, Công an huyện Bàu Bàng đã ban hành Quyết định số 09/QĐ-KT ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc kiểm tra chấp hành pháp luật về môi trường và tiến hành kiểm tra theo quyết định này từ ngày 06 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2021 đối với Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing.

Căn cứ báo cáo kết quả xác minh (biên bản làm việc) ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Đội Cảnh sát kinh tế - ma túy; Công an huyện Bàu Bàng kết luận như sau:

1. Nội dung kết luận:

*** Việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường:**

Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV có mã số doanh nghiệp: 0315677042 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 14/5/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11/8/2020. Người đại diện theo pháp luật là ông XIAO, JUNHUI; chức vụ: Giám đốc, sinh ngày 13/4/1991, Hộ chiếu nước ngoài số EI2407868, cấp ngày 17/02/2013, nơi cấp: Trung Quốc. Nơi đăng ký HKTT: Room 302 #1 Building, Shuxiangli, Shuiyunxuan, East District, Zhongshan City, Guangdong, Trung Quốc; chỗ ở hiện tại: thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Hồ sơ, thủ tục bảo vệ môi trường hiện tại của công ty:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV có mã số doanh nghiệp: 0315677042 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 14/5/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11/8/2020.

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có mã số QLCTNH: 74.004074T do Chi cục bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình dương cấp lần 1 ngày 26/8/2020.

+ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 137/GP-STNMT do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp 22/10/2019.

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 187/GP-STNMT do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp 23/10/2020.

+ Hợp đồng v/v xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường số 32-RTT/HĐ-KT/21 ký ngày 02/01/2021 giữa Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing và Chi nhánh xử lý chất thải thuộc Công ty cổ phần nước - môi trường Bình Dương.

+ Hợp đồng kinh tế v/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số 08/2020/HĐXLCT-SV ký ngày 10/8/2020 giữa Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing và Công ty cổ phần môi trường Sao Việt.

+ Hợp đồng thuê nhà máy sản xuất ký ngày 16/5/2019 giữa Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing và Công ty TNHH Hoàng Đại Vương.

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường tháng 10/2019 của Dự án "Nhà máy sản xuất đồ gỗ các loại, diện tích nhà xưởng 26.610m2", chủ dự án là Công ty TNHH Hoàng Đại Vương.

Ngày 04/5/2021, Bà: Nguyễn Thị Ngọc Hạnh, sinh năm: 1988, HKTT: ấp Hội Phú Nam 1, xã Ninh Phú, TX. Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; chức vụ: Tổng vụ, người được ông XIAO, JUNHUI, chức vụ: Giám đốc ủy quyền theo giấy ủy quyền không số ngày 01/01/2021 đến cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu gồm:

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ năm 2020.
- Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép khai thác nước dưới đất năm 2020.

*** Hành vi vi phạm của Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing**

Ngày 06/01/2021 Công an huyện Bàu Bàng phối hợp với các cơ quan chuyên môn tiến hành kiểm tra Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing, địa chỉ: thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo Quyết định số: 09/QĐ-KT, ngày 06/01/2021 của Phó Trưởng Công an huyện Bàu Bàng. Trong quá trình kiểm tra, đoàn ghi nhận việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của công ty.

Tại thời điểm kiểm tra, Đoàn kiểm tra tiến hành thu 02 mẫu nước thải (01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải và 01 mẫu nước thải tại hố ga đang chảy tràn xuống hệ thống thoát nước mưa) với lưu lượng 08m^3/ngày (24 giờ) do Trung tâm Quan trắc kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương thực hiện (có biên bản thu mẫu kèm theo). Quá trình thu mẫu có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh, Đoàn kiểm tra có ghi nhận chụp hình ảnh tại các vị trí thu mẫu.

Kết quả phân tích mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của công ty như sau:

- Mẫu nước thải được gửi phân tích tại Trung tâm Quan trắc – Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương có kết quả phân tích theo phiếu kết quả thử nghiệm số 107/KQ-TTQTKT ngày 13/01/2021.

+ Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của công ty trước khi thải ra môi trường tự nhiên: Chỉ tiêu Xác định pH nằm trong quy chuẩn cho phép; Các chỉ tiêu: Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD_5) ($mg/O_2/L$) vượt **5,55** lần

(120/21,6), Nhu cầu oxy hóa học (COD) (mg/O_2/L) vượt **5,12** lần **(277/54)**, Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (mg/L) vượt **3,13** lần **(113/36)**, Hàm lượng NH4+ (mg/L) vượt **6,41** lần **(23,1/3,6)**, Hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ) (mg/L) vượt **5,07** lần **(73,1/14,4)**, Hàm lượng Photpho tổng (Tổng Photpho) (mg/L) vượt **4,58** lần **(13,2/2,88)**, Colifom (MPN/100ml) vượt **1,3** lần **(3.900/3.000)** so quy chuẩn cho phép. Mẫu nước thải được so sánh áp dụng theo QCVN 40:2011/BTNMT.

+ Nước thải tại hố gas đang chảy tràn xuống hệ thống thoát nước mưa của công ty trước khi thải ra môi trường tự nhiên: Chỉ tiêu Xác định pH nằm trong quy chuẩn cho phép; Các chỉ tiêu: Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD_5) (mg/O_2/L) vượt **4,86** lần **(105/21,6)**, Nhu cầu oxy hóa học (COD) (mg/O_2/L) vượt **4,48** lần **(242/54)**, Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (mg/L) vượt **1,58** lần **(57/36)**, Hàm lượng NH4+ (mg/L) vượt **20,41** lần **(73,5,1/3,6)**, Hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ) (mg/L) vượt **5,93** lần **(85,4/14,4)**, Hàm lượng Photpho tổng (Tổng Photpho) (mg/L) vượt **1,63** lần **(4,7/2,88)** so với quy chuẩn cho phép. Mẫu nước thải được so sánh áp dụng theo QCVN 40:2011/BTNMT.

Đồng thời, Công ty không có hệ thống thu gom nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa; không vận hành thường xuyên công trình bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, Đoàn kiểm tra phát hiện Công ty đổ, thải chất thải rắn công nghiệp thông thường (gồm gỗ thừa...) trái quy định về bảo vệ môi trường (đổ, thải trực tiếp ra môi trường đất, không mái che đậy) với trọng lượng 2.500 kg (hai nghìn năm trăm kilogam).

Qua làm việc, Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing không cung cấp được Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho đoàn kiểm tra theo quy định theo quy định.

Đồng thời, công ty cung cấp thêm Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ năm 2021 và các phiếu kết quả khảo sát đo đạc môi trường đối với mẫu nước thải sau hệ thống xử lý, khí thải và chất lượng không khí ngày 04/4/2022.

- Qua làm việc bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh trình bày: Quá trình xây dựng hệ thống xử lý nước thải của công ty, do thiếu giám sát và không có chuyên môn trong việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải nên không có hệ thống thu gom nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa và không vận hành thường xuyên công trình bảo vệ môi trường. Đồng thời quá trình hoạt động đến nay Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing không có báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định.

+ Về chất thải rắn công nghiệp thông thường: Trong quá trình sản xuất không thu gom chất thải công nghiệp thông thường để chất thải công nghiệp thông thường không đúng quy định (đổ, thải trực tiếp ra môi trường đất, không mái che đậy) do công ty thiếu kiểm soát, quan tâm, giám sát việc lưu trữ chất thải nên còn để chất thải ngoài trời chứ không phải đổ thải.

- Qua làm việc bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh trình bày: Qua kết quả kiểm tra và phân tích mẫu nước thải của Đoàn kiểm tra tại Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing đúng theo quy định pháp luật, nhận thấy việc kiểm tra và phân tích mẫu nước thải của đoàn kiểm tra là khách quan, đúng theo quy định

của pháp luật, công ty đồng ý với quá trình thu mẫu và lưu lượng nước xả thải mà đoàn kiểm tra ghi nhận theo biên bản kiểm tra ngày 06/01/2021 của Đoàn kiểm tra. Đồng thời qua kết quả phân tích cho kết quả các chỉ tiêu: Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD_5) (mg/O_2/L), Nhu cầu oxy hóa học (COD) (mg/O_2/L), Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (mg/L), Hàm lượng NH4+ (mg/L), Hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ) (mg/L), Hàm lượng Photpho tổng (Tổng Photpho) (mg/L), Colifom (MPN/100ml). Công ty đồng ý với kết quả trên. Công ty sẽ tiến hành khắc phục, hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải và có biện pháp xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi thải ra môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

Công ty có Công văn giải trình số 02/GTMT ngày 11/01/2021, kèm theo hình ảnh các khu vực đã khắc phục lỗi như sau:

- Về chất thải rắn công nghiệp thông thường: Công ty đã xây dựng nhà kho để chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường (gỗ thừa) theo đúng quy định.
- Về hệ thống thoát nước mưa: Công ty đã làm lại và hoàn thiện đường ống riêng biệt không đấu nối chung với đường ống xử lý nước thải và vận hành thường xuyên công trình bảo vệ môi trường (hệ thống xử lý nước thải).
- Về báo cáo đánh giá tác động môi trường: Công ty đã nộp hồ sơ cho Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương để thẩm định, tuy nhiên do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên công tác thẩm định bị ảnh hưởng dẫn đến thời gian kéo dài.

Sau khi làm việc công ty đã thừa nhận các hành vi vi phạm và có Đơn xin tường trình số: 01/GTMT ngày 01/7/2022 về việc Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing đã khắc phục một số hạng mục còn thiếu sót và khó khăn như sau:

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường của công ty đã làm đơn xin sử dụng lại từ Công ty TNHH Hoàng Đại Vương: "Nhà máy sản xuất đồ gỗ các loại, diện tích nhà máy 26.610m^2, công suất 80.000 sản phẩm/năm" tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12 thuộc ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

+ Hệ thống nước mưa của công ty đã làm lại và hoàn thiện đường ống riêng biệt không đấu nối chung với đường ống nước thải.

+ Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải và đạt theo quy chuẩn có kèm theo kết quả phân tích (theo cột A (QCVN 40:2021/BTNMT)) theo phiếu kết quả phân tích mã KQ số: 070622/MT_323 cảu Công ty CP kỹ thuật tiêu chuẩn QCVN Việt Nam.

Từ tháng 6/2021 dịch Covid-19 bùng phát mạnh và theo Chỉ thị 16 của Chính phủ tất cả người dân đều không được đi lại trừ những công việc cần thiết, cấp bách. Do đó, công ty đã tiến hành cho toàn bộ công nhân ở 3 tại chỗ tại công ty tới cuối tháng 01/2022. Sau khi công ty mở cửa trở lại công ty đã tiếp tục khắc phục, xử lý cho tới nay hệ thống nước thải sinh hoạt đã đạt theo quy định và tiếp tục duy trì.

Về báo cáo đánh giá tác động môi trường công ty vẫn đang tiến hành lập hồ sơ để bảo vệ công tác môi trường. Nhưng khó khăn ở hồ tự thấm của công ty phải được đấu nối với mương nước của địa phương để chảy ra suối Bàu Long,

quá trình làm việc kéo dài do vẫn chưa thỏa thuận được với Công ty Sáng Tạo phía sau để được đấu nối ra mương nước.

Nay công ty cam kết để được tiến hành sớm việc lập hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường, bằng chứng là từ 2019 tới nay công ty vẫn thực hiện công tác giám sát bảo vệ môi trường có báo cáo hàng quý, hàng năm cho Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương.

Qua các nội dung giải trình, tường trình của công ty, xét thấy các hành vi vi phạm trên của công ty đã được Đoàn kiểm tra ghi nhận, xác định theo đúng quy định của pháp luật. Việc khắc phục hậu quả các hành vi vi phạm của công ty là biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính. Do đó, không có căn cứ để xem xét không xử lý các hành vi vi phạm hành chính đã xảy ra tại công ty

Quá trình làm việc đến nay Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing đã thừa nhận và đồng ý các hành vi vi phạm như sau:

* Không có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định.

* Xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải vào môi trường, theo phiếu kết quả thử nghiệm số 107/KQ-TTQTKT ngày 13/01/2021 đối với 02 mẫu nước thải do Trung tâm Quan trắc kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương thực hiện thu mẫu ngày 06/01/2021.

* Không lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường (gỗ thừa) theo quy định (để ngoài trời, không mái che đậy).

* Không vận hành thường xuyên công trình bảo vệ môi trường (hệ thống xử lý nước thải).

Do dịch bệnh Covid-19 phức tạp nên đến nay công ty mới đến cơ quan công an làm việc.

2. Những nội dung, hồ sơ, tài liệu đã gửi/chuyển cơ quan, đơn vị chức năng để giải quyết theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của cấp trên (nếu có): Không.

3. Những vấn đề cơ quan ..... đang tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của cấp trên (nếu có): Không.

4. Việc áp dụng pháp luật và kiến nghị, đề xuất:

Lập biên bản vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing về các hành vi vi phạm nêu trên.

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quy định *"Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II của Nghị định này là mức phạt tiền quy định đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền với cùng hành vi vi phạm hành chính của cá nhân"*. Do đó, áp dụng mức phạt tiền phạt đối với Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing về các hành vi vi phạm, cụ thể như sau:

Các tình tiết có liên quan: Không. Do đó áp dụng mức tiền phạt trung bình của khung tiền phạt.

Hành vi 1: Không có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định, đã vi phạm vào điểm d, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ). Mức phạt tiền từ **300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng**. Áp dụng mức phạt tiền **350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).**

Hành vi 2: Không vận hành thường xuyên công trình bảo vệ môi trường (hệ thống xử lý nước thải) đã vi phạm vào điểm b khoản 4 Điều 11 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Mức phạt tiền từ **100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng**. Áp dụng mức phạt tiền **150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).**

Hành vi 3: Đối với mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của công ty trước khi thải ra môi trường tự nhiên.

Xả nước thải **vượt 6,41 lần** quy chuẩn kỹ thuật về chất thải vào môi trường (chỉ tiêu Hàm lượng NH4+ (mg/L) **(23,1/3,6)**) với thải lượng nước thải từ 05 m^3/ngày (24 giờ) đến dưới 10 m^3/ngày (24 giờ), đã vi phạm vào điểm b, khoản 5 Điều 13 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực bảo vệ môi trường. Mức phạt tiền từ **60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng**. Áp dụng mức phạt tiền **80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).**

Theo quy định tại khoản 7 Điều 13 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ) như sau:

+ Phạt tăng thêm 10% của mức tiền phạt cao nhất đã chọn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,1 đến dưới 1,5 lần. Do đó, phạt tăng thêm 10% đối với 01 chỉ tiêu: Colifom (MPN/100ml) vượt **1,3** lần **(3.900/3.000)** so quy chuẩn cho phép.

Áp dụng mức phạt tiền: **10% x 80.000.000 = 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng)**.

+ Phạt tăng thêm 30% của mức tiền phạt cao nhất đã chọn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 03 đến dưới 05 lần. Do đó, phạt tăng thêm 30% đối với 02 chỉ tiêu: Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (mg/L) vượt **3,13** lần **(113/36)** và Hàm lượng Photpho tổng (Tổng Photpho) (mg/L) vượt **4,58** lần **(13,2/2,88)** so với quy chuẩn cho phép.

Áp dụng mức phạt tiền: **30% x 80.000.000 x 2 = 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng)**.

+ Phạt tăng thêm 40% của mức tiền phạt cao nhất đã chọn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 05 đến dưới 10 lần. Do đó, phạt tăng thêm 40% đối với 03 chỉ tiêu:

Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD_5) ($mg/O_2/L$) vượt **5,55** lần **(120/21,6)**; Nhu cầu oxy hóa học (COD) ($mg/O_2/L$) vượt **5,12** lần **(277/54)** và Hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ) (mg/L) vượt **5,07** lần **(73,1/14,4)** so với quy chuẩn cho phép.

Áp dụng mức phạt tiền: **40% x 80.000.000 x 3 = 96.000.000 đồng (Chín mươi sáu triệu đồng)**.

Hành vi 4: Đối với nước thải tại hố gas đang chảy tràn xuống hệ thống thoát nước mưa của công ty trước khi thải ra môi trường tự nhiên.

Xả nước thải **vượt 20,41 lần** quy chuẩn kỹ thuật về chất thải vào môi trường (chỉ tiêu Hàm lượng NH4+ (mg/L) **(73,5,1/3,6)**) với thải lượng nước thải nhỏ từ 05 m^3/ngày (24 giờ) đến dưới 10 m^3/ngày (24 giờ), đã vi phạm vào điểm b, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực bảo vệ môi trường. Mức phạt tiền từ **100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng**. Áp dụng mức phạt tiền **150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).**

Theo quy định tại khoản 7 Điều 13 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ) như sau:

+ Phạt tăng thêm 20% của mức tiền phạt cao nhất đã chọn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,5 đến dưới 03 lần. Do đó, phạt tăng thêm 20% đối với 02 chỉ tiêu: Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (mg/L) vượt **1,58** lần **(57/36)** và Hàm lượng Photpho tổng (Tổng Photpho) (mg/L) vượt **1,63** lần **(4,7/2,88)** so quy chuẩn cho phép.

Áp dụng mức phạt tiền: **20% x 150.000.000 x 2 = 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng)**.

+ Phạt tăng thêm 30% của mức tiền phạt cao nhất đã chọn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 03 đến dưới 05 lần. Do đó, phạt tăng thêm 30% đối với 02 chỉ tiêu: Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD_5) ($mg/O_2/L$) vượt **4,86** lần **(105/21,6)** và Nhu cầu oxy hóa học (COD) ($mg/O_2/L$) vượt **4,48** lần **(242/54)** so với quy chuẩn cho phép.

Áp dụng mức phạt tiền: **30% x 150.000.000 x 2 = 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng)**.

+ Phạt tăng thêm 40% của mức tiền phạt cao nhất đã chọn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 05 đến dưới 10 lần. Do đó, phạt tăng thêm 40% đối với 01 chỉ tiêu: Hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ) (mg/L) vượt **5,93** lần **(85,4/14,4)** so với quy chuẩn cho phép.

Áp dụng mức phạt tiền: **40% x 150.000.000 = 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng)**.

Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền. Mức phạt tiền của 04 hành vi là **350.000.000 đồng + 150.000.000 đồng + 232.000.000 đồng + 360.000.000 đồng = 1.092.000.000 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi hai triệu đồng).**

Hình thức phạt bổ sung: Không.

Biện pháp khắc phục hậu quả:

Căn cứ điểm c khoản 9 Điều 13 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ), buộc Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường đối với vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường với số tiền là **5.829.718 đồng (Năm triệu tám trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm mười tám đồng)**, theo báo giá ngày 06/01/2021 của Trung tâm Quan trắc - Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

Riêng về hành vi sau: Không lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường (gỗ thừa) theo quy định (để ngoài trời, không mái che đậy) đã vi phạm vào khoản 5 Điều 20, Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ, không thuộc thẩm quyền xử phạt của lực lượng Công an nhân dân theo điểm h khoản 1 Điều 52 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ), do đó sẽ đề xuất, chuyển hồ sơ qua Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Bàu Bàng để xử lý theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 3 Điều 48 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, mức phạt thuộc thẩm quyền ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của UBND tỉnh Bình Dương.

Trên đây là Kết luận kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing, Trưởng Công an huyện giao Đoàn kiểm tra có trách nhiệm công bố kết luận, lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và tham mưu UBND huyện Bàu Bàng xem xét, trình UBND tỉnh Bình Dương ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing theo đúng quy định./.

Nơi nhận:
- PC05-CAT;
- Công ty TNHH Amedan Furniture Manufacturing;
- Lưu: Đội CSKT-MT.

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ cấp bậc, chức vụ, họ và tên)

PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN

Thượng tá Vũ Đình Phú

PHỤ LỤC 2

MSDS HÓA CHẤT SỬ DỤNG

PHỤ LỤC 3

CÁC KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 393-06/22-2.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 22 tháng 06 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING

2/ Địa chỉ : Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 15/06/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm^3
2	n-Butyl axetat*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm^3
3	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m^3/h
4	Xylen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm^3

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu / Nguồn thải	Lưu lượng P (m^3/h)	Bụi (mg/Nm^3)	n-Butyl axetat (mg/Nm^3)	Xylen (mg/Nm^3)
Khí thải sau hệ thống xử lý bụi (Đo tại nguồn thải)	8.548	56	-	-
Khí thải sau hệ thống xử lý sơn + dung môi (Đo tại nguồn thải)	4.482	-	63,6	42,7
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	Cmax = C x Kp x Kv với Kp =1 và Kv = 1	**200**	**-**	**-**
QCVN 20 : 2009/BTNMT	-	**-**	**950**	**870**

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 393-06/22-2.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 22 tháng 06 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING

2/ Địa chỉ : Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 15/06/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải tại hố ga sau HTXL

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(29,7^{0}C)	-	6,48	2 ÷12,5	**6 - 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	24	5,0	**50**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	31	2,0	**75**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	13	1,0	**30**	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	16,8	1,56	**20**	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	1,84	0,017	**4**	TCVN 6202: 2008
7	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	3,68	0,011	**5**	TCVN 6179-1:1996
8	Độ màu (tính theo Pt-Co)*	mg/L	16,4	1,5	**50**	SMEWW 2120.C:2017
9	Coliform*	MPN/ 100mL	2.100	2	**3.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 194-03/22-2.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING

2/ Địa chỉ : Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu: 28/03/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm^3
2	n-Butyl axetat*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm^3
3	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m^3/h
4	Xylen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm^3

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu Nguồn thải	Lưu lượng P (m^3/h)	Bụi (mg/Nm^3)	n-Butyl axetat (mg/Nm^3)	Xylen (mg/Nm^3)
Khí thải sau hệ thống xử lý bụi (Đo tại nguồn thải)	48.833	55	-	-
Khí thải sau hệ thống xử lý sơn + dung môi (Đo tại nguồn thải)	56.972	-	55,3	43,7
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	Cmax = C x Kp x Kv với Kp =1 và Kv = 1	**200**	-	-
QCVN 20 : 2009/BTNMT	-	-	**950**	**870**

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 194-03/22-2.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING

2/ Địa chỉ : Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu: 28/03/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải sau HTXL

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,3^{0}C)	-	6,45	2 ÷12,5	**6 - 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	42	5,0	**50**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	54	2,0	**75**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	25	1,0	**30**	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	10,6	1,56	**20**	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,86	0,017	**4**	TCVN 6202: 2008
7	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	2,42	0,011	**5**	TCVN 6179-1:1996
8	Độ màu (tính theo Pt-Co)*	mg/L	19,5	1,5	**50**	SMEWW 2120.C:2017
9	Coliform*	MPN/ 100mL	1.700	2	**3.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444

Số : 252-03/21-3.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING

2/ Địa chỉ : Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 24/03/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sau HTXL

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,9^{0}C)	-	6,25	2 ÷12,5	**6 - 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	31	5,0	**50**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	46	2,0	**75**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	20	1,0	**30**	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	12,8	1,56	**20**	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,92	0,017	**4**	TCVN 6202: 2008
7	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	2,25	0,011	**5**	TCVN 6179-1:1996
8	Coliform*	MPN/ 100mL	2.600	2	**3.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 393-06/22-2.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 22 tháng 06 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING

2/ Địa chỉ : Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 15/06/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải tại hố ga sau HTXL

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(29,7^{0}C)	-	6,48	2 ÷12,5	**6 - 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	24	5,0	**50**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	31	2,0	**75**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	13	1,0	**30**	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	16,8	1,56	**20**	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	1,84	0,017	**4**	TCVN 6202: 2008
7	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	3,68	0,011	**5**	TCVN 6179-1:1996
8	Độ màu (tính theo Pt-Co)*	mg/L	16,4	1,5	**50**	SMEWW 2120.C:2017
9	Coliform*	MPN/ 100mL	2.100	2	**3.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
QUẬN 10 - T.P HỒ CHÍ MINH

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 694-10/21-2.7 / KQPT

Tp.HCM, ngày 13 tháng 10 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING

2/ Địa chỉ : Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 06/10/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sau HTXL

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,2^{0}C)	-	6,31	2 ÷12,5	**6 - 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	28	5,0	**50**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	52	2,0	**75**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	23	1,0	**30**	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	11,5	1,56	**20**	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,83	0,017	**4**	TCVN 6202: 2008
7	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	1,95	0,011	**5**	TCVN 6179-1:1996
8	Coliform*	MPN/ 100mL	2.700	2	**3.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 840-12/21-2.46 / KQPT

Tp.HCM, ngày 11 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH AMEDAN FURNITURE MANUFACTURING

2/ Địa chỉ : Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 04/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sau HTXL

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,9^{0}C)	-	6,42	2 ÷12,5	**6 - 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	38	5,0	**50**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	65	2,0	**75**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	28	1,0	**30**	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	10,4	1,56	**20**	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,97	0,017	**4**	TCVN 6202: 2008
7	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	1,83	0,011	**5**	TCVN 6179-1:1996
8	Độ màu (tính theo Pt-Co)*	mg/L	20,2	1,5	**50**	SMEWW 2120.C:2017
9	Coliform*	MPN/ 100mL	2.700	2	**3.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

PHỤ LỤC 4

CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN

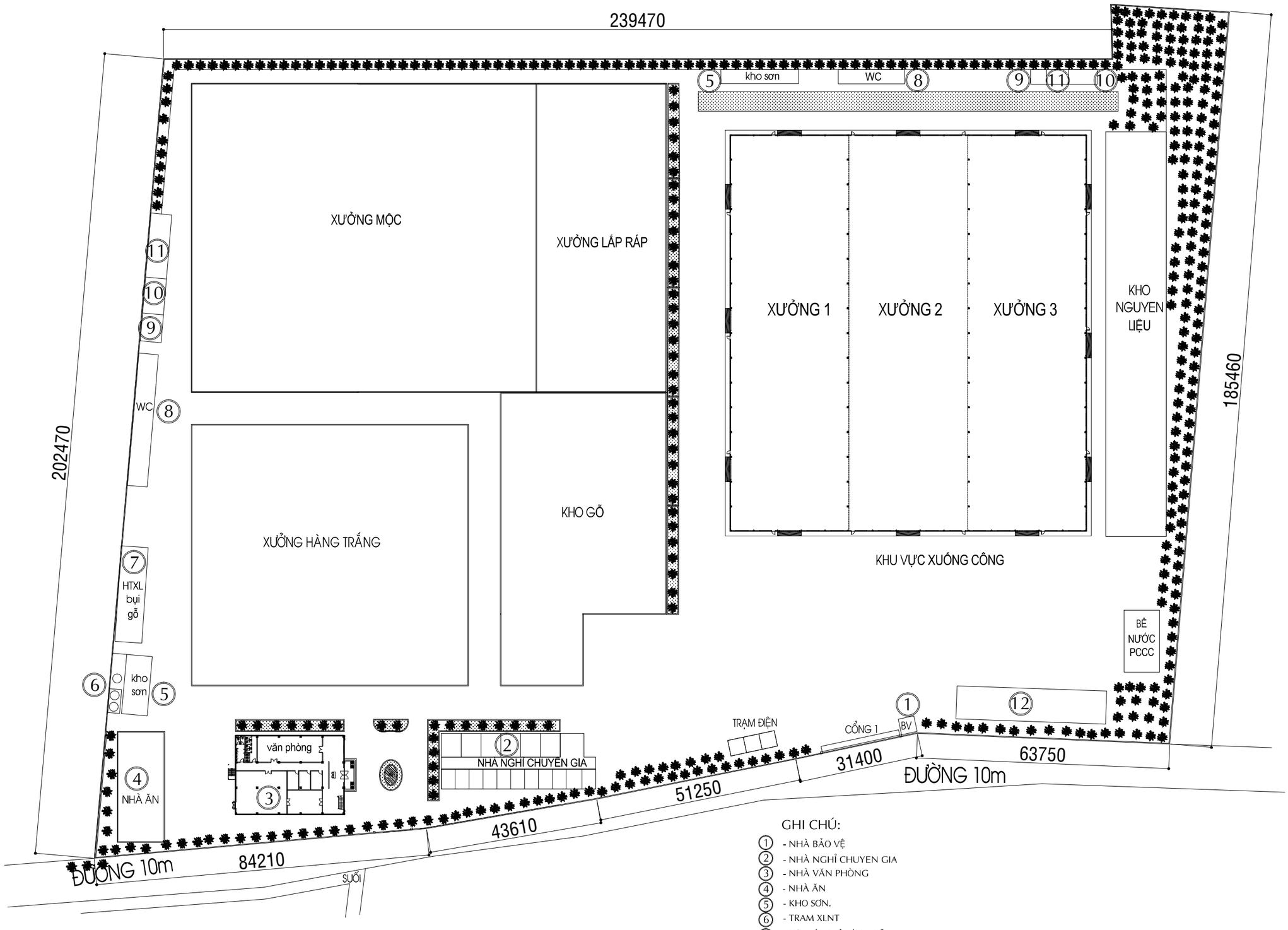

MẶT BẰNG TỔNG THỂ TL : 1/100

GHI CHÚ:

1. - NHÀ BẢO VỆ
2. - NHÀ NGHỈ CHUYEN GIA
3. - NHÀ VĂN PHÒNG
4. - NHÀ ĂN
5. - KHO SƠN.
6. - TRAM XLNT
7. - HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI GỖ
8. - KHU NHÀ VỆ SINH
9. - NHÀ CHỨA CTRSH
10. - NHÀ CHỨA CTRCN
11. - NHÀ CHỨA CTNH
11. - NHÀ XE

HANG MỤC :

ĐỊA ĐIỂM : XÃ TRỪ VĂN THỐ, HUYỆN BÀU BÀNG, T. BÌNH DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

CONG TY TNHH AMEDAN FUNITURE MANUFACTURING

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐỨC HẬU

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MTV THIẾT KẾ XÂY DỰNG

THIÊN AN HƯNG

385/85/21, Tổ 7, Khu phố 8, Đường Lê Hồng Phong, P, Phú Hòa, TP, Thủ Dầu Một, T, Bình Dương
Phone: 0976763909
Email: thienanhungbd@gmail.com

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH NGUYÊN

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ:

Kts. ĐẶNG TRẦN NHẤT HUY

VẼ:

NGUYỄN HỮU TÀI

TÊN BẢN VẼ:
DRAWING TITLE

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

GHI CHÚ CHUNG: - *GENERAL NOTES*

- KHI THI CÔNG CÁC ĐƠN VỊ THI CÔNG PHẢI PHỐI HỢP BẢN VẼ CỦA TẤT CẢ CÁC BỘ MÔN : KIẾN TRÚC , KẾT CẤU , ĐIỆN , NƯỚC , ĐIỆN LẠNH , BHKK, PCCC NẾU THẤY SỰ KHÁC BIỆT PHẢI CHO ĐƠN VỊ THIẾT KẾ BIẾT ĐỂ XỬ LÝ .
- KHÔNG ĐO TỈ LỆ TRÊN BẢN VẼ .
- CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI CÔNG TRƯỜNG, NẾU KHÁC BIỆT SO VỚI BẢN VẼ THÌ PHẢI BÁO CHO ĐƠN VỊ THIẾT KẾ.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH: - *KIND OF DESIGN*

BÁO GIÁ - TENDER	☐	THI CÔNG - CONSTRUCTION	☐
SƠ BỘ - PRELIMINARY	☐	PHÊ DUYỆT - APPROVED	☐
XIN PHÉP - PERMISSION	☐	HOÀN CÔNG - COMPLETION	☐

KÍ HIỆU BẢN VẼ - *DRAWING NO.*

KT:01/02

TỈ LỆ - *SCALE*			THỜI GIAN PHÁT HÀNH - *FINISH*
1/100	☐	1/50	☐
1/200	☐	1/20	☐

HIỆU CHỈNH:
CORRECTION

CHÚ THÍCH *LEGEND*	NGÀY *DATE*
1.	
2.	
3.	

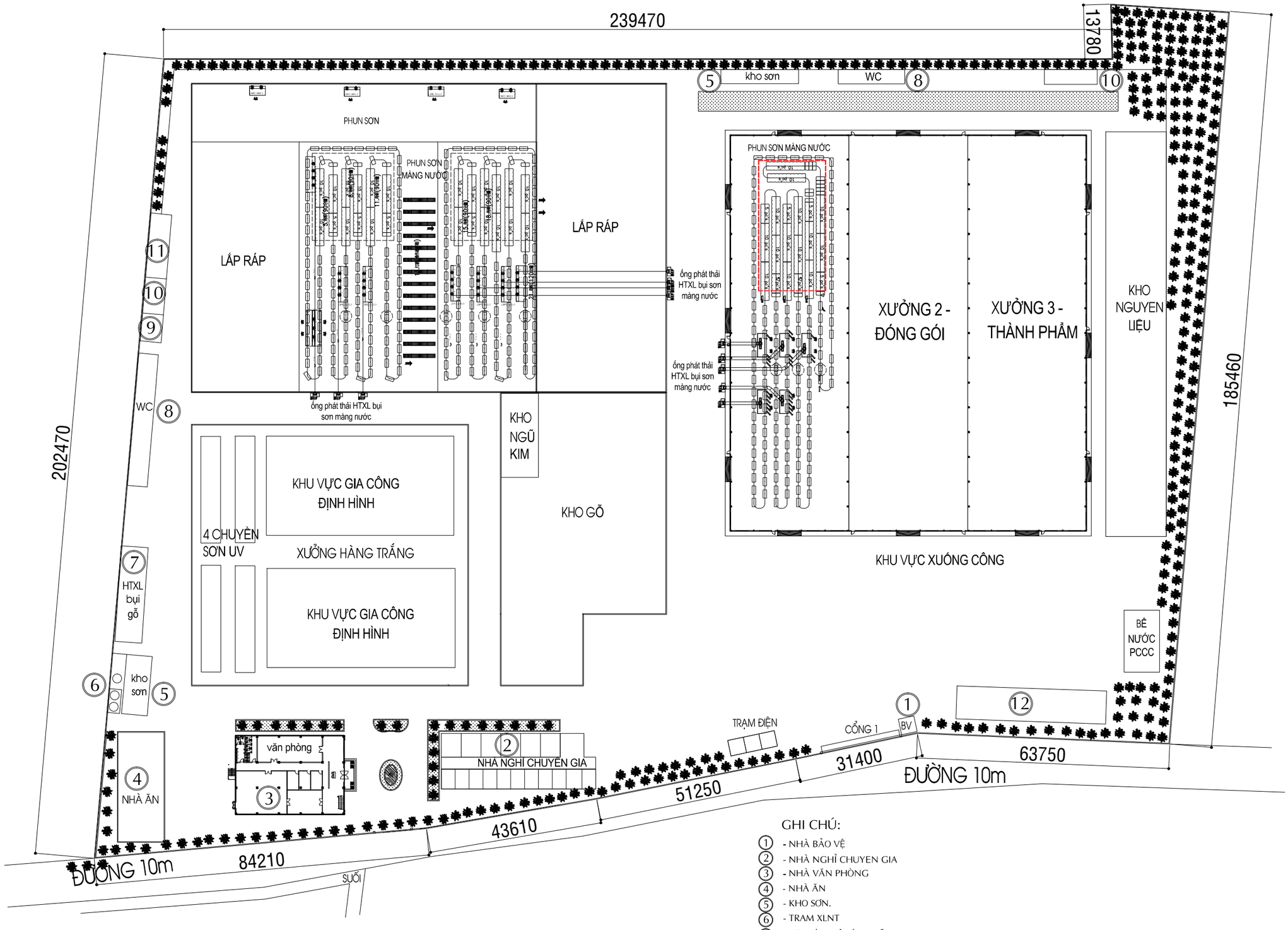

GHI CHÚ:

1. - NHÀ BẢO VỆ
2. - NHÀ NGHỈ CHUYEN GIA
3. - NHÀ VĂN PHÒNG
4. - NHÀ ĂN
5. - KHO SƠN.
6. - TRẠM XLNT
7. - HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI GỖ
8. - KHU NHÀ VỆ SINH
9. - NHÀ CHỨA CTRSH
10. - NHÀ CHỨA CTRCN
11. - NHÀ CHỨA CTNH
11. - NHÀ XE

MẶT BẰNG BỐ TRÍ SẢN XUẤT TL : 1/100

HẠNG MỤC :

ĐỊA ĐIỂM : XÃ TRỪ VĂN THỐ, HUYỆN BÀU BÀNG, T. BÌNH DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

CONG TY TNHH AMEDAN FUNITURE MANUFACTURING

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐỨC HẬU

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MTV THIẾT KẾ XÂY DỰNG

THIÊN AN HƯNG

385/85/21, Tổ 7, Khu phố 8, Đường Lê Hồng Phong, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Phone: 0976763909
Email: thienanhungbd@gmail.com

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH NGUYÊN

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ:

Kts. ĐẶNG TRẦN NHẤT HUY

VẼ:

NGUYỄN HỮU TÀI

TÊN BẢN VẼ:
DRAWING TITLE

MẶT BẰNG BỐ TRÍ SẢN XUẤT

GHI CHÚ CHUNG: - *GENERAL NOTES*

- KHI THI CÔNG CÁC ĐƠN VỊ THI CÔNG PHẢI PHỐI HỢP BẢN VẼ CỦA TẤT CẢ CÁC BỘ MÔN : KIẾN TRÚC , KẾT CẤU , ĐIỆN , NƯỚC , ĐIỆN LẠNH , BHKK, PCCC NẾU THẤY SỰ KHÁC BIỆT PHẢI CHO ĐƠN VỊ THIẾT KẾ BIẾT ĐỂ XỬ LÝ .
- KHÔNG ĐO TỈ LỆ TRÊN BẢN VẼ .
- CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI CÔNG TRƯỜNG. NẾU KHÁC BIỆT SO VỚI BẢN VẼ THÌ PHẢI BÁO CHO ĐƠN VỊ THIẾT KẾ.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH: - *KIND OF DESIGN*

BÁO GIÁ - TENDER	☐	THI CÔNG - CONSTRUCTION	☐
SƠ BỘ - PRELIMINARY	☐	PHÊ DUYỆT - APPROVED	☐
XIN PHÉP - PERMISSION	☐	HOÀN CÔNG - COMPLETION	☐

KÍ HIỆU BẢN VẼ - *DRAWING NO.*

KT:01/02

TỈ LỆ - *SCALE*		THỜI GIAN PHÁT HÀNH - *FINISH*
1/100 ☐	1/50 ☐	
1/200 ☐	1/20 ☐	

HIỆU CHỈNH:
CORRECTION

CHÚ THÍCH *LEGEND*	NGÀY *DATE*
1.	
2.	
3.	

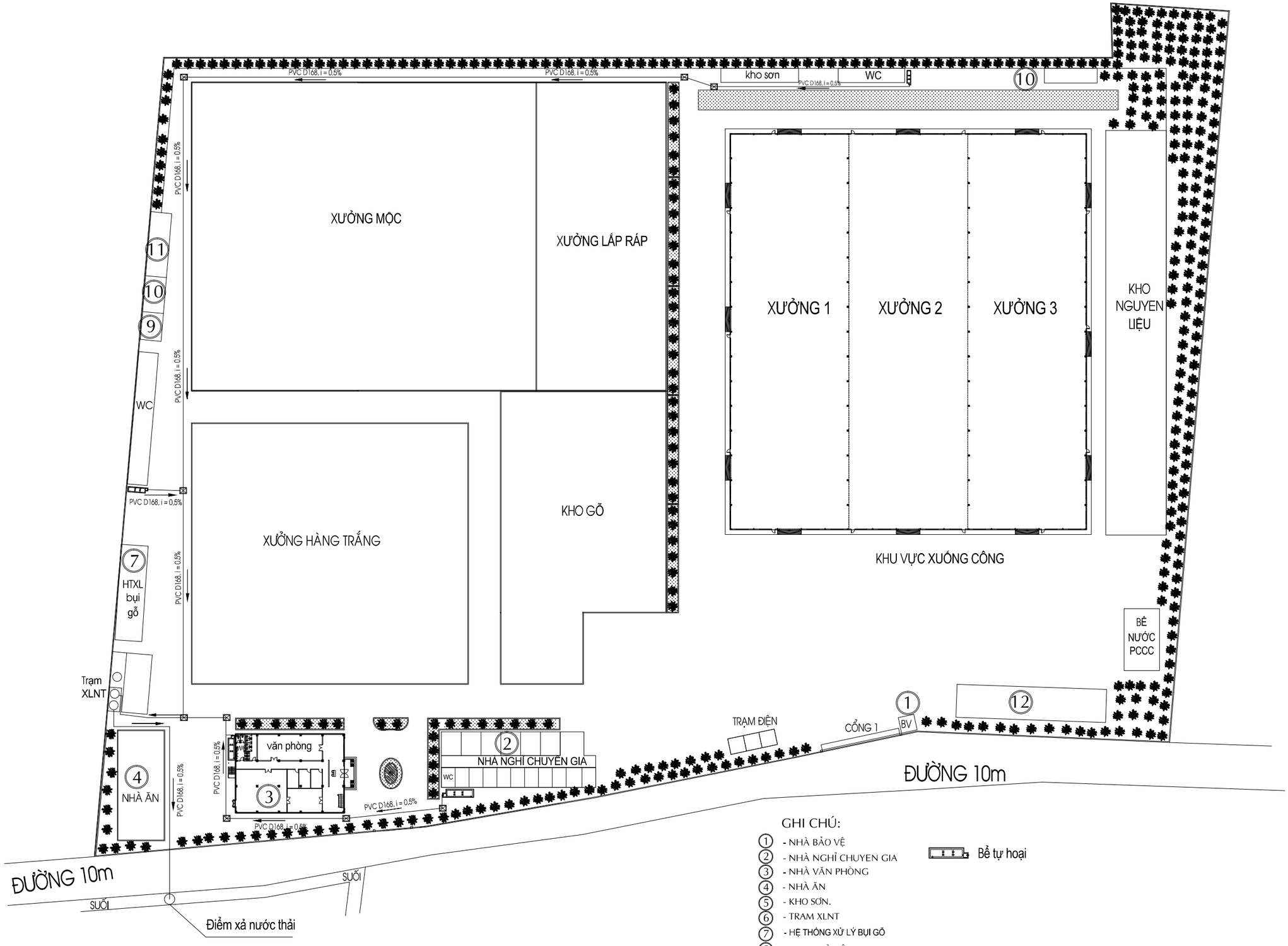

GHI CHÚ:

1. - NHÀ BẢO VỆ
2. - NHÀ NGHỈ CHUYEN GIA
3. - NHÀ VĂN PHÒNG
4. - NHÀ ĂN
5. - KHO SƠN.
6. - TRAM XLNT
7. - HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI GỖ
8. - KHU NHÀ VỆ SINH
9. - NHÀ CHỨA CTRSH
10. - NHÀ CHỨA CTRCN
11. - NHÀ CHỨA CTNH
11. - NHÀ XE

Bể tự hoại

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC :

ĐỊA ĐIỂM : XÃ TRỪ VĂN THỐ, HUYỆN BÀU BÀNG, T. BÌNH DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

CONG TY TNHH AMEDAN FUNITURE MANUFACTURING

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐỨC HẬU

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MTV THIẾT KẾ XÂY DỰNG

THIÊN AN HƯNG

385/85/21, Tổ 7, Khu phố 8, Đường Lê Hồng Phong, P, Phú Hòa, TP, Thủ Dầu Một, T, Bình Dương

Phone: 0976763909

Email: thienanhungbd@gmail.com

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH NGUYÊN

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ:

Kts. ĐẶNG TRẦN NHẤT HUY

VẼ:

NGUYỄN HỮU TÀI

TÊN BẢN VẼ:
DRAWING TITLE

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

GHI CHÚ CHUNG: - *GENERAL NOTES*

- KHI THI CÔNG CÁC ĐƠN VỊ THI CÔNG PHẢI PHỐI HỢP BẢN VẼ CỦA TẤT CẢ CÁC BỘ MÔN : KIẾN TRÚC , KẾT CẤU , ĐIỆN , NƯỚC , ĐIỆN LẠNH , BHKK, PCCC NẾU THẤY SỰ KHÁC BIỆT PHẢI CHO ĐƠN VỊ THIẾT KẾ BIẾT ĐỂ XỬ LÝ .
- KHÔNG ĐO TỈ LỆ TRÊN BẢN VẼ .
- CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI CÔNG TRƯỜNG, NẾU KHÁC BIỆT SO VỚI BẢN VẼ THÌ PHẢI BÁO CHO ĐƠN VỊ THIẾT KẾ.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH: - *KIND OF DESIGN*

BÁO GIÁ - TENDER	☐	THI CÔNG - CONSTRUCTION	☐
SƠ BỘ - PRELIMINARY	☐	PHÊ DUYỆT - APPROVED	☐
XIN PHÉP - PERMISSION	☐	HOÀN CÔNG - COMPLETION	☐

KÍ HIỆU BẢN VẼ - *DRAWING NO.*

KT:01/02

TỈ LỆ - *SCALE*				THỜI GIAN PHÁT HÀNH - *FINISH*
1/100	☐	1/50	☐	
1/200	☐	1/20	☐	

HIỆU CHỈNH:
CORRECTION

CHÚ THÍCH *LEGEND*	NGÀY *DATE*
1.	
2.	
3.	

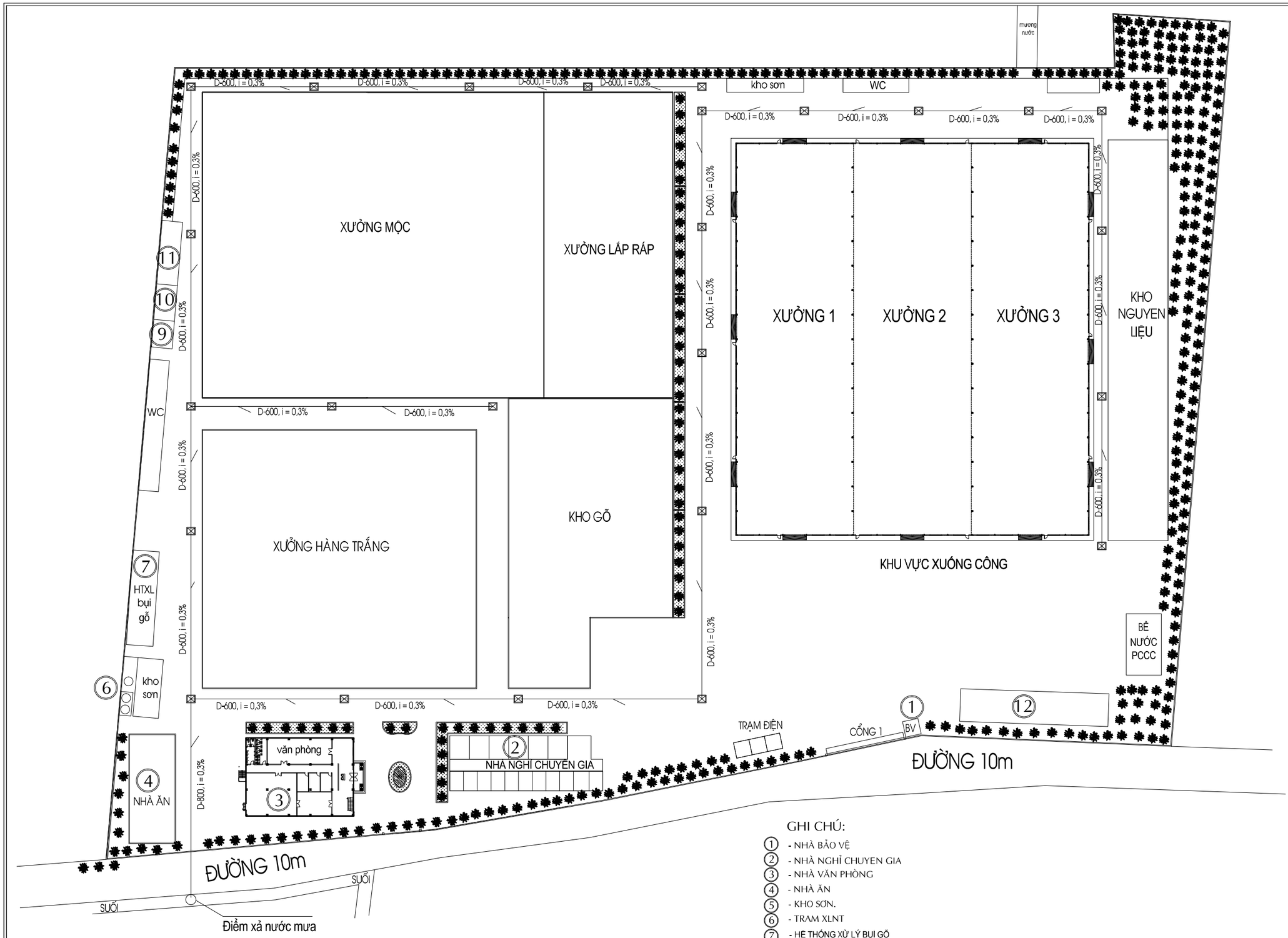

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

GHI CHÚ:

1. - NHÀ BẢO VỆ
2. - NHÀ NGHỈ CHUYEN GIA
3. - NHÀ VĂN PHÒNG
4. - NHÀ ĂN
5. - KHO SƠN.
6. - TRAM XLNT
7. - HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI GỖ
8. - KHU NHÀ VỆ SINH
9. - NHÀ CHỨA CTRSH
10. - NHÀ CHỨA CTRCN
11. - NHÀ CHỨA CTNH
11. - NHÀ XE

HẠNG MỤC :

ĐỊA ĐIỂM : XÃ TRỪ VĂN THỐ, HUYỆN BÀU BÀNG, T. BÌNH DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

CONG TY TNHH AMEDAN FUNITURE MANUFACTURING

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐỨC HẬU

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MTV THIẾT KẾ XÂY DỰNG

THIÊN AN HƯNG

385/85/21, Tổ 7, Khu phố 8, Đường Lê Hồng Phong, P, Phú Hòa, TP, Thủ Dầu Một, T, Bình Dương
Phone: 0976763909
Email: thienanhungbd@gmail.com

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH NGUYÊN

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ:

Kts. ĐẶNG TRẦN NHẤT HUY

VẼ:

NGUYỄN HỮU TÀI

TÊN BẢN VẼ: *DRAWING TITLE*

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

GHI CHÚ CHUNG: - *GENERAL NOTES*

- KHI THI CÔNG CÁC ĐƠN VỊ THI CÔNG PHẢI PHỐI HỢP BẢN VẼ CỦA TẤT CẢ CÁC BỘ MÔN : KIẾN TRÚC , KẾT CẤU , ĐIỆN , NƯỚC , ĐIỆN LẠNH , BHKK, PCCC NẾU THẤY SỰ KHÁC BIỆT PHẢI CHO ĐƠN VỊ THIẾT KẾ BIẾT ĐỂ XỬ LÝ .
- KHÔNG ĐO TỈ LỆ TRÊN BẢN VẼ .
- CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI CÔNG TRƯỜNG, NẾU KHÁC BIỆT SO VỚI BẢN VẼ THÌ PHẢI BÁO CHO ĐƠN VỊ THIẾT KẾ.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH: - *KIND OF DESIGN*

BÁO GIÁ - TENDER	☐	THI CÔNG - CONSTRUCTION	☐
SƠ BỘ - PRELIMINARY	☐	PHÊ DUYỆT - APPROVED	☐
XIN PHÉP - PERMISSION	☐	HOÀN CÔNG - COMPLETION	☐

KÍ HIỆU BẢN VẼ - *DRAWING NO.*

KT:01/02

TỈ LỆ - *SCALE*		THỜI GIAN PHÁT HÀNH - *FINISH*
1/100 ☐	1/50 ☐	
1/200 ☐	1/20 ☐	

HIỆU CHỈNH: *CORRECTION*

CHÚ THÍCH *LEGEND*	NGÀY *DATE*
1.	
2.	
3.	

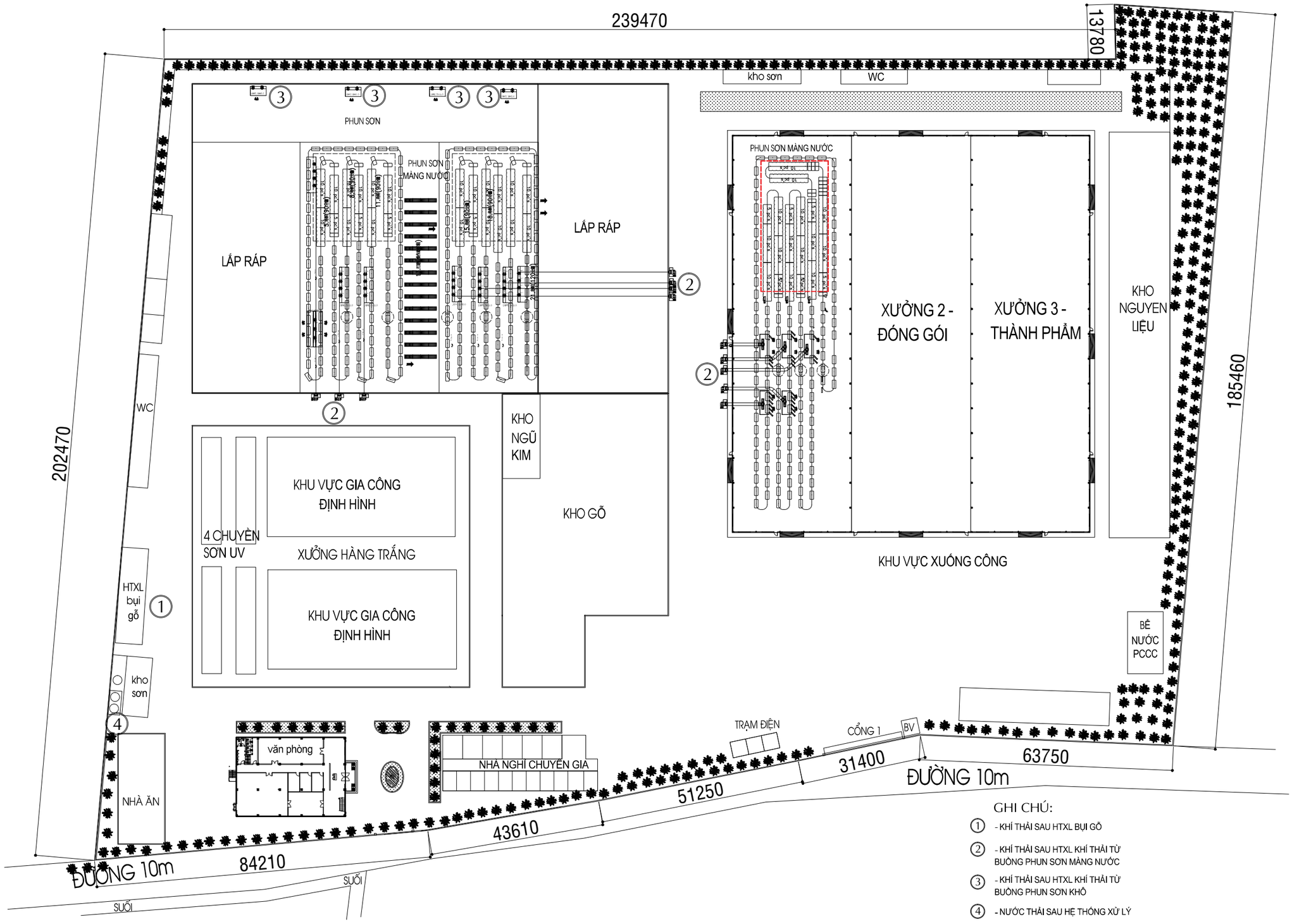

GHI CHÚ:

① - KHÍ THẢI SAU HTXL BỤI GỖ

② - KHÍ THẢI SAU HTXL KHÍ THẢI TỪ BUỒNG PHUN SƠN MÀNG NƯỚC

③ - KHÍ THẢI SAU HTXL KHÍ THẢI TỪ BUỒNG PHUN SƠN KHÔ

④ - NƯỚC THẢI SAU HỆ THỐNG XỬ LÝ

SƠ ĐỒ LẤY MẪU QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TL : 1/100

HẠNG MỤC :

ĐỊA ĐIỂM : XÃ TRỪ VĂN THỐ, HUYỆN BÀU BÀNG, T. BÌNH DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

CONG TY TNHH AMEDAN FUNITURE MANUFACTURING

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐỨC HẬU

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MTV THIẾT KẾ XÂY DỰNG

THIÊN AN HƯNG

385/85/21, Tổ 7, Khu phố 8, Đường Lê Hồng Phong, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Phone: 0976763909
Email: thienanhungbd@gmail.com

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH NGUYÊN

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ:

Kts. ĐẶNG TRẦN NHẤT HUY

VẼ:

NGUYỄN HỮU TÀI

TÊN BẢN VẼ:
DRAWING TITLE

SƠ ĐỒ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

GHI CHÚ CHUNG: - *GENERAL NOTES*

- KHI THI CÔNG CÁC ĐƠN VỊ THI CÔNG PHẢI PHỐI HỢP BẢN VẼ CỦA TẤT CẢ CÁC BỘ MÔN : KIẾN TRÚC , KẾT CẤU , ĐIỆN , NƯỚC , ĐIỆN LẠNH , BHKK, PCCC NẾU THẤY SỰ KHÁC BIỆT PHẢI CHO ĐƠN VỊ THIẾT KẾ BIẾT ĐỂ XỬ LÝ .
- KHÔNG ĐO TỈ LỆ TRÊN BẢN VẼ .
- CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI CÔNG TRƯỜNG, NẾU KHÁC BIỆT SO VỚI BẢN VẼ THÌ PHẢI BÁO CHO ĐƠN VỊ THIẾT KẾ.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH: - *KIND OF DESIGN*

BÁO GIÁ - TENDER	☐	THI CÔNG - CONSTRUCTION	☐
SƠ BỘ - PRELIMINARY	☐	PHÊ DUYỆT - APPROVED	☐
XIN PHÉP - PERMISSION	☐	HOÀN CÔNG - COMPLETION	☐

KÍ HIỆU BẢN VẼ - *DRAWING NO.*

KT:01/02

TỈ LỆ - *SCALE*	THỜI GIAN PHÁT HÀNH - *FINISH*
1/100 ☐ 1/50 ☐ 1/200 ☐ 1/20 ☐	

HIỆU CHỈNH:
CORRECTION

CHÚ THÍCH *LEGEND*	NGÀY *DATE*
1.	
2.	
3.	

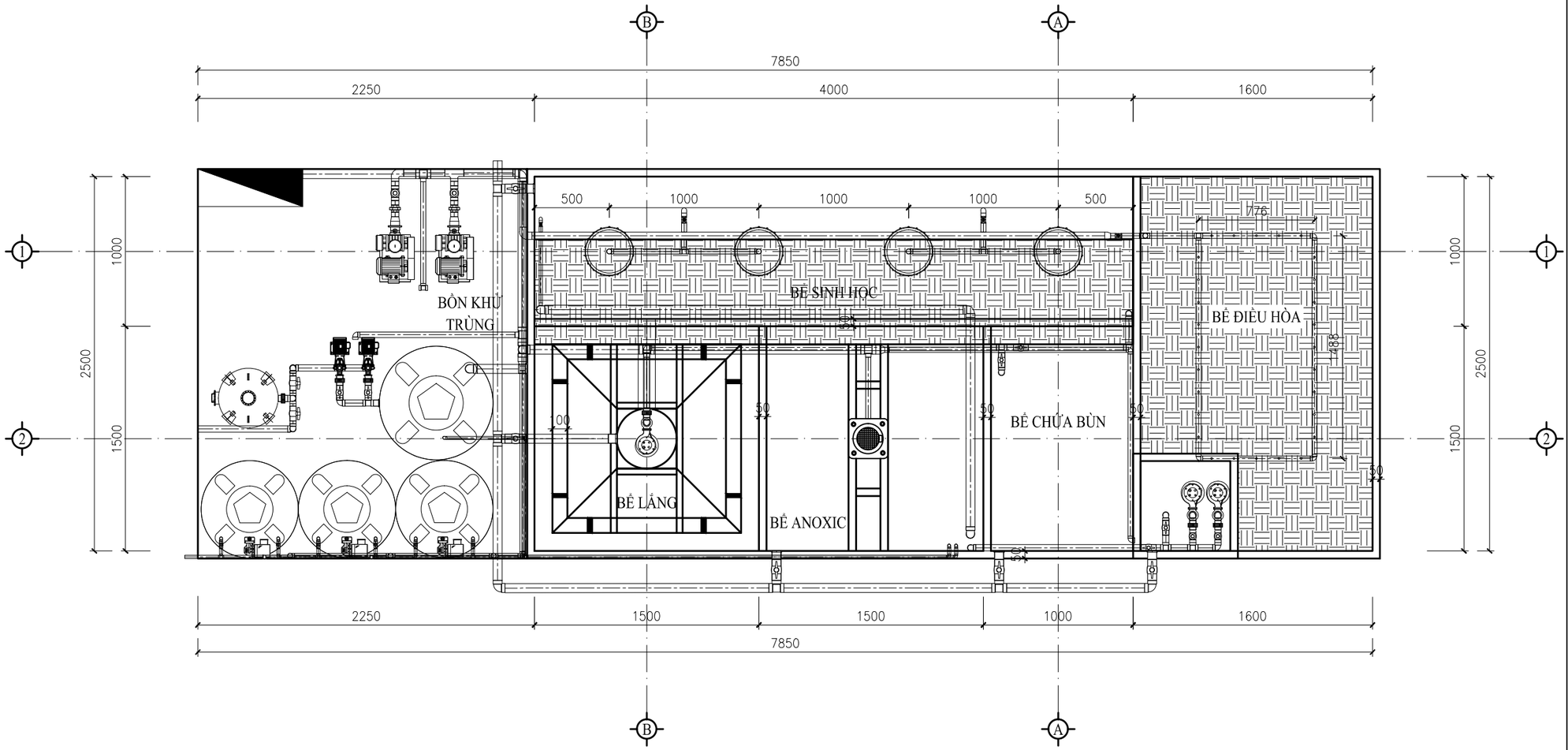

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

* ĐƠN VỊ GHI KÍCH THƯỚC LÀ MILIMET.
* ĐƠN VỊ GHI ĐỘ CAO LÀ MET.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

TV THIẾT KẾ	☐ CONCEPT DESIGN
TRINHG DUYỆT	☐ APPROVAL
THI CÔNG	☑ CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	☐ REVISION

GHI CHÚ / NOTE:

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

TƯ VẤN - CONSULTANT

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

THIẾT KẾ - DESIGNER

VẼ - DRAWING

CÔNG TRÌNH - PROJECT

HẠNG MỤC - ITEM

XỬ LÝ NƯỚC THẢI 20 M3

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

TỶ LỆ - SCALE	1 : 100
HIỆU CHỈNH BẢN VẼ DRAWING No	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	09/2019

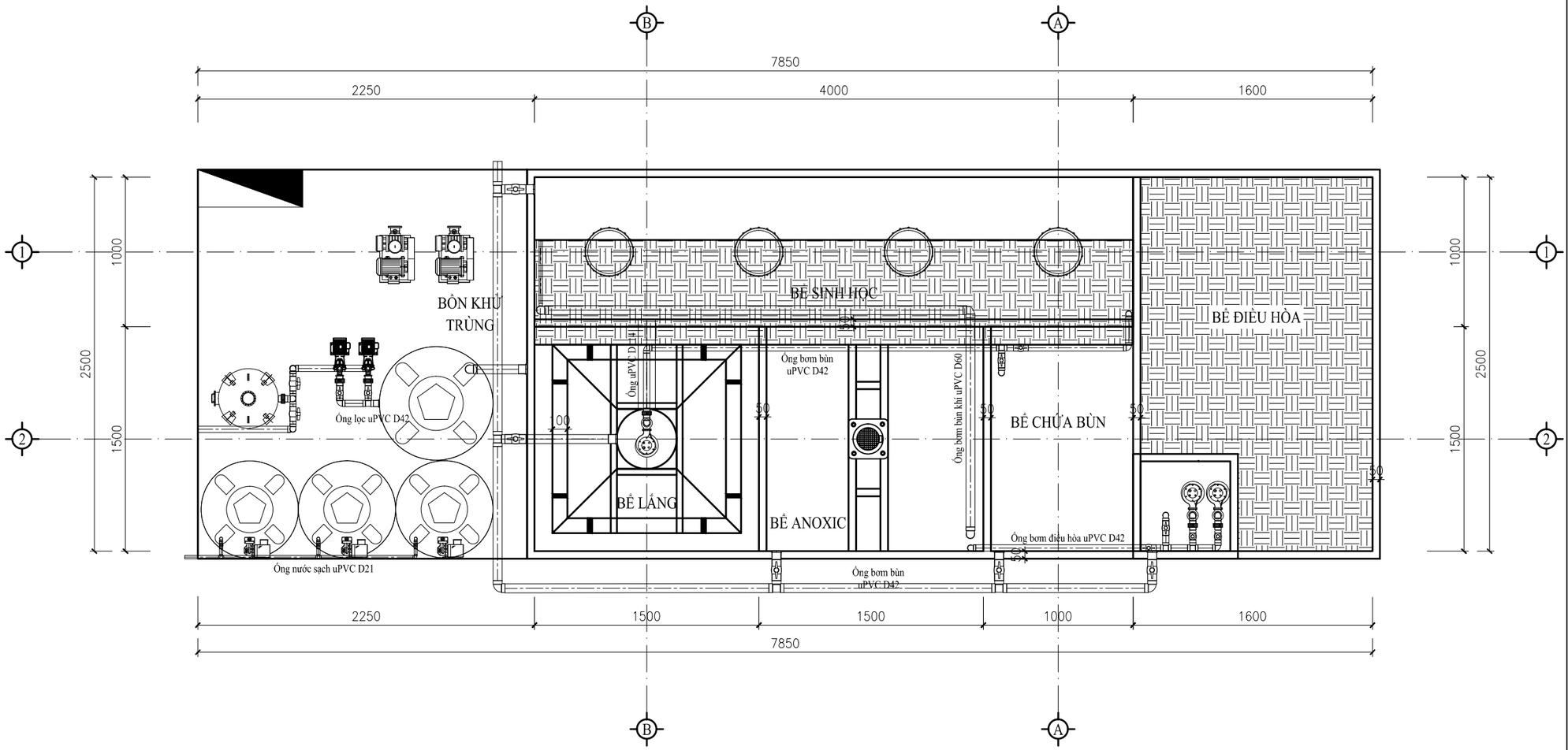

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG BƠM VÀ NƯỚC SẠCH

* ĐƠN VỊ GHI KÍCH THƯỚC LÀ MILIMET.
* ĐƠN VỊ GHI ĐỘ CAO LÀ MET.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

TV THIẾT KẾ	☐ CONCEPT DESIGN
TRINHG DUYỆT	☐ APPROVAL
THI CÔNG	☑ CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	☐ REVISION

GHI CHÚ / NOTE:

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

TƯ VẤN - CONSULTANT

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

THIẾT KẾ - DESIGNER

VẼ - DRAWING

CÔNG TRÌNH - PROJECT

HẠNG MỤC - ITEM

XỬ LÝ NƯỚC THẢI 20 M3

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

TỶ LỆ - SCALE	1 : 100
HIỆU CHỈNH BẢN VẼ DRAWING No	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	09/2019

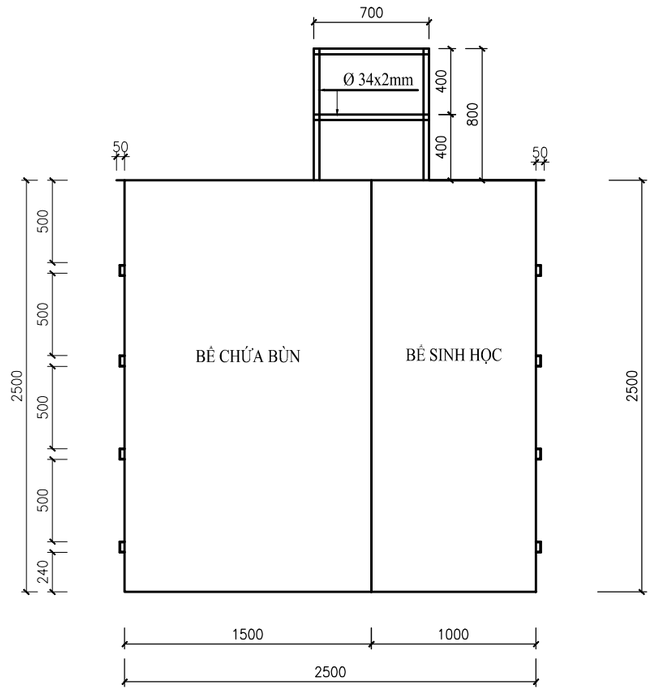

MẶT CẮT A - A

CHÚ THÍCH:

- THÀNH NGOÀI SẮT CT3 4 MM
- VÁCH TRONG SẮT CT3 3 MM
- ĐÁY SẮT CT3 5MM
- MÁNG THU NƯỚC SẮT CT3 2MM
- TẤT CẢ SƠN CHỐNG RỈ EPOXY VÀ SƠN MÀU XANH DA TRỜI (BẠCH TUYẾT)

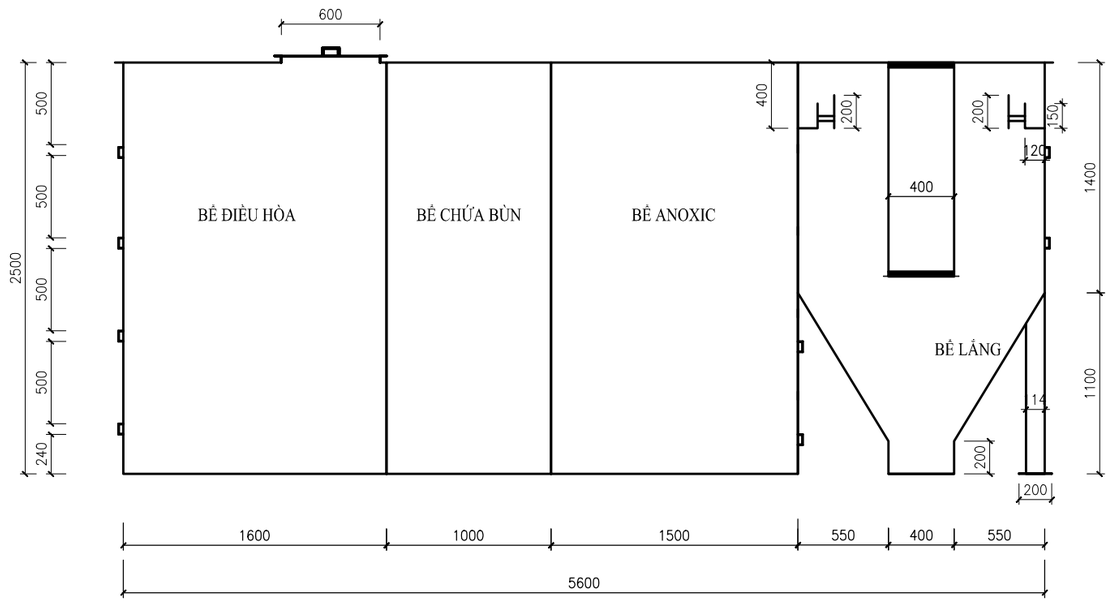

MẶT CẮT 2 - 2

* ĐƠN VỊ GHI KÍCH THƯỚC LÀ MILIMET.
* ĐƠN VỊ GHI ĐỘ CAO LÀ MET.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

TV THIẾT KẾ	☐ CONCEPT DESIGN
TRINHG DUYỆT	☐ APPROVAL
THI CÔNG	☑ CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	☐ REVISION

GHI CHÚ / NOTE:

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

TƯ VẤN - CONSULTANT

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

THIẾT KẾ - DESIGNER

VẼ - DRAWING

CÔNG TRÌNH - PROJECT

HẠNG MỤC - ITEM

XỬ LÝ NƯỚC THẢI 20 M3

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

TỶ LỆ - SCALE	1 : 100
HIỆU CHỈNH BẢN VẼ DRAWING No	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	09/2019

BẢN VẼ MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM BỤI

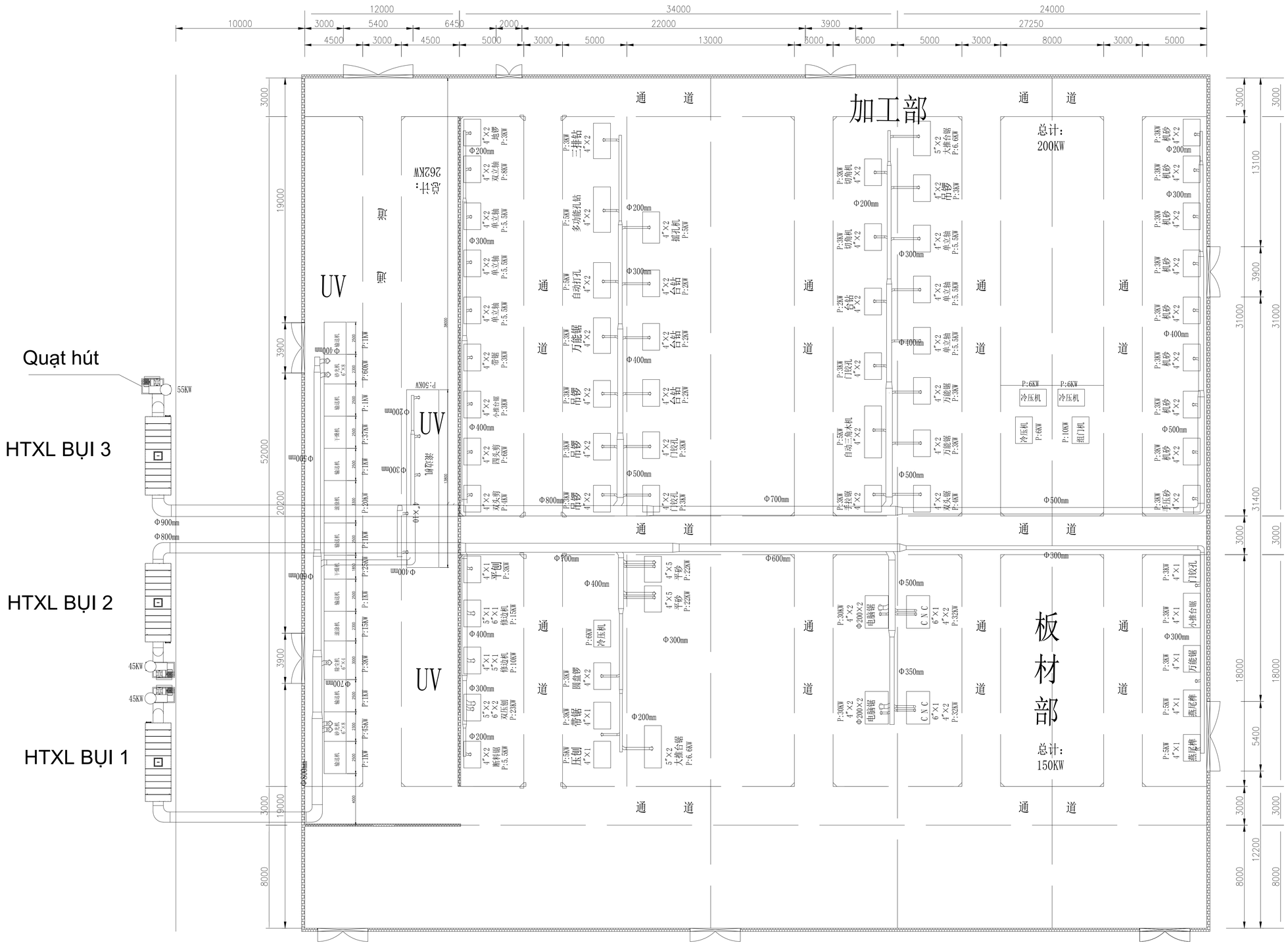

	CHỦ ĐẦU TƯ	GIÁM ĐỐC		TÊN BẢN VẼ	CHỦ TRÌ	THIẾT KẾ
	CÔNG TY TNHH AMEDAN FUNITURE MANUFACTURING			HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI		

BẢN VẼ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI

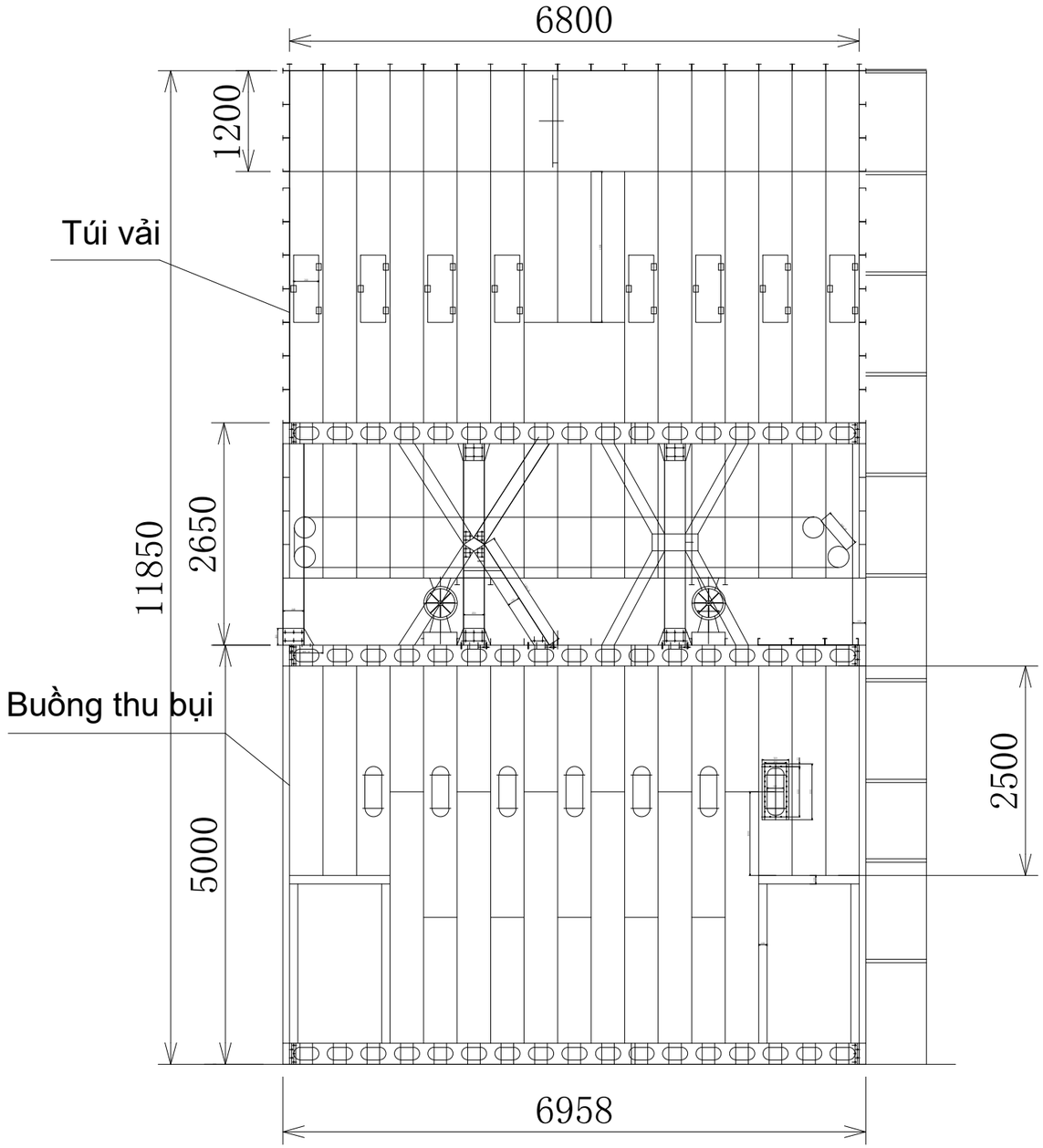

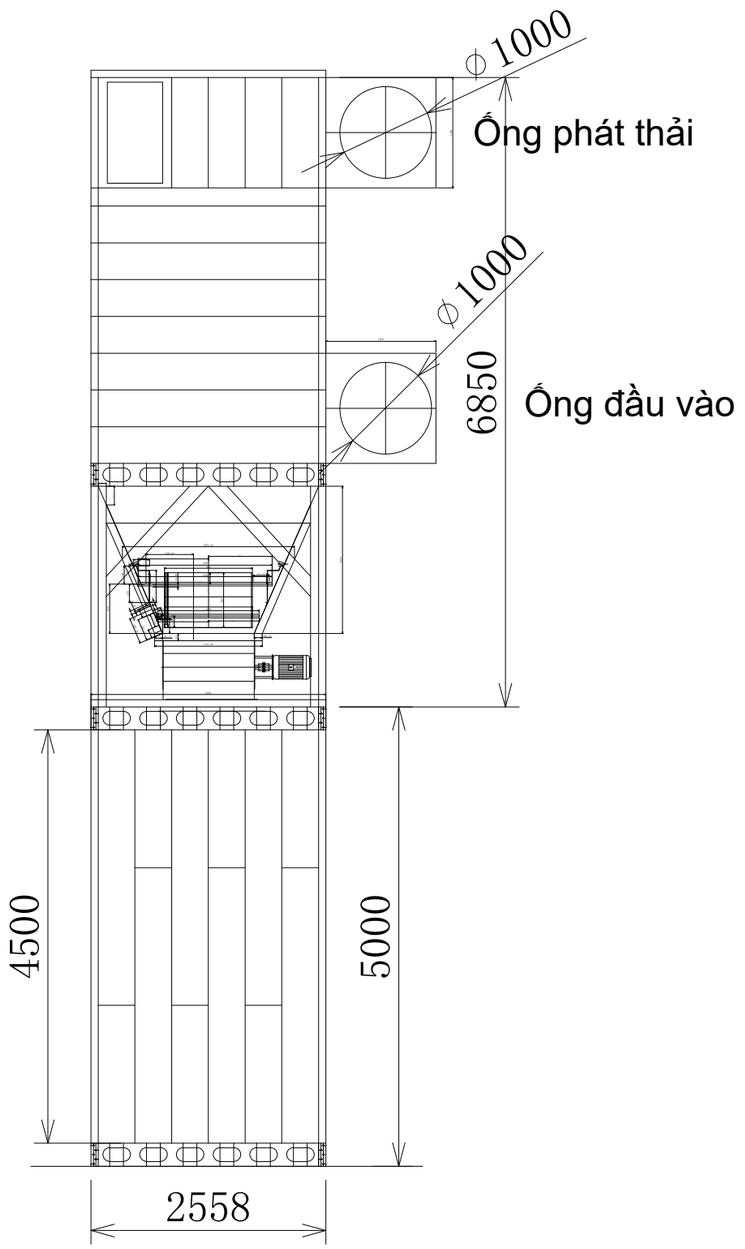

	CHỦ ĐẦU TƯ	GIÁM ĐỐC		TÊN BẢN VẼ	CHỦ TRÌ	THIẾT KẾ
	CÔNG TY TNHH AMEDAN FUNITURE MANUFACTURING			HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI		

PHUN SƠN KHÔ

PHUN SƠN KHÔ

PHUN SƠN KHÔ

PHUN SƠN MÀNG NƯỚC

PHUN SƠN MÀNG NƯỚC

上料

10 pc's

5 pc's

ống phát thải HTXL bụi sơn màng nước

ống phát thải HTXL bụi sơn màng nước

Ống phát thải HTXL bụi sơn bằng màng nước

PHUN SƠN MÀNG NƯỚC

3.6M

3.6M

3M

xưởng 1

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI SƠN VÀ DUNG MÔI

HẠNG MỤC :

ĐỊA ĐIỂM : XÃ TRỪ VĂN THỐ, HUYỆN BÀU BÀNG, T. BÌNH DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

CONG TY TNHH AMEDAN FUNITURE MANUFACTURING

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐỨC HẬU

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MTV THIẾT KẾ XÂY DỰNG

THIÊN AN HƯNG

385/85/21, Tổ 7, Khu phố 8, Đường Lê Hồng Phong, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Phone: 0976763909
Email: thienanhungbd@gmail.com

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH NGUYÊN

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ:

Kts. ĐẶNG TRẦN NHẤT HUY

VẼ:

NGUYỄN HỮU TÀI

TÊN BẢN VẼ:
DRAWING TITLE

MẶT BẰNG HTXL BỤI SƠN

GHI CHÚ CHUNG : *GENERAL NOTES*

- KHI THI CÔNG CÁC ĐƠN VỊ THI CÔNG PHẢI PHỐI HỢP BẢN VẼ CỦA TẤT CẢ CÁC BỘ MÔN : KIẾN TRÚC , KẾT CẤU , ĐIỆN , NƯỚC , ĐIỆN LẠNH , DHKK, PCCC NẾU THẤY SỰ KHÁC BIỆT PHẢI CHO ĐƠN VỊ THIẾT KẾ BIẾT ĐỂ XỬ LÝ .
- KHÔNG ĐO TỈ LỆ TRÊN BẢN VẼ .
- CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI CÔNG TRƯỜNG. NẾU KHÁC BIỆT SO VỚI BẢN VẼ THÌ PHẢI BÁO CHO ĐƠN VỊ THIẾT KẾ.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - *KIND OF DESIGN*

BÁO GIÁ - TENDER	☐	THI CÔNG - CONSTRUCTION	☐
SƠ BỘ - PRELIMINARY	☐	PHÊ DUYỆT - APPROVED	☐
XIN PHÉP - PERMISSION	☐	HOÀN CÔNG - COMPLETION	☐

KÍ HIỆU BẢN VẼ - *DRAWING NO.*

KT:01/02

TỈ LỆ - *SCALE*		THỜI GIAN PHÁT HÀNH - *FINISH*
1/100 ☐	1/50 ☐	
1/200 ☐	1/20 ☐	

HIỆU CHỈNH:
CORRECTION

CHÚ THÍCH *LEGEND*	NGÀY *DATE*
1.	
2.	
3.	